



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Quảng Hiếu
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Jplenio (pixabay)

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989
(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **THÔNGIỆP CỦA SỰ HẠNH PHÚC** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **TỪ SINH, TỰ TÌNH KHÚC** (thơ Ns. Hạnh Đạt), trang 13
- ♦ **TÀI SẢN SẼ MÁT, TẠO PHƯỚC THÌ CÒN** (Quảng Tánh), trang 14
- ♦ **TÂM THƯ CẦU NGUYỆN BỆNH DỊCH CORONA VĨ HÁN CHẤM DỨT** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 15
- ♦ **CHÚC NGUYỄN THƯ PHẬT ĐÀN 2564** (TK. Thích Tuệ Sỹ), trang 16
- ♦ **THỌ GIỚI** (HT. Thích Huệ Hưng), trang 18
- ♦ **SAU MÙA GIÓ LOẠN** (thơ Mặc Phương Từ), trang 23
- ♦ **CHÙA CÓ THIÊN TỬ...** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 24
- ♦ **QUYẾT ĐỊNH THÀNH PHẦN NHÂN SỰ HDBH NHIỆM KỲ 2020-2024** (Hội Đồng Giáo Phẩm), trang 27
- ♦ **ĐỨC PHẬT VỚI VẤN ĐỀ CẢI TIẾN XÃ HỘI** (HT. Thích Minh Châu), trang 28
- ♦ **ĐÓT ÁO – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **CÔNG CUỘC CHẤN HƯNG Ở BẮC KỲ** (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **DỪNG LẬP, THẠCH TRỤ** (thơ Đồng Thiện), trang 27
- ♦ **LÒNG VỊ THA, TỪ BẢN CHẤT ĐẾN HOẠT ĐỘNG** (Huỳnh Kim Quang), tr. 38
- ♦ **TỈNH** (thơ Tuệ Nha), trang 41
- ♦ **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI CHÙA BÁT NHÃ** (Thanh Huy), trang 44
- ♦ **KHÓ ĐAU VÀ CORONA, VƯỢT QUA KHÓ NẠN** (thơ Diệu Viên), trang 47
- ♦ **THƠ SẼ CHỮA LÀNH THẾ GIỚI** (Nguyễn Giác), trang 47
- ♦ **LONG TUYẾN CẢNH VỊNH** (thơ Thích Chúc Hiền), trang 50
- ♦ **CÁI ĐUÔI CHỖ XOÁN RUỘT GÀ** (Truyện cổ Phật giáo), trang 51
- ♦ **NHỮNG CÓN ĐƯỜNG XƯA** (thơ Thực Uyên), trang 52
- ♦ **STORY OF THE THERA WHO STAYED ALONE** (Daw Tin), trang 53
- ♦ **TU HỌC THEO ĐỨC PHẬT** (Thông Đạo), trang 54
- ♦ **MỘT CHỖ CỎ THẬT, NỒN NAO...** (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 56
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 57
- ♦ **DỪA, PHÈN CHUA, SÔI THẬN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 59
- ♦ **THÔNG TƯ V/V QUYỀN GÓP VẬT LIỆU Y TẾ ĐỂ TIẾP TRỢ CHỐNG DỊCH COVID-19** (TV Từ Thiện Xã Hội), trang 62
- ♦ **DANH SÁCH ỦNG HỘ VẬT LIỆU Y TẾ TIẾP TRỢ CHỐNG DỊCH COVID-19** (Thư Ký Chánh Pháp), trang 63
- ♦ **HÌNH ẢNH TẶNG VẬT LIỆU Y TẾ CHO CÁC BỆNH VIỆN** (TV Từ Thiện Xã Hội), trang 64
- ♦ **THAM, SÂN, SI TRONG KINH PHÁP CÚ** (TM. Ngô Tăng Giao) trang 66
- ♦ **HÌNH ẢNH TẶNG VẬT LIỆU Y TẾ CHO CÁC BỆNH VIỆN**, t.t. (TV Từ Thiện Xã Hội), trang 72
- ♦ **BẠN RẤT THÂN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 74
- ♦ **TRỌM HƯƠNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 76
- ♦ **TỬ CÚ LỤC BÁT "TRĂNG"** (thơ Mãn Đường Hồng), trang 78
- ♦ **NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 6** (Vĩnh Hào), trang 80
- ♦ **MỎ CỎI BẠN** (thơ Thanh Yên), trang 83
- ♦ **NẤU CHAY: NẤM LOA KÈN KHO GỪNG** (Thanh Vũ) trang 88



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 103, tháng 06.2020, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

VỌNG TƯỜNG

Đàn chim bay ngang phố. Xao xác tiếng cánh vỗ. Con qua già trên nhánh cây hè phố ngược nhìn một lúc, rồi im lặng sà xuống đất, nhảy lò cò vài bước với một chân bị què, tiếp tục kiếm ăn.

Phố im lạ thường. Những con đường vắng xe đã với mùi khói xăng từ những ngày trước. Lan tỏa đâu đây hương bạch đàn hòa lẫn với mùi nước cống vẫn ngày đêm chảy ngầm dưới lòng đất. Thỉnh thoảng có tiếng còi hụ của xe cứu thương băng ngang góc phố xa. Khách bộ hành mang khẩu trang chỉ chừa lại hai mắt ngầu đục sau gọng kính râm, không sao nhìn ra được vẻ đẹp trắng lè của một bình minh tràn ngập nắng tàn xuân.

Gió mai lành lạnh trong công viên thành phố. Ông già ngồi phơi nắng trên chiếc ghế gấp mang theo từ nhà. Hai vợ chồng trẻ khoác áo gió dặt chó đi bộ quanh bãi cỏ xanh. Một cơn gió mạnh thổi qua làm cho những hàng cây rùng mình buông lá úa. Giờ không phải mùa thu, cũng chưa vào hạ, mà lá vàng vẫn rơi lác đác, trông như những cánh bướm cải nhỡ nhơ trong gió. Nhưng không, chỉ trong thoáng chốc, những cánh bướm đã nằm im trên lá cỏ. Những đợt gió tiếp theo không còn kéo theo lá. Chỉ có hơi lạnh phả trên da ông già mặc áo ngăn tay vì đình ninh hôm nay trời nóng.

Vài con qua tường rằng có thể làm tan tác một đàn chim.

Anh nài nhỏ bé vẫn luôn tin rằng có thể chế ngự con voi suốt đời.

Cáo mượn oai hùm, qua năm tháng, quên mất cại oai của mình chỉ là vay mượn dựa dẫm mà có; cứ đình ninh như thật rằng muôn loài đều ngưỡng mộ và tuân phục phong độ của chính mình.

Những con người, chỉ với vẻ ngoài của làn da, mặc nhiên tự nhận mình như là hàng thượng đẳng của nhân loại, vênh vênh tự

đắc ngay cả khi phải sống trong nghèo cùng vật chất, và rỗng tuếch tri thức; xua đuổi, tấn công, mặt sát kẻ khác bằng hành vi và ngôn ngữ thiếu học.

Những người sai lầm, bày vẽ con đường sai lầm, tiếp tục uốn nắn, bẻ cong lịch sử để giành phần chính nghĩa cho sai lầm phe phái của mình; và vẫn ngoan cố ngụy tạo những âm mưu, gán ghép sai lầm cho những ai đối nghịch.

Những người u mê, nhắm mắt giương cờ, trương biểu ngữ, bày tỏ sự sùng bái của mình với biểu tượng ngoa ngụy, xấu-ác; tưởng rằng biểu tượng này sẽ mãi đi vào tâm tưởng và sự nghiệp đời đời của muôn dân.

Và con người, với trí thông minh, sáng tạo, như là đặc quyền tối ưu trong muôn loài, vẫn luôn tự mãn kiến thức và kinh nghiệm của mình có thể chinh phục thiên nhiên, khám phá vũ trụ, chế ngự không gian (thật và ảo)...

Nhưng không, tất cả đều là vọng tưởng, là những giấc mơ hảo huyền, dù rằng hệ quả thực tế của chúng có khi kéo dài mười năm, năm mươi năm, trăm năm, thậm chí một nghìn năm. Vọng tưởng vẫn cứ là vọng tưởng, không thể vượt qua được tính chất bất định, giả huyền của cuộc đời.

Sóng vô thường sẽ cuốn phăng đi tất cả, bất kể địa vị, màu da, chủng tộc, bần cùng hay phú quý, trí thức hay không trí thức, phẩm hạnh hay vô đạo đức.

Cuộc sống của mỗi cá thể, hay tập thể, là nguyên nhân và cũng là kết quả từ một vòng lưới trùng trùng vọng tưởng, chẳng biết đâu là mắc xích khởi đầu hay kết thúc. Chỉ khi nào ngồi trong tịch lặng, bốn mươi chín ngày đêm thiền quán thâm sâu như một lần đạo sĩ Gotama bên sông Ni-liên (1), mới bé gãy được đầu mối của mê vọng, tham ái (2); hay như một lần hốt nhiên bừng sáng trí tuệ khi trực nhận



nguyên lý vô thường duyên sinh qua mắt mắt, đốn đau tận cùng tử sinh, già, bệnh, chết.

Không tỉnh thức được như thế thì con người hôm nay hay ngày mai, vẫn tiếp tục thả trôi cuộc sống của mình trong dòng mộng tưởng, vô minh.

Còn vô minh, ái ngã là còn vọng động, tàn phá, hủy diệt.

Sự vọng động của những ai đó trong quá khứ hãy còn lưu đậm dấu tích trong tâm tưởng người nay. Hãy chiêm nghiệm và học bài học từ những đổ nát ấy. Hãy ngưng lại mọi thứ mạnh động, tham lam và tật đố, oán hận và tranh chấp (3). Hãy ngưng lại những toan tính, âm mưu, sự tìm bả danh lợi rơi rớt lại trong tàn tích hoang phế.

Niềm bình an chỉ có được khi mọi thứ vọng tưởng lắng xuống, lắng xuống.

Con quạ già lúi thủ đi về hướng bãi tha ma khi đàn chim vỗ cánh trên trời cao, bay về nơi yên tĩnh.

Chó dạo công viên chỉ gầm gừ một chút với người ngược hướng, rồi cũng theo chủ về nhà.

Đâu đó trên non cao, nước từ nguồn xa vẫn tiếp tục róc rách chảy ra sông, đổ về biển lớn.

Lão già thiếp đi trong giấc ngủ ngắn. Trở mình tỉnh giấc thì mặt trời đã lên cao.

- 1) 1) Cội cây bồ-đề bên sông Ni-liên-thuyền (Nairanjana) là nơi đức Phật thành đạo.
- 2) 2) Đạo sĩ (họ) Gotama là cách của những người đương thời gọi đức Phật. Khi chứng được thánh trí dưới cội bồ-đề sau 49 ngày đêm đi vào đại định, đức Phật đã thốt lên rằng: *"Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi! Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta gặp được người rồi. Người không thể làm nhà nữa. Cột và đòn tay của người đều gãy cả, nóc và xà nhà của người đã tan vụn rồi. Ta đã chứng đắc Niết bàn, bao nhiêu dục ái đều dứt sạch"* (Kinh Pháp Cú, câu 153-154, HT. Thích Thiện Siêu dịch). Kẻ làm nhà ở đây được hiểu là vô minh, tham ái, khởi nguyên cho sự vận hành của sinh-tử luân-hồi.
- 3) 3) *"Những ai bị chế ngự bởi phần nộ và oán hận, nguỵ thiện và nảo hại, tham lam và tật đố, giáo hoạt và man trá, ác dục và tà kiến; những người ấy không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không tôn kính Tăng, không nỗ lực hoàn thiện các học giới. Những người như vậy thường xuyên gây tranh chấp, tranh luận trong Tăng; gây bất ổn và khiến nhiều người không được an lạc."* (Pháp Diệt Tránh, Thích Nguyên Chứng biên tập, Như Như xuất bản năm 2008, trang 15)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

HOA KỲ: Tu sĩ Phật giáo Kos-san chơi nhạc rock Âu Mỹ

Trên Internet thời gian qua tràn ngập những người trình diễn các phiên bản cover 'không giống ai nhất'.

Và nhạc sĩ mới nhất làm cho trạng thái tầm thường nói trên thất bại là một tu sĩ Phật giáo tên là Kossan, người đang phát triển một sự nổi tiếng nào đó khi trình diễn các bài hát rock phương Tây trên các nhạc cụ truyền thống của Nhật Bản.

Cho đến nay, sư Kossan - tên thật là Kazutaka Yamada - đã tự quay phim các phiên bản We Will Rock You của ban nhạc Queen, Yellow Submarine của The Beatles, và Teenage Lobotomy của The Ramones.

Người ta không biết nhiều về Kazutaka, chỉ biết rằng tu sĩ này sống ở New York, nơi sư dạy Zazen, một phương pháp rèn luyện thiền định của truyền thống Phật Thiền nhằm mục đích cung cấp cho các học viên cái nhìn sâu sắc về bản chất của sự tồn tại.

(NewsNow - April 22, 2020)



Sư Kossan (Kazutaka Yamada)
Photo: Kossan1108

Các sa di học tập tại chùa Wat Molilokayaram trong thời kỳ giãn cách xã hội vì coronavirus
Photos: Gulf News

THÁI LAN: Các sa di chùa Wat Molilokayaram học tập với sự giãn cách xã hội vì coronavirus

Bangkok, Thái Lan - Khoảng 60 tu sĩ học sinh - một số ở độ tuổi tiểu học - đeo khiên che mặt và khẩu trang bằng vải khi tham dự các bài học tại Wat Molilokayaram, một ngôi chùa ở Bangkok.

Do những sa di này sống tại bản tự, nên sư trụ trì của chùa này không thấy có lý do gì phải ngừng việc học tập ngôn ngữ kinh điển Pali cổ vì coronavirus cả, là đại dịch vốn khiến tất cả các trường học của chính phủ đóng cửa trong nhiều tuần.

Thay vào đó, chùa Wat Molilokayaram đã đặt các bàn cách nhau không dưới 2 mét (6,56 ft) để cố gắng ngăn chặn bất kỳ sự lây lan của virus.

"Chúng tôi kiểm tra nhiệt độ của tất cả các nhà sư và sa di mỗi buổi sáng", sư trụ trì Phra Theppariyattimolee nói. "Các nhà sư và sa di được yêu cầu đeo khẩu trang khi họ có các hoạt động bên ngoài khu vực sinh sống của mình ... Điều này là để bảo vệ tất cả những người liên quan."

Ngôi chùa hiện đang ngưng tập tục của người Thái thông thường là các nhà sư nhận được thức ăn từ công



chúng. Thay vào đó, thức ăn được nấu trong chùa và phân phát cho mọi người, sư trụ trì nói.

(Gulf News - April 22, 2020)

HOA KỲ: Hội Phật giáo Từ Tế tại Hoa Kỳ mang hy vọng đến những người hùng tiền tuyến

Tổ chức Phật giáo Từ Tế tại Hoa Kỳ đang gây quỹ cho các nỗ lực cứu trợ để giúp lực lượng y bác sĩ và nhân viên y tế đang ở tuyến đầu chống COVID-19 trên toàn quốc.

Thông qua chiến dịch Flatten the Curve ('Làm phẳng đường cong' - của biểu đồ chống coronavirus), tính đến ngày 23-4 hội này đã quyên tặng cho 370 tổ chức (bao gồm hơn 166 bệnh viện) số lượng hàng cứu trợ gồm: 493,378 khẩu trang phẫu thuật, 36,712 găng tay, 17,674 khẩu trang N95 (và / hoặc các chất thay thế bao gồm KN95), 7,899 chai thuốc xịt khử trùng, 3,670 chai thuốc khử trùng tay, 2,097 túi hàng tạp hóa, 1,476 khẩu trang vải thủ công, và nhiều thứ khác...

Việc quyên góp và phân phối hàng cứu trợ này đã dẫn đến sự hợp tác cộng đồng ngày càng tăng ở các tiểu bang và các nhóm dân cư đặc biệt khó khăn và dễ bị tổn thương.

Từ Tế Hoa Kỳ tìm kiếm sự hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân để hội có thể tiếp tục nỗ lực cứu trợ COVID-19.

(pasadenanow.com - April 23, 2020)



Những người hùng tiền tuyến chống coronavirus tại Trung tâm Y tế của Bệnh viện Trung tâm Pomona bày tỏ lời cảm ơn chân thành Từ Tế Hoa Kỳ vì đã tặng các thiết bị bảo vệ cá nhân rất cần thiết



Bác sĩ David Wong (bên trái) tại Hệ thống Chăm sóc Y tế Bronx, thay mặt cho các bệnh viện của hệ thống, cảm kích tiếp nhận sự đóng góp khẩu trang y tế của Từ Tế Hoa Kỳ
Photos: pasadenanow.com

ẤN ĐỘ: "Covid-19: Một bài học về trách nhiệm chung từ Mẹ Trái Đất," Đức Đạt lai Lạt ma nói

Nhân kỷ niệm 50 năm Ngày Trái đất (22-4-2020), Đức Đạt lai Lạt ma phát biểu rằng đại dịch coronavirus toàn cầu là một bài học về trách nhiệm chung của Mẹ Trái đất dạy cho nhân loại. Ngài nói thêm rằng loài người cần phải đối mặt với thử thách bằng sự hòa hợp hơn là bằng sự phân biệt đối xử.

Ngài cũng nhấn mạnh vai trò của các nhân viên y tế trong đại dịch và tầm quan trọng của việc cung cấp các nhu yếu phẩm cơ bản cho những người đang rất cần trong tình huống này. "Các cơ sở vệ sinh cơ bản cho mọi người là rất quan trọng để kiểm soát sự lây lan của căn bệnh", ngài nói.

"Quyền lui tới bền vững tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe có nhân viên và được trang bị phù hợp sẽ giúp chúng ta đáp ứng những thách thức của đại dịch hiện đang tàn phá hành

trình của chúng ta. Nó cũng sẽ cung cấp một trong những biện pháp phòng vệ mạnh nhất chống lại các cuộc khủng hoảng sức khỏe cộng đồng trong tương lai", ngài nói thêm.

(thehindubusinessline.com - April 23, 2020)



Đức Đạt lai Lạt ma và Phật tử đến từ Việt Nam
Photo: PTI

THÁI LAN: Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế ra mắt Quỹ Cứu trợ Khẩn cấp COVID-19

Bangkok, Thái Lan - Nhằm mục đích vượt qua đau khổ thông qua thực hành Đạo pháp và thông qua phát triển một hình thức tham gia xã hội của Phật giáo, Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB) đang tìm cách tận dụng phạm vi toàn cầu của mình với việc ra mắt quỹ khẩn cấp để mang lại sự cứu trợ rất cần thiết cho các cộng đồng dễ bị tổn thương và bị thiệt thòi trong cuộc khủng hoảng coronavirus toàn cầu.

"Chúng tôi đưa ra Hành động Chánh niệm: Quỹ Cứu trợ Khẩn cấp COVID-19 để hỗ trợ các nỗ lực cứu trợ khẩn cấp ở một số quốc gia có nhu cầu lớn nhất tại Nam và Đông Nam Á: Bangladesh, Ấn Độ, Myanmar và Nepal," thư ký điều hành của INEB Somboon Chungprampree nói.

"Hành động Chánh niệm: Quỹ cứu trợ khẩn cấp COVID-19' đang hợp tác với Hiệp hội Dipankar Atish (ADS) ở Bangladesh; Quỹ Cứu trợ Nagaloka, Quỹ của Thánh Thượng (Asoka/ A Dục Vương) và Mạng lưới ADECOM, và Quỹ Cứu trợ Phật giáo phối hợp với Quỹ Quốc tế Sunyatee (SIF) ở Ấn Độ; Quỹ Kalyana Mitta

(KMF) và Trường phái Tu viện Phaung Daw Oo ở Miến Điện; và Liên đoàn Phật giáo Nepal (NBF) ở Nepal.

"Chúng tôi đang đề nghị mọi người đóng góp cho hỗ trợ cứu trợ này và chia sẻ thông tin về Hành động Chánh niệm: Quỹ cứu trợ khẩn cấp COVID-19 với các mạng của bạn thông qua phương tiện truyền thông xã hội, trang web và trong các cuộc họp," ông Nott Somboon kết luận..

(Buddhistdoor Global - April 27, 2020)



Atish Dipankar Society - (ADS), Bangladesh

Hoạt động cứu trợ chống COVID-19 tại Bangladesh, Ấn Độ, Miến Điện... của các tổ chức hợp tác với INEB



Nagaloka Relief Fund, India



Phaung Daw Oo Monastic School, Myanmar



Kalyana Mitta Foundation - KMF, Myanmar

Photos: inebwork.org

HÀN QUỐC: Tác phẩm điêu khắc Phật giáo thế kỷ 17 sẽ được chỉ định là bảo vật

Ngày 29-4-2020, Cục Quản lý Di sản Văn hóa (CHA) tuyên bố sẽ chỉ định tác phẩm điêu khắc đầu tiên từ thế kỷ 17 của Hòa thượng Hyunjin là một bảo vật.

Tác phẩm "Jangseong Baekyangsa Mokjoamitayeoraerajwasang," (Phật A Di Đà ngồi bằng gỗ) này - thuộc về chùa Baekyangsa ở Jangseong, tỉnh Jeolla Nam - là một bức tượng điêu khắc cao 208 cm mà Ven. Hyunjin tạo tác cùng với Hòa thượng Hueil và Hoà thượng Moonseub vào năm 1607.

The Ven. Hyunjin là một nhà điêu khắc nổi tiếng, là người cũng đã lãnh đạo một dự án khôi phục các tác phẩm điêu khắc Phật giáo bị mất hoặc hư hại trong cuộc xâm lược của Nhật Bản vào năm 1592-1598.

(koreaherald.com - May 2, 2020)



*Tượng Phật A Di Đà ngồi bằng gỗ tại chùa Baekyangsa ở Jangseong, tỉnh Jeolla Nam (Hàn Quốc)
Photo: koreaherald.com*

NHẬT BẢN: Các vị lãnh đạo 3 tôn giáo cùng cầu nguyện trước chùa Todaiji

Trước ngôi chùa Todaiji ở Nara vào ngày 24-4-2020, các vị lãnh đạo Phật giáo, Thần đạo và Công giáo đã cùng nhau cầu nguyện cho sự chấm dứt của đại dịch coronavirus. Trong sự kiện được phát sóng này, các vị ngồi cách nhau 2 mét và khuyến khích các cộng đồng của họ cùng cầu nguyện với họ vào giờ Ngọ mỗi ngày trong khi phải cách ly thân thể vì đại dịch.

"Mặc dù chúng ta phải kiềm chế các hoạt động thông thường của mình vì lợi ích của người khác, tôi vẫn muốn cầu nguyện cùng nhau," sư trưởng Fumon Sagawa của chùa Todaiji nói.

(TRICYCLE - May 2, 2020)



*Các vị lãnh đạo 3 tôn giáo cùng cầu nguyện trước chùa Todaiji ở Nara (Nhật Bản)
Photo: TRICYCLE*

THÁI LAN: Các chùa ở nam Thái Lan sắp hết lương thực

Một số chùa chiền Phật giáo ở miền nam Thái Lan đang phải đối mặt với tình trạng thiếu tiền quyên góp và vật phẩm cúng dường do hậu quả của đại dịch coronavirus.

Wiwat Wankumpha, giám đốc văn phòng Phật giáo tỉnh Prachuap Khiri Khan, cho biết các ngôi chùa trong khu vực đã yêu cầu chính phủ cấp từ 80,000 đến 100,000 baht (khoảng 3,000 USD).

Văn phòng Phật giáo tỉnh đã cung cấp cho các chùa này gạo và thực phẩm khô, và

khuyến khích họ dựa vào việc trồng rau, giảm số lượng tín đồ phụ thuộc và tạm thời đóng cửa chùa để tiết kiệm chi phí điện.

(TRICYCLE - May 2, 2020)

ẤN ĐỘ: Dự án Thắp sáng chùa Đại Giác (Mahabodhi) đạt được mục tiêu tài trợ

Hội Khyentse, do Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche - vị Lạt ma, nhà làm phim và nhà văn nổi tiếng người Bhutan - thành lập, đã cung cấp một bản cập nhật tiến trình một năm về dự án chiếu sáng chùa Đại Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng bằng một hệ thống chiếu sáng nghệ thuật. Tổ chức này báo cáo rằng đã nhận được tài trợ đầy đủ cho sáng kiến đầy khát vọng nói trên, bày tỏ kỳ vọng rằng dự án có thể được hoàn thành đúng tiến độ và trong ngân sách, với một buổi Lễ Thắp Sáng lớn vào tháng 10 theo kế hoạch.

Dự án, được đặt tên là "Thắp sáng chùa Đại Giác," có mục tiêu là đại tu hệ thống ánh sáng và điện lâu đời ở khu chùa này để tạo ra điều có thể xem là sự cúng dường ánh sáng Phật giáo lớn nhất và lâu dài nhất trong lịch sử.

Dự án được chính thức ra mắt vào ngày 26-3 năm ngoái.

Mặc dù có những sự chậm trễ trong công việc tại khu phức hợp đền thờ này do ảnh hưởng của đại dịch coronavirus, nhưng Hội Khyentse bày tỏ sự tự tin về việc hoàn thành dự án trong tiến độ.

(Buddhistdoor Global - May 4, 2020)

*Poster và ảnh chụp một góc chùa Đại Giác (Ấn Độ)
Photos: khyentsefoundation.org*



HÀN QUỐC: Tranh cuộn treo Phật giáo cao 11 mét được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia

Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc tại Yongsan-gu, Seoul đã ra mắt một cuộc triển lãm mang tên “Cơn mưa hoa: Tranh cuộn treo Phật giáo tại chùa Eunhaesa” trong Phòng triển lãm tranh Phật giáo của các bức tranh và phòng triển lãm thư pháp vào ngày 6-5-2020.

Đây là triển lãm đầu tiên được trưng bày bởi Bảo tàng này kể từ khi đóng cửa tạm thời vào ngày 25-2. Triển lãm giới thiệu một bức tranh cuộn treo Phật giáo của chùa Eunhaesa (tọa lạc tại sườn núi Palgong ở Yeongcheon, tỉnh Bắc Gyeongsang), cũng như một bức tranh Phật giáo có tên là “Lối tắt để Tái sinh thông qua Chánh niệm Phật” và các tác phẩm khác.

Bức tranh cuộn treo cao 11 mét, rộng 5 mét nói trên được vẽ vào năm 1750.

(donga.com - May 07, 2020)

*Bức tranh cuộn treo Phật giáo (cao 11 mét, rộng 5 mét) được vẽ vào năm 1750
Photo: donga.com*



TÍCH LAN: Lễ Vesak tại thành phố Jaffna với nghĩa cử của thiện nguyện và chia sẻ

Jaffna, tỉnh Phía Bắc - ùng hộ chương trình phúc lợi được thực hiện để tạo thuận lợi cho cộng đồng dân sự trong đại dịch COVID 19, quân đội thành phố Jaffna theo chỉ thị của Thiếu tướng Ruwan Wani-gasooriya, Tư lệnh Lực lượng An ninh - Jaffna, đã phân phát các gói khẩu phần khô và chuẩn bị các gói ăn trưa cho cộng đồng nghèo ở bán đảo Jaffna. Các quỹ cho nghĩa cử này đã được tạo ra với sự đóng góp từ Hiệp hội Phật giáo Quân đội, quân đội Jaffna và thông qua các quỹ tiết kiệm mà lễ ra chi dụng cho nhiều khoản trang trí lễ Vesak.

Chương trình phúc lợi được thực hiện bởi Lực lượng An ninh - Jaffna để đánh dấu ngày trăng tròn Vesak và nó đã mang lại lợi ích cho 750 gia đình nghèo ở nhiều khu vực khác nhau ở địa phương.

Thực hiện vào ngày 07- 5 - 2020 - với sự tham gia của Tư lệnh Lực lượng An ninh - Jaffna, Tổng Tham mưu trưởng Sư đoàn 51, 52 và 55, các Chỉ huy Lữ đoàn, Sĩ quan Cao cấp và binh sĩ - các chương trình phân phối hàng cứu trợ đã được tổ chức rải rác khắp bán đảo Jaffna theo từng nhóm nhỏ tham dự với tầm giản cách xã hội phù hợp và thực hành tốt nhất về vệ sinh.

(dailynews.lk - May 8, 2020)



Quân đội tại Jaffna cung cấp hàng cứu trợ cho người dân địa phương trong đại dịch Covid-19—Photo: dailynews.lk

THỤY SĨ: Kỷ niệm 20 năm ngày Quốc tế Công nhận Lễ Vesak

Geneva, Thụy Sĩ - Vào ngày 10-5-2020, Ngày Quốc tế Vesak và kỷ niệm 20 năm thông qua Nghị quyết 54/115 của Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc (UNGA) - công nhận là ngày Vesak quốc tế - đã được kỷ niệm tại một lễ kỷ niệm ảo đặc biệt được tổ chức bởi Phái đoàn Thường trực Tích Lan tại Liên Hợp Quốc ở Geneva, cùng với Phái đoàn Thường trực của Thái Lan tại Liên Hợp Quốc ở Geneva và Tổ chức Phật giáo Quốc tế tại Geneva.

Hòa thượng Ajahn Amaro, Trụ trì Tu viện Amarawathi ở Vương quốc Anh đã có bài phát biểu chính tại sự kiện trực tuyến này, với hơn 250 người tham gia ảo.

Được khởi xướng bởi Tích Lan vào năm 1999, Nghị quyết 54/115 của UNGA thừa nhận sự đóng góp mà Phật giáo - một trong những tôn giáo lâu đời nhất trên thế giới - đã thực hiện trong hơn hai thiên niên kỷ rưỡi, và tiếp tục thực hiện, cho tâm linh của nhân loại.

Nhận lời mời của Phái đoàn Thường trực Tích Lan tại Liên Hợp Quốc ở Geneva, các Đại diện Thường trực và các thành viên khác của các cơ quan ngoại giao từ nhiều quốc gia đã tham gia sự kiện này.

(news.lk - May 10, 2020)



*Ông Dayani Mendis, người đại diện Phái đoàn Thường trực Tích Lan tại Liên Hợp Quốc ở Geneva trong sự kiện trực tuyến nhân Lễ Vesak năm nay
Photo: news.lk*

ẤN ĐỘ: Lễ Kỷ niệm Vesak Toàn cầu Vesak nhân dịp Lễ Đức Phật Đản sinh

Vào ngày 7-5, trong bài phát biểu của ông tại Lễ Kỷ niệm Vesak Toàn cầu Vesak nhân dịp Lễ Đức Phật Đản sinh, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã chúc mừng lễ Vesak và Phật Đản hoan hỉ đến với mọi người.

Năm nay, Bộ Văn hóa, Chính phủ Ấn Độ phối hợp với Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC), đã tổ chức Sự kiện Cầu nguyện Áo với sự tham gia của tất cả các vị đứng đầu tối cao của các tăng đoàn Phật giáo từ khắp nơi trên thế giới.

Các nghi lễ cầu nguyện nhân dịp này đã được truyền trực tiếp từ Vườn Thiêng Lâm Tì Ni ở Nepal, chùa Đại Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ, tịnh xá Mulgandha Kuti ở Sarnath, Ấn Độ, bảo tháp Parinirvana Stupa, Kushinagar, Ấn Độ, bảo tháp Anuradhapura ở Tích Lan, các bảo tháp Boudhanath, Swayambhu và Namu ở Nepal và các địa điểm Phật giáo nổi tiếng khác.

(tipitaka.net - May 10, 2020)



Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi — Photo: tipitaka.net

ĐÀI LOAN: Các nhóm Phật giáo chuyển các nghi lễ tôn giáo sang trực tuyến trong bối cảnh COVID-19

Đài Bắc, Đài Loan - Lần đầu tiên Tổ chức Từ thiện Phật giáo Từ Tế đã tổ chức lễ Phật đản hàng năm trực tuyến, do sự hạn chế của chính phủ đối với các cuộc tụ họp đông người giữa đại dịch COVID-19.

Năm nay, do các quy định phòng ngừa COVID-19 của chính phủ, Hội Từ Tế đã buộc phải từ bỏ việc tập hợp đông đảo tín đồ trong quảng trường Tưởng niệm Tưởng Giới Thạch ở Đài Bắc.

Thay vào đó, Từ Tế đã chọn phát sóng một buổi lễ lúc 7 giờ sáng trên kênh truyền hình và trang web Da Ai của hội này, với những lời cầu nguyện của các tăng ni Phật tử trong các tu viện ở Đài Bắc và Hoa Liên.

Buổi lễ tắm Phật đã được phát bằng chín thứ tiếng khác nhau và phát trực tuyến trên trang web Da Ai. Đồng thời, trang web Ngày Đức Phật của Từ Tế đã có 118.324 người tham gia buổi lễ này ngay vào thời điểm báo chí bắt đầu hoạt động.

Vào cuối tháng 4, nhóm Phật giáo Pháp Cổ Sơn Môn ở Tân Đài Bắc cũng lập một trang web tương tự, nơi những người tín đồ có thể tham gia cầu nguyện và tắm lễ Phật.

(FOCUS TAIWAN May 10, 2020)



Một ngôi chùa tại Đài Loan trong đại dịch coronavirus
Photo: Hội Từ Tế



Pháp sư Ching Nghiem đã sáng lập Hội Công đức Từ Tế - một tổ chức công ích trừu danh toàn cầu, vào năm 1966, nay số hội viên của hội này đã trên 30 triệu người, khắp thế giới.

SINGAPORE: Tổ chức từ thiện Phật giáo hỗ trợ sinh viên Tích Lan tại Singapore

Đến giữa tháng 4-2020 trong đại dịch coronavirus, Cao Ủy Tích Lan tại Singapore đã nhận được yêu cầu từ 500 sinh viên Tích Lan đang tìm kiếm sự giúp đỡ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày tại đây.

Tổ chức từ thiện Phật giáo Từ Tế Singapore đã vào cuộc, với việc cung cấp 250 túi đồ ăn được bao gồm gạo, dầu ăn, gia vị và thực phẩm khô cũng như các mặt hàng thiết yếu như khẩu trang. Mỗi túi cũng bao gồm một lá thư khích lệ.

Các túi cứu trợ được đóng gói bởi các tình nguyện viên của tổ chức từ thiện này, và sau đó bàn giao cho Cao Ủy Tích Lan để phân phối. Hầu hết các sinh viên Tích Lan nói trên, khoảng 1.000 người, đang ở Singapore để theo học chương trình văn bằng sáu tháng đến một năm tại một cơ sở giáo dục bách khoa hoặc tư nhân. Một số trong số họ đã bay về nước vào thứ Tư tuần trước, còn lại 750 đến 800 người vẫn ở Singapore.

(Straits Times - May 11, 2020)

BIỆT TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biệt Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

b/5- Tướng Sai Biệt:

Bài Tụng:

“Tướng sai biệt của không, ở trong Kinh nói có mười bốn thứ, mười sáu thứ, mười tám thứ, hai mươi thứ, v.v... Không tuy là một và tùy theo tất cả pháp mà phân biệt không, cho nên có tướng khác, gọi là Tướng Sai Biệt của Tướng Không.”

“Năng lực ăn và chỗ ăn, nường nơi thân này, chỗ trụ (vũ trụ) ỉ, khả năng thấy nó, như lý, chỗ cầu hai (hữu vi, vô vi) tịnh không. Là thường lợi ích hữu tình, vì không xả sanh tử, vì thiện vô cùng tận, nên quán đây là không. Vì chúng tánh (niết bàn và bồ đề) thanh tịnh, vì đặc các tướng hảo, vì tịnh pháp của chư Phật, cho nên Bồ Tát quán không.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng trên đây là trình bày rõ, cộng chung có mười bốn thứ Không:

1/- Không của năng lực ăn đây, ở trong Kinh Bát Nhã gọi là Nội Không (*Không ở bên trong*). Bên Trong nghĩa là chỉ cho sáu Căn ở trong, sáu Căn đây có năng lực thấu hút sáu trần cảnh bên ngoài để tự tâm bổ tăng trưởng, cho nên Căn thì có năng lực ăn, tức là có năng lực đem tự thể bên ngoài mà thấu vào nơi tự thể bên trong để tiêu hoá dinh dưỡng. Quán sáu Căn là không, nghĩa là chỉ cho năng lực ăn là không.

2/- Không của chỗ ăn đây là chỉ cho sáu Trần bên ngoài, trong Kinh gọi là Ngoại Không (*Không ở bên ngoài*). Sáu Trần là chỗ để

duyên, nên gọi là chỗ ăn.

3/- Nường nơi thân này đây, trong Kinh Bát Nhã gọi là Nội Ngoại Không (*Không cả bên trong và bên ngoài*). Đứng ra sáu Căn thật sự chính là Tịnh Sắc Căn ở trong thân, thể của nó rất tinh tế, có khả năng phát ra sự hiểu biết của con mắt, của lỗ tai, v.v... thuộc thô trọng mà không thể thấy được. Sắc thô trong đây nơi trong Kinh Phật có biệt danh là Căn Y Xứ (*Căn là chỗ nương tựa của Thức*). Năm Căn trước nơi Sanh Lý Học hiện nay gọi là hệ thống thần kinh, có chỗ gọi là Thị Thần Kinh, Thính Thần Kinh, v.v... đều không thể thấy được chúng ở mặt ngoài. Ngày nay Khoa Học tiến bộ dùng Thấu Quang (X - ray), Kiến Hiển Vi, v.v... có thể thấy được, nơi trong Phật Pháp cũng nói Thiên Nhãn có thể thấy được, đây chính là Sắc Pháp rất vi tế, có khả năng phát khởi năm Thức trước. Nếu thêm 5 Căn nữa thì thành sáu Căn. Sáu Căn đây đều nương tựa nơi thân, thân tức là chỗ nương tựa của sáu Căn này,

nên gọi là Thứ Y Căn (*Đây là chỗ nương tựa của Căn*). Mà Thân này cũng là chỗ nương tựa của năm Trần bên ngoài. Thân làm chỗ nương tựa đây thông suốt qua cả trong và ngoài nên gọi là không, vì thể cái không của thân làm chỗ nương tựa đây gọi là Nội Ngoại Không.

4/- Chỗ Trụ đây trong Kinh Bát Nhã gọi là Đại Không (*Thế giới*); Trụ chính là thế giới, là chỗ trụ của thân thể, đồng thời chỗ trụ đây cũng là vũ trụ khí thể gian, cũng là cực đại, cho nên gọi là đại không.

5/- Công Năng thấy đây, trong Kinh Bát Nhã gọi là Không Không (*Trí quán không và Trí Quán cũng không*). Không Không nghĩa là trí quán không có công năng quán sát mặt trước



HT Thắng Hoan

của nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, v.v... mà trí có công năng quán đầy cũng là không, nên gọi là Không Không.

6/- Như Lý đây, gọi đủ là Tức Như, Tức Lý. Tức Như, nghĩa là nó chính chân lý mà không có sai trái; Tức Lý, nghĩa là nó đã như thế mà thấy nó cũng như thế. Như Lý Không đây, ở trong Kinh Bát Nhã gọi là Thăng Nghĩa Không. Thăng Nghĩa tức là chỉ cho cảnh sở duyên không sai trái của trí tối thắng không phân biệt, cho nên như lý không tức là Thăng Nghĩa Không.

7/- Chỗ cầu Hai Tịnh Không, Hai đây tức là chỉ cho hai pháp hữu vi và vô vi. Hai Tịnh tức là nói rõ Bồ Tát cầu chánh kiến, tu chánh hạnh, tu tư lương tích phước đức và trí tuệ, tất cả đều là do vì mong cầu hữu vi tạp nhiễm và vô vi như bản cuối cùng trở thành thanh tịnh, cho nên Bồ Tát luôn luôn lúc nào cũng quán không. Chữ Không đây, nơi trong Kinh Bát Nhã gọi là Không Hữu Vi, Không Vô Vi, cũng tức là chỉ cho không hữu vi của Thức thứ bảy và không vô vi của Thức thứ tám.

8/- Vì thường lợi ích hữu tình đây, nghĩa là tất cảnh không (*rốt ráo không*) thứ tám, tức là Bồ Tát tu tập quán không suốt tận cùng bờ mé vị lai, thường làm lợi ích hữu tình, không có chán nản, không có mệt mỏi. Nhân vì quán không, Bồ Tát không thấy mình thường làm lợi ích và hữu tình chỗ được lợi ích, quán chiếu cả hai rốt ráo đều không, cho nên gọi là Tất Cảnh Không.

9/- Vì không xả sanh tử đây là Không Vô Tế (*không, không có bờ mé*), nghĩa là không có bờ mé giới hạn của ba đời, như là không có quá khứ, không hiện tại, không vị lai, cũng gọi là Vô Thi Không, tức là không có bờ mé khởi đầu. Như quán sát sanh tử thì không có bờ mé của ban đầu, của chính giữa và của cuối cùng, mà Bồ Tát nhân vì thường độ chúng sanh, không chán sanh tử, cũng không sợ sanh tử, nên gọi là Không Xả Sanh Tử.

10/- Vì Thiện Không Cùng Tận đây, nghĩa là chỗ tu tất cả thiện pháp tư lương phước trí của Bồ Tát, như bồ thí vô tướng, v.v... công đức của nó là không thể nghĩ bàn, cho nên chỗ tu thiện hạnh là không cùng tận.

11/- Không Vô Tán (*là không tan mất*) thứ mười một. Công đức tu thiện của Bồ Tát vĩnh viễn không tan mất, viên mãn bồ đề vô thượng, tương tục không dứt, thành công đức tạng vô tận, nên gọi là Không Vô Tán. Cho nên chỉ cần quán một câu Không đây thì kết quả thành ba Không (*Ngã không, pháp không, ngã pháp đều không*).

12/- Vì Chủng Tánh Thanh Tịnh đây là bản tánh Không thứ mười hai. Nhị Thừa thì có chủng tánh Niết Bàn, Bồ Tát thì có chủng tánh Bồ Đề, đây là hai tướng chủng tánh thanh tịnh. Nếu rõ bản tánh thanh tịnh của hai tướng chủng tánh đây thì khiến ra khỏi phiền não vô minh, cho nên Bồ Tát muốn được như thế cần phải quán không tất cả năng thủ sở thủ, ngã chấp pháp

chấp, khiến bản tánh thanh tịnh là khỏi chướng ngại của hai tướng thanh tịnh nói trên, nên gọi là Bản Tánh Không.

13/- Vì Tướng Công Đức Quả Phật đây là Tướng Không thứ mười ba, nghĩa là tu thành ba mươi hai tướng quả Phật, tám mươi vẻ đẹp, vì tướng công đức quả Phật cho nên Bồ Tát thường tu Pháp Không. Nhờ tu Pháp Không, Tướng của quả Phật mới có thể viên mãn, nên gọi là Tướng Không.

14/- Vì pháp thanh tịnh của chư Phật đây là tất cả Pháp Không thứ mười bốn. Tất cả pháp tức là chỉ cho tất cả pháp hữu vi và vô vi; vì muốn chứng được tất cả pháp viên mãn thanh tịnh, cho nên Bồ Tát thường tu Pháp Không, đây gọi là tất cả Pháp Không.

Mười bốn thứ Không trở lên là phân biệt Tánh Không rất rõ ràng, Luận đây so cùng Bát Nhã thì cũng giống nhau. Luận này thì có mười bốn thứ không và Bát Nhã thì có mười sáu thứ không. Trong mười sáu thứ không, có hai thứ không chính là Vô Tánh Không và Vô Tánh Tự Tướng Không. Hai thứ không đây trong Luận này thì không có đề cập đến. Hai thứ không nói trên của Bát Nhã sau đây sẽ giải thích nơi đề mục: Phân Biệt Chỗ Không.

b/6- Biện Minh Chỗ Không:

Bài Tụng:

"Bồ Đặc Già La (*Pudgala*), pháp; thật tánh đều chẳng phải có, vì không tánh và có tánh đây, nên biệt lập hai Không."

Giải Nghĩa:

Hai thứ Không của Bát Nhã ở mục mười lăm và mười sáu đã đề cập trong bài Tụng, giờ đây đem ra giải thích. Hai câu trước trong bài Tụng là nói về thật tánh không của Bồ Đặc Già La, thật tánh của các pháp cũng là Không. Nói cách khác: tức là chỉ cho Sanh Không và Pháp Không, lý do bởi nhân và pháp đều không có thật tánh. Chữ Không tức là ý nghĩa của Chẳng Phải Có.

Bồ Đặc Già La (*Pudgala*) là dịch âm của tiếng Phạn, người xưa dịch là nghĩa: có thuyết nói là người, có thuyết nói là chúng sanh, đều là nghĩa xác thật, tức là chỉ cho Số Thủ Thủ. Chữ Thủ nghĩa là cõi, tức là chỉ cho sáu cõi: người, trời, v.v...; chữ Thủ nghĩa là chọn lấy; Thủ Thủ nghĩa là nghiệp báo chọn lấy sáu cõi; chữ Số là nghĩa thứ bậc liên lụy, hiển bày vấn đề sanh tử tương tục không gián đoạn trong sáu cõi, nên gọi là số thủ thủ. Nói cách khác, số thủ thủ nghĩa là sáu cõi chọn lấy nghiệp báo quan hệ. Đây là chỉ cho nghĩa của Bồ Đặc Già La. Chữ Có của Bồ Đặc Già La đây chính là có cá thể ngã thật tại, như thân người của chúng ta đây, người chết rồi thì sanh thiên, Thiên chết rồi thì đọa Địa Ngục, đây chính là có cá thể Ngã. Nếu không có cá thể Ngã thì ai sanh lên trời và ai đọa xuống Địa Ngục? Không phải chết rồi là kết thúc? Do đó quyết định có cái Ngã làm chủ thể để chọn lấy sáu cõi. Nơi trong Phật Pháp thì nói



không có Ngã Thế thật tại này, nó sanh sanh tử tử cảm thọ quả báo đều là do pháp Ngũ Uẩn hoà hợp tương tục thành hình. Mỗi lần sanh tử đây, nghĩa là mỗi lần sanh chính là do Ngũ Uẩn hoà hợp, chẳng qua có mỗi kỳ mỗi kỳ biến đổi khác đi mà thôi, không phải đặc biệt có cái Thật Ngã tương tục.

Còn chữ Pháp đây, Pháp tiếng Phạn là Đạt Nhĩ Ma (*Dharma*), Trung Hoa dịch là Pháp. Chữ Pháp thông thường so sánh thì có nhiều nghĩa, phàm tất cả những gì hiện hữu đều gọi là Pháp, như chúng chẳng tồn tại nên gọi là Vô Pháp (*Pháp không*). Nghĩa rộng của chữ Pháp chính là chỉ cho vạn pháp trong vũ trụ. Vạn pháp mặc dù rộng lớn nhưng không ngoài hai loại phân biệt: Năng và Sở. Hai loại Năng và Sở đây đều do Duy Thức biến hiện và các duyên hợp thành. Cho đến Pháp Tánh hiện bày trong pháp Năng và Sở cũng chính là Tướng Vô Phân Biệt hiện bày trong pháp phân biệt. Tướng Vô Phân Biệt thì nương nơi nghĩa mặt trái của Hữu Phân Biệt để hiện bày. Từ đó cho biết, tất cả pháp, không luận pháp gì đều không ra khỏi định luật là do các duyên hợp thành và do Duy Thức hiển hiện. Nếu dựa theo pháp mà chấp cho là thật, đó gọi là chấp pháp; còn dựa theo Bồ Đặc Già La mà chấp cho là ngã, đó gọi là chấp ngã. Thí dụ như nhìn hạt đậu xanh, ban đầu xem giống như có vật chất thật tại, nếu căn cứ theo Vật Lý Học cận đại, hoặc Hoá Học phân tích nó, hoặc dựa theo bốn Đại Sắc Pháp của Phật Pháp phân tích nó, cuối cùng xác nhận cho là có thật thể tồn tại, đó chẳng qua chỉ là loại Cực Vi Trần đã được giả lập trên tri thức phân tích và cực vi trần này đúng ra không phải

tiếng, không phải mùi vị. Chúng ta hiện tại có thể thấy, có thể nghe, chỉ là hình tượng hão huyền của nhiều Cực Vi kết hợp, không phải thật thể. Kết cuộc, thật thể của nó ngược lại không thể thấy nghe. Và lại, Hoá Học và Vật Lý Học ngày nay, khảo sát qua thời gian dài nhận thấy: Từ nguyên chất đến phân tử, từ phân tử đến nguyên tử, từ nguyên tử đến điện tử, nguyên tử cũng do điện tử tổ hợp thành. Hưởng chỉ Chất (*Lực*) của Hoá Học nghiên cứu, lại có thể tiêu hoá trở thành năng lực; vì thế Hoá Học đến cuối cùng thì cũng hoà đồng vào Vật Lý Học, Chất của Hoá Học rốt cuộc cũng hoàn toàn không tồn tại độc lập. Chất đây sau cùng được mang danh nghĩa thật thể, chẳng qua chỉ là giả tướng được thành lập trên tri thức của học giả chuyên môn, vừa đúng với nghĩa biến hiện của Duy Thức. Từ đó có thể chứng minh rằng các pháp rất ráo không có thật tánh, tức là không có thật tánh Bồ Đặc Già La; do vì các pháp không có thật tánh cho nên gọi là Vô Tánh Không (*là cái Không không có thật tánh*). Vô Tánh Tự Tánh Không (*là cái Không không có tánh của Tự Tánh*), nghĩa là không có thật tánh của Bồ Đặc Già La và không có thật tánh của các pháp. Nói ngược lại, Vô Tánh Tự Tánh Không đây là chỉ cho hai cái không của nhân và pháp, hoặc chỉ cho hai vô tánh; hai Vô Tánh của nhân và pháp cũng là chỉ cho tự tánh chân thật của nhân và pháp, tự tánh đây tức là không, cho nên gọi là Vô Tánh Tự Tánh Không. Một câu hai Không biệt lập nói trên là tổng kết lại thành hai Không này.

(còn tiếp)

THÔNG điệp CỦA SỰ HẠNH PHÚC



Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Hàng năm cứ vào ngày trăng tròn mà cách nay đã 25 thế kỷ hơn, toàn thể nhân loại đã đón mừng một bậc vĩ nhân xuất hiện, đem ánh sáng vi diệu để cứu khổ ban vui: Đó là Thái tử Tất Đạt Đa, sau khi tu hành đắc đạo thành Phật có hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Ngài thác sinh vào cung vua Tịnh Phạn, trước Tây lịch. Cuộc đời ngài từ khi sinh ra cho đến ngày nhập diệt là một tuyệt tác đầy ý nghĩa và không thể diễn tả. Ngài đã nhập diệt, nhưng đức tính, trí tuệ và lòng từ bi vẫn mãi mãi còn ở trong lòng nhân loại, trong cuộc đời.

Cứ mỗi lần hoa phượng nở, ve cất tiếng kêu vang là báo hiệu cho nhân loại chuẩn bị kỷ niệm đóa hoa ưu đàm nở, xóa tan tất cả những mây mù còn tồn đọng với nhân gian; đó là nhắc nhở cho chúng ta thực hành đạo giải thoát của ngài bằng tứ vô lượng tâm: **từ, bi, hỷ, xả**; tức là thực hành con đường tự lợi và lợi tha đúng ý nghĩa. Muốn thực hành con đường đức Phật để lại là giữ gìn tịnh giới. Bởi trong giới là có đủ tất cả. Giữ tịnh giới cho chính mình là đã tự thực hành về hạnh nguyện lợi tha. Giáo pháp của ngài thường răn dạy: Muốn tự lợi, trước phải cầu lợi tha và ngược lại... Bởi vì, trước khi đức Phật nhập niết bàn, ngài đã dạy: Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, giới luật còn là Phật pháp còn.

Trong lúc cả nhân loại đang ngột ngạt với bệnh **dịch Covid-19**, dù là đệ tử của Phật hay không cũng đang quần quai gánh chịu nghiệp quả dưới nhiều hình thức khác nhau. Tuy có sự sai khác đó là do biệt nghiệp của mỗi một chúng sanh, nhưng vẫn cộng nghiệp là cùng chịu cảnh đau thương đó.

Nhân Ngày Đản Sanh lần thứ 2564 về, người con Phật phải làm gì để nhớ ơn Phật? Tức

là phục vụ chúng sanh cúng dường chư Phật. Trong phương thức cúng dường cũng có những cách khác nhau, tức là vừa tự lợi nhưng cũng vừa lợi tha. Đức Phật đã hy sinh cho nhân loại, Ngài dạy: Ta ra đời chỉ vì một đại sự nhưn duy-ên, đó là muốn tất cả chúng sanh đều được

thành Phật. Ngài sợ chúng sanh nghi ngờ, ngài dạy tiếp: *"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành"*, nếu cố gắng tu tập chơn chánh, thánh thiện,... Đức Phật đã trao cho chúng sanh một chiếc gương, đó là gương trí tuệ, qua bốn đức tính từ bi hỷ xả, nên ngài dạy: *"Nước mắt của mọi người cùng mặn, máu của mọi người cùng đỏ, tâm của mọi người cùng có tánh sáng suốt và tình thương."* Bàn tay, khối óc với lương tâm tốt đẹp chính là lưỡi gương sắc bén ấy để phá tan những chướng ngại

làm cản trở con đường thánh thiện tiến bộ để đi đến giải thoát giác ngộ. Ngược lại với bàn tay và khối óc không lương tâm thì đưa đến khổ đau, lầm than và chết chóc cho nhân loại như bệnh dịch Covid-19 hôm nay tràn đầy cả thế giới... Bởi vậy, bậc Cổ đức cũng mô tả chữ (Lương) tâm như sau: *"Tam điểm như tinh tượng, hoành câu tợ nguyệt tà; phi mao tùng thủ đắc, tổ Phật giả do tha"*, nghĩa là: Ba điểm giống sao đêm, móc câu trắng lưỡi liềm; làm cầm thú do Tâm, làm Phật Tổ cũng do Tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy *"Tâm, Phật, Chúng sanh tam vô sai biệt"*, nghĩa là: Tâm, Phật và Chúng sanh cả ba đều không sai khác. Chỉ có sai khác chằng là do mê ngộ mà thôi. Khi đã ngộ thì chúng sanh dự Phật đồng,... Khoa học cũng xác nhận: *"Science sans conscience n'est que ruine de l'âme"* nghĩa là Khoa học mà không lương tâm thì chỉ làm bại hoại tâm hồn là vậy.

Do vậy, đứng trước sự ngột ngạt của nhân



loại đang gánh chịu như hiện nay, những người mang danh Khoa học chế ra loại vi trùng độc hiểm ấy thử hỏi có lợi gì cho chính người đã chế ra nó, chứ đừng nói đến chuyện cứu nhân độ thế, hay chỉ để lại những lời nguyên rủa của thế nhân? ...

Người con Phật thì lại khác. Chúng ta phải có bốn phận đối với đồng loại như hiện nay. Cộng Đồng Người Việt, không ai bảo ai đã nhất tề đứng lên góp một bàn tay, chung một tấm lòng cùng nhau phát nguyện cứu giúp theo khả năng của mình,... chư Tăng Ni và Phật tử cũng chung lòng chung sức với Cộng Đồng, không nài khó nhọc, không nề gian lao cũng đồng tâm hiệp lực, đồng lao cộng khổ phụ vào việc hỗ trợ tùy theo vùng sinh hoạt,... mà chúng tôi đã có bài trên trang nhà Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại với tựa đề: **"Những Tấm Lòng Vàng Con Dân Việt Ở Hoa Kỳ..."**, cở cả hình ảnh khắp đó đây. Thật vô cùng ý nghĩa đúng thời điểm Đức Phật gián trần độ chúng sanh.

Nhờ lời Phật dạy thấm sâu vào lòng chúng ta. Năm thứ hương giới định huệ giải thoát và giải thoát tri kiến đã xông ngát cõi lòng, với lời cầu nguyện thiết tha, với tâm niệm vị tha vô ngã; Tất cả đó, thế nào tai ương dịch nạn cũng sẽ sớm dứt trừ; đồng thời, chúng ta cũng cầu nguyện cho những người mang tâm thù hận thấy được sự tai hại đã tạo ra cũng sẽ sớm tỉnh thức và xóa bỏ những cừu thù chấp đối, mở mắt ra đều thấy toàn là anh em một nhà,... cùng bắt tay nhau để xây dựng lại những đổ vỡ ấy, thế giới sẽ thanh bình và nhân loại được an cư lạc nghiệp,... Nhìn vào Kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: *"Phóng túng là dơ bẩn của sự nghiệp, Keo lẩn là dơ bẩn của sự hy sinh, Lầm lẩn là dơ bẩn của hạnh động. Giả sử thế gian này không dơ bẩn và đang sợ, thì ta đã không xuất hiện ở cõi đời này."*

Đặc biệt mùa Phật đàn năm nay 2020, không ai bảo ai mà đồng bộ Tăng Ni hải ngoại nhất tề An cư Kết hạ một thời gian khá dài mà trước đây ở hải ngoại chưa từng có, tụng kinh bá sám; lại đồng tâm hiệp lực cầu nguyện cho đại nạn bệnh dịch Covid-19 sớm qua đi; đồng thời, cầu nguyện cho những bệnh nhân bị mắc phải được gặp thầy gặp thuốc, sớm bình phục; những người không may phải mất đi mạng sống thì cầu nguyện cho họ được thanh thân trong niềm tin với cảnh giới hằng ngày họ cầu nguyện. Đây cũng là một điểm son kính quý.

*Mùa đại dịch Covid-19,
April 30, 2020 – Phật đàn 2564*

TỬ SINH

*Ta chết như hoa cười bên suối
Ta sống như sương thấm hơi đêm
Từ xưa chưa bao giờ biết nói
Ngàn sau chưa bao giờ lưu tên.*

TỰ TÌNH KHÚC

1.
*Ta mang tâm hồn tu sĩ
trên chiếc áo vạn muôn đời
lang thang tháng ngày sương gió.
Ta mang tâm hồn thi sĩ
cuộn tròn cánh mây trời
trong lòng con khoá nhỏ của tu viện nên thơ.*

*Trên tình yêu nhân thế
giọt mật trái tim chảy tràn
xanh từng ngọn cỏ.
Vóc ngum trắng vàng
giữa lòng bàn tay suối trắng
biết thế nào
rời bình minh cũng vẫy gọi lên đường.*

2.
*Có phải rằng
mưa
hay vô thanh gõ qua bờ đá
giao hưởng chập chùng là
muôn ngàn thiên kỳ lênh đênh
Ngôi.
Một vản thơ
Cốc trà đã cạn.*

3.
*Chim đêm gõ
không khí
vỗ
hư không tĩnh mặc
Trời
vẽ tròn
thế giới
Trăng sáng
lặng
như tờ*



thơ NI SƯ HẠNH ĐẠT

TÀI SẢN SẼ MẤT, TẠO PHƯỚC THÌ CÒN



Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đời người, lúc mới khởi nghiệp thì chăm lo làm ăn, tích lũy và tạo dựng. Đến khi có chút cơ nghiệp thì tính đến chuyên mớ mang. Một số ít người đã xây dựng thương hiệu thành tập đoàn, để chế có tính toàn cầu. Dù thành công và tích lũy được ít hay nhiều thì chúng ta cũng đều nghĩ đến việc bảo vệ thành quả lao động của mình. Điều đáng nói là tuy có nhiều cách thức để bảo vệ và giữ gìn tài sản nhưng tất cả đều tương đối, không có cách nào chắc chắn cả.

Ai đã từng kinh qua thời cuộc đều biết rất rõ rằng, tài sản của mình thật nhưng nếu thiếu phước duyên thì không ngăn được lửa cháy, nước trôi, vua quan tịch thu, vợ chồng con cháu phá tán. Ai nhiều phước hơn thì thoát được những nạn này nhưng rồi cuối cùng cũng phải từ giã tài sản mà đi. Tài sản không bỏ mình thì mình cũng phải bỏ nó. Và ta sẽ ra đi với hai bàn tay trắng là một sự thật. Vậy có cách nào để tích lũy, đầu tư, giữ gìn chút vốn liếng cho chắc chắn trước cuộc sống biến động thường trực này?

"Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì lửa không thiêu?
Gì gió không thổi?
Nạn lửa thiêu đại địa
Vật gì không cháy tan?
Vua ác và giặc cướp
Cường đoạt tài vật người
Người nam, người nữ nào
Không bị họ tước đoạt?
Làm sao chứa trân bảo
Cuối cùng không mất mát?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:
*Phước, lửa không thể thiêu
Phước, gió không thể thổi
Thủy tại hạ trời đất
Phước, nước không cháy tan.
Vua ác và giặc cướp*

*Cường đoạt của báu người
Nếu người nam, người nữ
Có phước không bị cướp.
Kho báu, bảo phước lạc
Cuối cùng không bị mất.*

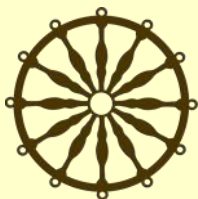
Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:
*Lâu thấy Bà-la-môn
Mau đạt Bát-niết-bàn
Qua rồi mọi sợ hãi
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đành lễ sát chân Phật, liền biến mất."
(*Kinh Tạp A-hàm*, kinh số 1291)

Rõ ràng, chỉ có đầu tư vào phước đức mới an toàn, không bị mất mát, kể cả lúc bỏ thân này thọ thân khác. Phước đức là gì? Đó là kết quả của những việc làm lợi ích cho mình và người. Thế nên làm ăn được không tiêu xài hết cho riêng mình mà phải tìm cách cho đi, san sẻ một phần cho những người thiếu thốn. Đức Phật dạy, cho đi chính là khoản đầu tư chắc chắn nhất mà nước, lửa, gió và các loại giặc cướp không xâm phạm được. Đó cũng là hành trang thiện lành, công đức phước báo cho mình trong những kiếp vị lai.

Thế nên, cố gắng làm ăn và tích lũy tài sản khiến cho mình trở nên khá giả chỉ là giai đoạn đầu. Nếu chỉ dừng lại ngay đây, vui với cái đủ đầy trong hiện tại mà không làm gì thêm thì cần mà chưa đủ. Người có trí thì cần nhìn xa hơn, kiếm tìm những giải pháp chắc chắn và thấu đáo hơn, đó là đầu tư vào phước đức, tạo thêm phước mới. Theo tuệ giác của Thế Tôn, muốn làm phước đúng đắn, hiệu quả cần phải có tâm rộng và trí sáng, bố thí với tuệ thì phước báo sẽ dồi dào.

Tại sao người ta làm ăn ngày một đi lên và trở nên giàu có? Vì sao họ đã khá giả và ngày càng thêm thịnh vượng? Ngoài thông minh, tài trí hơn người, những người ấy chắc chắn kế thừa một nền tảng phước báo trong kiếp quá khứ và ngày đời hiện tại. Thế nên, làm phước bằng cách sẻ chia, cho đi một phần mình đang có là cách đầu tư, tích lũy vững chắc nhất để hiện tại và mai sau được hạnh phúc, an vui.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

TÂM THƯ **CẦU NGUYỆN BỊNH DỊCH CORONA VŨ HÁN CHẤM DỨT**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Hoà Thượng, Chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật tử cùng quý anh chị Huynh trưởng, đoàn sinh GDPT,
Kính thưa Quý liệt vị,

Chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh, đại dịch bệnh Corona virus Vũ Hán hết sức khắc nghiệt. Mọi sinh hoạt của cá nhân cũng như gia đình và xã hội đều bị giới hạn đáng kể. Các tự viện, những tổ chức Phật giáo tại Hoa Kỳ cũng như trên thế giới đều tạm ngưng hoạt động, chưa biết cho đến bao giờ được mở cửa lại. Tình trạng sức khoẻ con người bị đe dọa. Sự chết của con người mỗi ngày lại gia tăng, sự lây nhiễm virus một cách đáng sợ. Các bệnh viện, bác sĩ, y tá, nhân viên làm việc ngày đêm gần như kiệt sức. Đây là những hình ảnh và sự hi sinh không thể nói nên lời. Đứng trước một đại nạn bệnh dịch toàn cầu như thế, chúng ta hãy biết thương nhau hơn để mà chia sẻ được phần nào trong khả năng của mỗi người, mỗi tự viện, mỗi tổ chức Phật giáo nhằm thể hiện bằng tấm lòng Đại từ, Đại bi – ban vui, cứu khổ đến mọi người hiện đang quần quai trong nỗi đau thương mất mát to lớn bằng sinh mạng con người hôm nay.

Đứng trước nỗi thương tâm ấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ kính gửi Tâm thư này đến quý Tự viện, quý Tổ chức Phật giáo, các Ban hướng dẫn Gia Đình Phật Tử, cùng quý đồng hương Phật tử.

Thứ nhất, chân thành cảm ơn quý Tự viện, Thầy Cô và Phật tử đã phát tâm hỷ cúng theo tinh thần cứu trợ mà HT Thích Thông Hải, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Từ thiện Xã hội đã kêu gọi.

Thứ hai, chân thành cảm ơn quý Tự viện, tổ chức Từ thiện Xã hội Phật giáo và quý Phật tử khắp nơi đã phát tâm nấu đồ ăn, may khẩu trang, cũng như ủng hộ medical supplies cho các bệnh viện để bác sĩ, y tá, nhân viên y tế có dùng trong lúc khẩn cấp.

Thứ ba, tha thiết kêu gọi tất cả chúng ta hãy tiếp tục thọ trì Kinh Chú, niệm Phật, lễ Sám để nguyện cầu cho bệnh dịch Corona virus Vũ Hán sớm tiêu diệt; con người trên thế giới phục hồi lại một đời sống an lành và hạnh phúc.

Thứ tư, quý Tự viện cũng như cộng đồng Phật tử chúng ta hãy cẩn thận, chấp hành mọi nghiêm lệnh của chính phủ để tránh sự lây lan virus và không làm thêm gánh nặng cho chính quyền.

Thứ năm, thời gian Mùa Phật Đản đã cận kề, quý Tự viện, Chư tôn đức tuý duyên mà cử hành Đại Lễ Kỷ Niệm Đức Thế Tôn Thị Hiện vào đời một cách trang nghiêm, trọng thể nhưng không trở ngại việc chống bệnh dịch Corona.

Thứ sáu, nguyện cầu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Bồ Tát Quán Thế Âm từ bi gia hộ cho tất cả con người và các quốc gia trên thế giới qua mọi địa hạt văn hoá, giáo dục, kinh tế, từ thiện, xã hội... sớm trở lại sinh hoạt bình thường.

Ấy là đôi điều, Giáo Hội chân thành kính gửi đến quý vị để chúng ta cùng cam cộng khổ mà vượt qua cơn dịch bệnh này. Kính mong quý vị hoan hỷ cho.

Thành kính dâng lễ mười phương Chư Phật chứng minh. Đồng kính chúc Quý liệt vị thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành.

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Santa Ana, ngày 28 tháng 4 năm 2020

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ Tịch

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

VIỆN TĂNG THỐNG

CHỨC NGUYỆN THƯ PHẬT ĐẢN 2564

NAM-MÔ LÂM-TÌ-NI VIÊN VÔ ƯU THỌ HẠ THỊ HIỆN ĐẢN SINH
THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Ngưỡng bạch Chư Tôn Trưởng Lão,
Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng-già,

Trận đại dịch đang gieo rắc hoang mang và kinh sợ cho toàn thể nhân loại, đang làm đảo lộn trật tự thế giới, thách thức trí năng và quyền lực của con người trong một vũ trụ bao la và trong những thế giới cực kỳ vi tế; trong cơn khủng hoảng toàn cầu này, Phật tử Việt Nam, mùa Phật đản năm nay, cúng dường ngày Đức Thích Tôn giáng đản bằng những công đức gom góp hằng ngày trong ánh sáng soi đường hành đạo bằng từ bi và trí tuệ của Đấng Đại Giác, để cùng chia sẻ đau khổ chung của dân tộc và nhân loại, cầu nguyện kẻ trí cũng như người ngu, từ những kẻ quyền lực tột đỉnh cho đến những hạng cùng đinh khốn khổ, thức tỉnh trước thảm họa nhân sinh này mà nhận thấy rõ nguyên nhân chân thật của khổ và con đường diệt khổ. Chính trong hiện thực thống khổ này, người Phật tử dâng hoa cúng Phật, tự duy chiêm nghiệm chân lý hiện thực trong lời dạy của Đức Thế Tôn, chân lý ấy hiện thực suốt mọi thời gian và không gian, cảnh báo sự diệt vong của loài người báo hiệu bằng tai họa ôn dịch, nạn đói, và đao binh trong chu kỳ thành-trụ-hoại-không của vũ trụ: *"Những kẻ kia không biết rằng nơi đây ta sẽ bị hủy diệt nên phí công tranh chấp hơn thua."*

Đấu tranh sinh tồn bằng bạo lực là quy luật của một bộ phận chúng sinh trong Dục giới. Mâu thuẫn tranh chấp trong cộng đồng đệ tử Phật sẽ dẫn đến sự tan vỡ của khối hòa hiệp Tăng-già, là nguyên nhân khiến Chánh pháp bị lu mờ và cuối cùng biến mất trong bóng tối của điên đảo vọng tưởng.

Trước mùa xuân Canh Tý, Phật giáo Việt Nam bị mất đi bóng cây cổ thụ đã từng làm nên lịch sử của Đạo Pháp trong lòng Dân tộc. Sau mùa xuân Canh Tý, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất lại mất đi thạch trụ kiên cường tiêu biểu phẩm đức vô úy của bậc xuất trần thượng sĩ, nêu cao ngọn đèn Chánh pháp không dao động trước sóng gió của hư danh và lợi dưỡng, không khuất phục trước bạo lực cường quyền. Đức Đệ Ngũ Tăng Thống khuất bóng, Phật giáo Việt Nam không còn đồng vọng dư âm những lời cảnh sách chúng đệ tử trước cám dỗ của thế lợi phù hoa, nhắc nhở kẻ sĩ không vì lợi lộc hư vinh mà bẻ cong ngòi bút.

Sự viên tịch của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN đã để lại khoảng trống lớn lao trong Giáo Hội. Những năm cuối cùng tại thế, Ngài đã đơn thân, bằng những phương tiện khả thi, hóa giải những mâu thuẫn tế toái trong các chúng đệ tử. Nhưng trong một đất nước hòa bình đã trên nửa thế kỷ, mà ngọn lửa hận thù dân tộc chưa được dập tắt, pháp hữu lậu thế tục đã khơi dậy hoài nghi và đố kỵ, những phiền não vụn vặt có nguy cơ làm rạn nứt khối hòa hiệp Tăng. Trong những năm tháng cuối đời, Đức Tăng Thống đã ban hành quyết định ngưng mọi hoạt động của Viện Hóa Đạo, chỉ còn một mình Ngài đứng đầu Viện Tăng Thống, và đã viết nhiều Tâm thư kêu gọi cộng đồng đệ tử hòa hiệp. Trong khi Tăng-già chưa hòa hiệp trọn vẹn, dù trong ngôi vị Tăng Thống, đứng đầu Giáo Hội, Ngài cũng không thể đề nghị một vị nào kham năng kế thừa vai trò lãnh đạo tối cao, thay vào đó, Ngài quyết định ủy thác người tin tưởng trao nhiệm vụ bảo trì ân tín của Giáo Hội, làm tín hiệu châu tri sinh mệnh Giáo Hội vẫn tồn tại, mạng mạch Chánh pháp vẫn được duy trì, cho đến khi hội đủ thuận duyên, thỉnh cầu



Chư tôn Trưởng Lão hòa hiệp suy cử chư tôn đức tái lập và kiện toàn Hội đồng Lương Viện, kế thừa sứ mệnh hoàng dương Chánh pháp, vì lợi ích và an lạc của các cộng đồng đệ tử trong cộng đồng dân tộc.

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão,

Khâm thừa ủy thác của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống, tôi tự xét bản thân, lão lai tài tận, đức mỏng chướng dày, khó có thể đơn độc chu toàn sứ mệnh cao cả ấy trong muôn một. Vậy nên, cúi đầu kính lễ Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Đại đức thanh tịnh Tăng-già, vì sự nghiệp tu trì Chánh Đạo, vì an lạc của muôn dân đang chìm đắm trong dòng khổ lụy nhân sinh, thỉnh cầu Chư Tôn vận tâm bình đẳng, y Luật hành trì, thể hiện bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già, nêu cao ngọn đèn Chánh Pháp trong một thế giới tối tăm nguy hiểm vì những tham sân điên đảo. Bằng tâm nguyện chí thành khẩn thiết này, cầu nguyện chúng đệ tử Phật, trong mùa Phật đản 2564 này, nhiếp tâm thanh tịnh lắng nghe đồng vọng trong hư không Pháp âm vi diệu hân hoan đón mừng Đức Thích Tôn thị hiện đản sinh:

*Hạnh phúc thay Chư Phật xuất thế.
Hạnh phúc thay Chánh pháp tuyên dương.
Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hiệp.
Hạnh phúc thay bốn chúng đồng tu.*

Ngưỡng nguyện Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Đại Đức thanh tịnh Tăng-già, đồng chứng tri.

Phật lịch 2564.
Mùa Phật đản tháng Tư, năm Canh Tý
Khâm thừa ủy thác,
Tỳ-kheo Thích Tuệ Sĩ

THỌ GIỚI

HT. Thích Huệ Hưng giảng
(Đại Đức Thích Thiện Toàn ghi)

GIỚI LUẬT

Đứng về mặt giới pháp, hàng ngũ đệ tử Phật được chia làm 7 nhóm: Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Nhưng tổng quát mà nói thì chỉ có hai đoàn thể chính bao gồm tất cả, đó là đoàn thể xuất gia và tại gia. Được gọi là đệ tử Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia, đều phải lãnh thọ giới pháp, tức là phải trải qua một buổi lễ phát nguyện chấp hành những quy ước sinh hoạt truyền thống trong phạm vi của đoàn thể mình theo một nguyên tắc nghi lễ đã được ấn định, nhằm mục đích để làm nhân tố thực hiện mục tiêu chung nhất là phát triển tâm linh, nâng cao phẩm chất đạo đức cá nhân, làm chất liệu bồi dưỡng trí tuệ tiến đến giác ngộ và giải thoát.

Tuy cả hai đoàn thể đều cũng phải lãnh thọ giới pháp như thế, nhưng do bản chất và sự quan hệ có tính chất cá nhân hay tập thể trong khi hành trì mà sự truyền trao giới pháp cho hai đoàn thể có sự khác biệt nhau. Bản chất của giới tại gia là xây dựng và hoàn thiện về tư cách đạo đức của một cá nhân. Khi đã trở thành một phật tử (sau khi đã phát thệ vâng giữ những nội quy của đoàn thể tại gia), người tại gia có thể tiến bộ, phát triển hay sa đọa, trụy lạc trên đường tu tập trong mục tiêu giải thoát, giác ngộ thì chỉ là vấn đề cá nhân của người ấy mà thôi. Do đó, việc truyền thọ giới pháp cho đoàn thể tại gia có thể do một người truyền cho nhiều người, dĩ nhiên người truyền giới cũng phải có một số điều kiện tối thiểu nào đó, như phải là một Tỷ kheo hay một Tỷ kheo ni thanh tịnh chẳng hạn. Nhưng đối với người xuất gia, vì sự tiến bộ, phát triển hay sa đọa, thoái hóa của một cá nhân không phải chỉ riêng cá nhân ấy đơn phương chịu trách nhiệm mà lại có liên hệ đến vấn đề hưng thịnh hay suy tàn của Tập thể Tăng già, và từ đó đưa đến sự hưng thịnh

hay suy tàn của đạo pháp. Tăng già là một trong ba ngôi báu biểu hiện sự tồn tại của Phật pháp, và cũng vì Tăng già là người trực tiếp thay Phật tuyên dương Chánh Pháp, như ta từng biết: “Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân.” Do đó vấn đề truyền thọ giới pháp cho người xuất gia phải do tập thể Tăng truyền cho một người và sự tiến hành truyền thọ cũng phải được chấp hành nghiêm chỉnh theo những quy tắc đã chế định sau khi đã nghiêm xét kỹ lưỡng tư cách của giới tử. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến sự truyền giới pháp cho đoàn thể xuất gia. Nhưng trước khi đi vào vấn đề, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần biết qua một số quan điểm khác nhau về tính chất thọ giới như sau:



HT. THÍCH HUỆ HƯNG
(1917—1990)

GIỚI TỰ NGUYỆN:

Trong Luật học, được gọi là chính thức thọ giới khi giới tử đối trước hội đồng thập sư gồm một vị Hòa thượng, một vị Yết ma, một vị Giáo thọ và bảy vị Tôn chứng của Tăng già, chí thành nhận lãnh. Khi điều khoản của Giới (Giới tướng) được đọc lên, giới tử nghe rõ, hiểu thấu và nhận lãnh bằng sự phát thệ dững mãnh thì mới gọi là thành tựu. Nhưng trong một vài trường hợp, khi không thỏa mãn nhu cầu chính thức như vậy, người ta có thể thực hiện một cuộc tự phát thọ giới gọi là Giới tự nguyện như Hoàng hậu Thắng Man trong kinh Thắng Man.

GIỚI LÝ TƯỚNG:

Còn gọi là thọ giới viên đốn, đây là chủ trương của Thiên Thai Tông, một tông phái lấy tinh thần viên đốn thuần túy đại thừa trong kinh Pháp Hoa làm tôn chỉ. Theo chủ trương của tông phái này, tất cả giới luật đều có sẵn trong tâm ta, nó không phải là sản phẩm tạo ra do sự nỗ lực thực hiện qua thân nghiệp và khẩu nghiệp. Giới lý tướng ngày còn gọi

là giới tự hữu hay tự tâm bản cụ giới, đây là chủ trương đặc biệt của Thiên Thai Tông.

GIỚI TỰ TÁNH:

Đây là chủ trương của Thiên Tông. Theo tông phái này, ý niệm giới luật nguyên lai sẵn có trong tự tánh của con người. Như Lục tổ Huệ Năng nói: "Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không ô nhiễm." Nếu hội quang phản chiếu, người ta có thể làm hiển lộ giới tự tánh ấy ra trong khi hành động. Tuy chủ trương như thế, nhưng trên mặt hình tướng của sự truyền thọ giới pháp cũng được Thiên Tông đặc biệt chú trọng, như ta thấy, dù đã ngộ được chơn tâm và đã được Ngũ tổ Hoằng Nhẫn ấn chứng, nhưng khi cơ duyên hành đạo đã đến, Ngài Huệ Năng đến chùa Pháp Tánh xin đăng đàn thọ cụ túc giới với Hòa thượng Trí Quang Luật Sư, giới đàn do Pháp sư Ân Tông đứng ra tổ chức.

Trong 3 quan điểm trên đây, giới tự nguyện là trường hợp duy nhất và đặc biệt được phép tự thọ, nhưng thường được áp dụng cho sự thọ giới Bồ Tát, còn giới lý tưởng và giới tự tánh tuy chủ trương vốn sẵn có trong tâm vẫn không chủ trương tự thọ. Trong ba tạng kinh điển, không nơi nào cho phép có sự tự thọ đối với các Tỷ kheo hữu học dù cho vị ấy đã thành tựu Bất Lai (A-na-hàm), chỉ trừ vị Thánh giả A-la-hán. Bởi vì trong một ý nghĩa nào đó, tự thọ là một hình thức phá hòa hiệp Tăng, vì làm như thế là mặc nhiên phủ nhận sự hiện hữu Tăng già. Đây là một nguyên nhân chủ yếu đưa đến sự phân hóa đoàn thể đệ tử xuất gia của Phật. Ngoài ra sự truyền thọ giới pháp còn có một điểm quan trọng hơn nữa, đó là hình thức trang nghiêm của giới đàn và sự tác pháp Yết Ma long trọng đã tác động mạnh vào tâm tư của giới tử trong khi thọ giới, làm cho giới thể được phát sinh. Dù thời gian thọ giới quá ngắn ngủi so với thời gian giữ giới dài suốt cuộc đời, nhưng nó lại là thời điểm cực kỳ quan trọng có tính cách quyết định sự tuân thủ giới hạnh có nghiêm túc hay không trong suốt cuộc đời hành trì của giới tử. Bởi vì giây phút đầu tiên ấy, tâm lý giới tử được tác động mạnh do hình thức truyền giới trang nghiêm làm phát sinh ra cái tinh thể của giới vốn có trong tự tánh, nhờ đó mà về sau có những trường hợp người giữ giới lậm vào hoàn cảnh có thể phạm giới một cách dễ dàng nhưng vẫn kèm chế được. Cái tinh thể ấy là "Giới thể" hay còn gọi là "Giới thể vô biểu." Giới thể này rất quan trọng, nếu thiếu, việc gìn giữ giới khó mà hoàn bị được. Giới này là vô biểu nghiệp, tức năng lực tác ý luôn luôn được hoạt động sâu mạnh do một ấn tượng thâm nhập được trong khi thọ giới một cách trung thành. Sự thực, đó là kết quả của sự tự nguyện diễn ra vào lúc trang nghiêm thọ giới. Năng lực này nó tự bộc lộ trong tư tưởng, trong ngôn ngữ,

trong hành vi bất cứ lúc nào cần thi hành nhiệm vụ, nhờ đó, người ta sẽ hành động thích ứng với giới pháp. Có thể nói, giới thể là sức mạnh đạo đức hoạt động sâu thẳm trong tâm chỉ đạo hành vi giữ giới.

Nói chung, sự quan trọng của Luật học là được đặt trên cái tinh thể của giới thể, tức thể lực được tạo ra khi phát nguyện, nó luôn luôn tác động mãnh liệt chống lại bất cứ sự vi phạm nào đối với sự tự nguyện đó. Hữu Bộ Câu Xá Tông cho giới thể thuộc sắc pháp (Vô biểu sắc), còn Thành Thật Tông lại cho là một pháp đặc biệt phi sắc phi tâm, Duy Thức Pháp Tướng Tông thì coi nó như một hình thức tự giác được hiện hành từ chủng tử của tư tâm sở (Cetana) khi thọ giới. Đây là một tác dụng tâm lý không lộ diện mà giữ được cho người trì giới ứng hợp được với sự hành trì giới hạnh của mình (Ví dụ: Như một người có tinh thần thượng tôn pháp luật sẽ tôn trọng luật pháp trong bất cứ trường hợp nào, khác với người sợ luật pháp chỉ mất cơ hội vi phạm luật pháp mà thôi).

Vì tính chất quan trọng của giới thể như thế nên để cho giới thể phát sinh viên mãn, tư cách của người truyền giới và người thọ giới cũng phải được nghiệm xét kỹ càng trước khi tiến hành truyền thọ.

TƯ CÁCH NGƯỜI TRUYỀN THỌ:

Năm trọng tội của một Tỷ kheo là phá Yết ma tăng, phá Pháp luân tăng, phá kiến, phá giới, nuôi đệ tử mà không biết dạy. Do trọng tội thứ năm này mà tư cách làm thầy phải được trang bị ngay từ khi đắc giới Tỷ kheo: "Ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật), hay có thể nói là đã bắt đầu học tập từ lúc còn là Sa di (tuy Tỷ kheo sự, Sa di đương dự tri chi). Trong tư cách làm thầy có nhiều đức tính, nhưng chung quy chỉ gồm hai mặt vật chất và tinh thần. Nhất là mặt tinh thần, người làm thầy phải đủ khả năng hướng dẫn người đệ tử thực hiện mục tiêu giải thoát bằng cách chỉ dẫn con đường tu tập Giới, Định, Huệ và vị ấy còn phải có trí tuệ để giải quyết những thắc mắc cho người đệ tử. Trong kinh Khu Rừng (Vanapattha sutta) trong bộ Majjhima Nikaya) Phật dạy: Một vị đệ tử phải từ bỏ mà đi khi nhận thấy vị đạo sư của mình không có khả năng chỉ dạy cho mình Giới, Định, Huệ dù cho nơi đó có đầy đủ tứ sự cúng dường; và một đệ tử tha thiết xin ở lại dù cho nơi đó có bị vị đạo sư hắt hủi, khi vị ấy có đủ khả năng hướng dẫn mình tu tập Giới, Định, Huệ và cho dù nơi đây có hay không có đầy đủ tứ sự cúng dường.

Nói cụ thể hơn, một vị Tỷ kheo có đủ tư cách làm thầy khi vị ấy hội đủ 5 đức tính như sau:

- 1) Tuổi thọ phải đủ 10 hạ.
- 2) Phải biết rõ thế nào là trì, phạm, khinh, trọng.
- 3) Đa văn (có kiến thức rộng rãi)
- 4) Có khả năng giải quyết những tâm tư



khúc mắc của đệ tử.

5) Có khả năng đoạn tận, đoạn trừ tà kiến cho đệ tử.

Nếu xét thấy tư cách làm thầy của mình chưa hội đủ thì không nên làm thầy vội mà phải tiếp tục tu tập trao đổi giới hạnh và kiến thức.

Nói riêng về tư cách của vị Hòa thượng đàn đầu lại càng quan trọng. Ngày xưa do điều kiện sinh hoạt của Tăng già khép mình trong phạm vi tự viện riêng lẻ, chưa có những tổ chức giới đàn truyền thọ cụ túc có quy mô rộng lớn như ngày nay, nên Hòa thượng truyền giới, Hòa thượng y chỉ sư và vị Bổn sư thường là một vị. Theo nghĩa nguyên thủy, Hòa thượng có nghĩa là "Lực sanh" là vị có trách nhiệm lo lắng cho đệ tử về mặt vật chất và đời sống tinh thần. Do đó, theo quy định trong Luật tạng, một vị Hòa thượng không được đồng thời truyền thọ giới cụ túc cho hai Sa di trong cùng một năm, vì làm như thế sẽ không làm sao chu toàn trách nhiệm nuôi nấng và giáo dục được.

Nhưng trên thực tế ở nước ta ngày nay, nguyên tắc này không được áp dụng. Do vì sinh hoạt của Tăng già đã gắn liền với sinh hoạt của Giáo hội, có hệ thống tổ chức từ Trung ương cho đến địa phương, nên việc tổ chức giới đàn truyền giới cụ túc có quy mô rộng rãi trên toàn quốc hay cho một khu vực rộng lớn nào đó, và được Giáo Hội đứng ra đảm trách. Trong trường hợp này, Hòa thượng đàn đầu là một vị Tôn túc trong Hội Đồng Giáo Phẩm được mời ra nên cùng một lúc, cùng một giới đàn, một vị Hòa thượng có thể truyền giới cho một số Sa di đồng đạo có khi lên đến 1000 người. Đồng thời, trong chính giới đàn ấy, giới Sa di và giới Bồ tát cũng được tổ chức truyền thọ. Trong trường hợp như thế, ý nghĩa nguyên thủy của danh từ Hòa thượng trở thành trách nhiệm của vị Thế độ Bổn sư. Vì vị Hòa thượng truyền giới trong trường hợp này nhiều khi không biết gì nhiều về thân thể của người thọ giới với mình.

TƯ CÁCH NGƯỜI THỌ GIỚI:

Về sự nghiệp, xét tư cách của giới tử trong

buổi đầu chỉ đặt trọng tâm ở niềm tin nơi ngôi Tam bảo và có đời sống phạm hạnh (Tứ bất hoại tín). Nhưng do khi giáo đàn được mở rộng cho mọi người không phân biệt thành phần giai cấp trong xã hội gia nhập, thì sự nghiêm xét đơn giản như trước chưa được gọi là tương đối đầy đủ để xác định tư cách một giới tử, do nhu cầu khách quan đó, sự nghiêm xét kỹ lưỡng giới tử lại được thêm vào. Đó là kiểm nghiệm 13 Già nạn, còn gọi là 13 chướng ngại đạo pháp, tức là những điều gây trở ngại cho việc chứng đắc Thánh quả ngay trong đời này do thân và tâm có khuyết. Công việc kiểm nghiệm này được thực hiện bởi Tăng, nó thuộc về giai đoạn chính thức tắc yết Ma cho thọ cụ túc giới. Luật Tứ phần quy định: Trước khi bạch Yết Ma cho thọ Cụ túc giới, Tăng phải khảo hạch 13 Già nạn. Một giới tử nếu có một trong 13 già nạn này thì không thể thành tựu mục tiêu phạm hạnh nên không được phép thọ cụ túc giới. Nếu do không xét nghiệm kỹ mà một người được Tăng cho thọ cụ túc, nhưng về sau nếu bị khám phá ra, thì dù người ấy có được chính thức truyền thọ giới bởi Tăng đi nữa cũng bị tẩn xuất. Vì sự tồn tại và hưng thịnh của Tăng là do có thành tựu mục tiêu phạm hạnh, chứ không phải do số đông. Nay một người không đủ điều kiện để chứng đắc Thánh quả là dấu hiệu của sự suy thoái của Tăng, do đó mà tẩn xuất.

13 GIÀ NẠN:

- 1) Phạm biên tội
- 2) Phá tịnh hạnh Tỳ kheo ni
- 3) Tắc trú
- 4) Phá nội ngoại đạo
- 5-9) Phạm tội ngũ nghịch
- 10) Bất năng nam
- 11) Phi nhân
- 12) Súc sinh
- 13) Nhị hình (bán nam, bán nữ)

Ngoài ra, giới tử còn bị thẩm tra 10 khinh nạn, vì do 10 điều này không phải là pháp chướng ngại pháp, nhưng đó là những mối ràng buộc bản thân với gia đình và xã hội mà giới tử cần phải giải quyết xong trước khi xuất gia tu tập. Mười khinh nạn được thẩm tra dưới các câu hỏi:

1. Có phải là quan trốn đi tu không?
2. Có phải là người trốn nợ không?
3. Người có phải là đầy tớ trốn chủ không?
4. Người có phải là đàn ông không?
5. Đàn ông mà có bệnh cùi hủi, ung thư, ghẻ lở, lao phổi, tiểu đường không?
6. Tuổi đủ 20 chưa?
7. Y bát có đủ không?
8. Cha mẹ có cho phép chưa?
9. Pháp danh người là gì?
10. Hòa thượng của người hiệu gì?

Về việc nghiêm xét tư cách của giới tử thọ Tỳ kheo ni cũng tương tự như của Tỳ kheo, nhưng do tính chất khác nhau nên các già

nạn của giới tử ni có vài điểm khác nhau. Ni chỉ có 9 già nạn như sau:

1. Đả Tỳ kheo ni giới chưa? (Ni đã thọ cụ túc mà hoàn tục, thì dù không phạm biên tội cũng không được xuất gia thọ giới lại)

2. Tặc tâm xuất gia.
3. Giết cha
4. Giết mẹ
5. Giết A La Hán
6. Gây thương tích cho Phật
7. Phi nhân
8. Súc sanh
9. Nhị hình.

Các khinh nạn sau cũng giống như của các Tỳ kheo...

Việc nghiêm xét tư cách của giới sư và giới tử như thế sẽ có tác động mạnh mẽ cho sự phát sinh giới thể vô biểu. Như sự thành tựu của pháp Yết-ma (Yết-ma như pháp) cũng có vai trò quan trọng trong sự phát sinh giới thể vô biểu này. Trước khi tiến hành bạch Tứ Yết-ma thọ cụ túc giới, có một số thủ tục cần phải tiến hành đúng pháp thì Yết-ma mới thành tựu. Có 4 điều kiện để Yết-ma thành tựu, đó là:

1) GIỚI THÀNH TỰU:

Để cho giới thành tựu, tất cả hành sự của Tăng phải được thực hiện trong cùng một cương giới ấn định gọi là giới trường để tránh hiện tượng chia rẽ trong Tăng. Truyền giới cụ túc là việc của tập thể Tăng truyền cho một người. Nhưng túc số tăng chính thức chỉ là 10 vị mà không phải là tập hợp tất cả chư Tăng có mặt trong trú xứ. Vì thế phải có cương giới để khuôn khổ hạn chế đúng pháp Yết-ma (và giải quyết này được tính theo nguyên tắc đa số tuyệt đối, có nghĩa là Yết-ma chỉ thành tựu khi 10 giới sư đều nhất trí qua sự yên lặng của mình, không một ai có ý kiến phản đối)

2) SỰ THÀNH TỰU:

Sự thành tựu là sự nghiêm xét tư cách của giới sư và giới tử. Sự nghiêm xét này phải được tiến hành trước khi chính thức tác pháp Yết-ma, do một vị Giáo thọ A-xà-lê đảm trách hướng dẫn (sự nghiêm xét tư cách như đã trình bày trên). Và sau cùng là Đoàn nghi sắp đặt thứ lớp trang nghiêm long trọng đúng pháp.

3) TĂNG THÀNH TỰU:

Phải là Tăng thanh tịnh, nếu có phạm các học xứ thì đã được sám hối như pháp. Về túc số Tăng thì chính thức là 10 vị như nếu ở những vùng biên địa (Tăng số không đủ) thì được phép tiến hành tác pháp với túc số là 5 vị, trong túc số ấy phải có ít nhất là một vị am tường các pháp Yết-ma về lý thuyết cũng như về mặt thực hành. Chư Tăng trong túc số này phải tập trung trong một giới trường đã quy định và phải có những cử chỉ biểu hiện tinh thần hòa hợp, trong đó phải có một vị Hòa thượng và một vị Yết-ma.



4) YẾT-MA THÀNH TỰU:

Yết-ma được thành tựu khi pháp Yết-ma được thực hiện như pháp, nghĩa là không có một trong bảy điều phi pháp sau đây:

1. Nhân phi
2. Pháp phi
3. Sự phi
4. Nhân pháp phi
5. Nhân sự phi
6. Pháp sự phi
7. Nhân pháp sự phi.

Ở nơi khác có nêu ra 7 phi tướng của Yết-ma tuy tên gọi có khác nhưng cũng không ngoài ý nghĩa như sau:

1. Phi pháp phi Tỳ-ni
2. Phi pháp biệt chúng
3. Phi pháp hòa hợp
4. Như pháp biệt chúng
5. Pháp tương tự biệt chúng
6. Pháp tương sự hòa hợp
7. Bị ngăn mà không chịu đình chỉ.

Ngoài ra trong khi tác pháp bạch Tứ Yết-ma, chư Tăng trong giới trường phải hoàn toàn nhất trí, không một ai phản đối (đa số tuyệt đối).

Đối tượng của Yết-ma thọ giới cụ túc là giới tử cũng phải nhất trí tự nguyện lãnh thọ giới pháp. Nếu trong giờ phút thỉnh bạch Yết-ma mà giới tử bỗng nhiên sanh tâm hối hận, không muốn thọ giới thì Yết-ma cũng xem như không thành.

Trong khi tiến hành Yết-ma truyền giới, mỗi lần chỉ được phép truyền thọ cho một giới tử mà thôi. Tuy nhiên nếu số giới tử cầu thọ giới quá đông thì có thể mỗi lần truyền cho 3 giới tử, nhưng tuyệt đối không được quá ba. Nói chung là không có trường hợp Tăng truyền giới cho Tăng.

Như những thủ tục trên đã được nghiêm xét đầy đủ, pháp Yết-ma bắt đầu tiến hành đó gọi là Yết-ma như pháp, và giới tử trong trường hợp này được gọi là đắc giới. Đắc giới ở đây không chỉ có nghĩa khi giới tử nghe đọc lên các

điều khoản của các học xứ (227 điều theo truyền thống Pali, 250 điều theo truyền thống luật Tứ phần cho Tỳ kheo, 348 điều cho Tỳ kheo ni) giới tử thành tâm lãnh thọ, mà còn phải vâng giữ 4 thanh tịnh pháp còn gọi là Tứ y pháp, đó là:

1. Y trên y phần tảo
2. Y trên sự khát thực
3. Y nơi gốc cây mà ngủ nghỉ
4. Y nơi hủ lân dực.

Theo thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, có 10 trường hợp đặc giới cụ túc:

1. TỰ NHIÊN ĐẮC GIỚI: Trường hợp của vị Độc Giác Phật.

2. KIẾN ĐỂ ĐẮC GIỚI: Đặc giới do thấy lý Tứ Đế, như trường hợp năm anh em Kiều-trần-như.

3. THIÊN LAI TỖ KHEO: Do Phật gọi: "Thiên lai Tỳ kheo" mà đặc giới như trường hợp Da-xá.

4. XÁC NHẬN PHẬT LÀ BẬC ĐẠO SƯ: Như trường hợp của Tôn giả Ca-diếp, khi gặp Đức Thế Tôn liền tuyên bố: "Đây là bậc Đạo sư của tôi," và liền đặc giới.

5. DO KHÉO TRẢ LỜI: Đây là trường hợp duy nhất dành cho thiếu niên Tô-đà-di mới 7 tuổi nhưng đã khéo trả lời câu hỏi "Nhà con ở đâu?" của Phật bằng câu: "Ba cõi không đâu là nhà" mà đặc giới.

6. DO THỌ BÁT KÍNH PHÁP: Đây là trường hợp của Ba-xà-ba-đề.

7. DO GỘI ĐAI BIỂU: Đây là trường hợp của Tỳ kheo ni Pháp Thọ, do sợ nạn phạm hạnh mà Phật cho phép cử đại diện đến thọ rồi về ruyền lại.

8. TAM NGŨ ĐẮC GỚI: Do tuyên bố 3 lần: Tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng" đây là trường hợp thường xảy ra khi Phật chưa quy định pháp bạch Tứ Yết-ma thọ giới.

9. THỌ GIỚI VỚI TĂNG 10 NGƯỜI: Dành cho mọi giới tử thọ giới ở nơi đô thị có đông đảo Tỳ kheo.

10. THỌ GIỚI VỚI TĂNG 5 NGƯỜI: Đây là trường hợp dành cho giới tử ở những nơi biên địa không có đông đảo Tăng chúng. Trong trường hợp này phải có ít nhất là một vị trì Luật và hiểu các pháp Yết-ma.

Trong 10 trường hợp trên, 8 trường hợp đầu chỉ xảy ra khi Phật còn tại thế, và cũng là những trường hợp đặc biệt cho một số người thôi.

Chỉ có 2 trường hợp cuối cùng, gọi chung là "Bạch Tứ Yết-ma đặc giới" là được áp dụng phổ thông lưu truyền chính thức cho đến ngày nay.

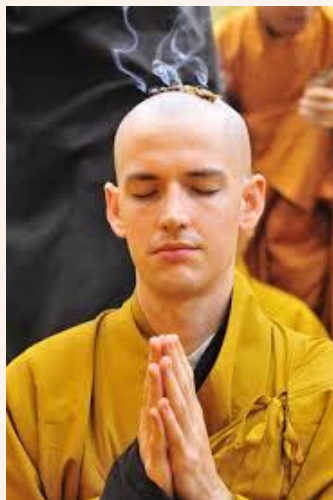
Riêng trường hợp Ni thọ giới cụ túc thì có những điểm sai khác như ngoài hội đồng thập sự Tăng, còn có một hội đồng thập sự Ni. Giới tử Ni sau khi được xét nghiệm về tư

cách của giới tử, đại khái như đã nêu trên, pháp Yết-ma truyền thọ được tiến hành tại trong Ni Tăng gọi là bản bộ Yết-ma (chính thức truyền giới). Bản bộ Yết-ma thực hiện xong, nội trong ngày ấy (không được để qua đêm), hội đồng thập sự Ni phải dẫn giới tử Ni qua hội đồng thập sự Tăng để cầu chánh pháp Yết-ma (Ấn chứng cho sự truyền thọ). Ở đây, chỉ nêu sơ lược các chi tiết kiểm nghiệm giới tử, cách thức tác pháp Yết-ma trong các bộ Yết-ma đều nói rõ từng chi tiết.

Sau khi đắc giới, nghiêm nhiên giới tử trở thành một Tỳ kheo (hay Tỳ kheo ni) và chính thức trở thành thành viên của đoàn thể Tăng già, có những nghĩa vụ và quyền lợi như những thành viên khác. Tuy nhiên, vị tân Tỳ kheo ấy, suốt thời gian 5 năm đầu phải y chỉ nơi một vị Thượng tọa Luật sư (vị Tỳ kheo thông hiểu giới luật) để học tập cho am tường các bổn phận trách nhiệm cũng như những điều tác thành tư cách của một Tỳ kheo, tức là am tường các học giới, hiểu rõ thế nào là danh, chùng, tánh, tướng; thế nào là khai, giá, trị, phạm; thế nào là khinh trọng và thông thạo các pháp Yết-ma về lý thuyết cũng như thực hành. Một trong những bổn phận người xuất gia là tục Phật Thánh lưu, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Muốn thực hiện bổn phận ấy,

vị Tỳ kheo phải có đủ tư cách làm thầy. Do đó, Phật quy định Tỳ kheo phải đủ 10 hạ, Tỳ kheo ni phải đủ 12 hạ mới được thu nhận đệ tử, độ người xuất gia, và trước khi độ người xuất gia, phải được Tăng thông qua với pháp Yết-ma súc chúng. Nếu Tăng thấy chưa đủ tư cách thu nhận đệ tử xuất gia, dù người ấy đã đủ tuổi hạ, thì cũng không được tự tiện độ người xuất gia. Nếu làm thì phạm Ba-dật-đề.

Tóm lại, Tăng đoàn là tập thể có vai trò quan trọng quyết định sự tồn tại của Phật pháp. Khi nào hàng ngũ Tăng già có những bậc chân tu thực học, đạo cao đức trọng, có đủ tư cách làm nghi biểu cho đời, có đủ trí huệ làm đuốc sáng cho đời, thì khi ấy Phật pháp được hưng thịnh. Trái lại, khi nào trong hàng ngũ Tăng già không có những vị Tăng tài đức như trên, thì dù số lượng có đông nhiều đi nữa, đó cũng là dấu hiệu suy đốn của chánh pháp. Nhưng làm sao để có thể đào tạo được những con người, có được những con người có được những đức tính như thế? Dĩ nhiên là phải y cứ vào giới luật làm kim chỉ nam cho sinh hoạt Tăng đoàn, mà một trong những vấn đề giới luật có vai trò quan trọng trong việc tác thành nhân cách một Tỳ kheo, đó là sự truyền thọ giới pháp. Nếu không có sự truyền thọ như pháp thì không có Tỳ kheo đặc giới. Không có Tỳ kheo đặc giới như pháp thì bản



thể của Tăng không thành tựu. Tăng không có giới bản thể thì không thể nào tiến bộ về mặt tâm linh, không thể nào có người tu chứng. Và như vậy, Chánh Pháp sẽ không làm sao tồn tại được, cho nên vấn đề truyền thọ giới pháp cho người xuất gia có một ý nghĩa quan trọng trong Phật pháp. Cũng vì vậy mà vấn đề này chiếm một phần trong bốn phần của Luật Tứ Phần.

Với mục tiêu giải thoát, giác ngộ trên tinh thần tự giác là châm ngôn hành động mà Phật đã dùng để khuyến hóa, giáo dục những người xuất gia. Nhưng trong giáo đoàn xuất gia vẫn có những người xuất gia không vì mục tiêu chân chính đó, không cùng sống trong tinh thần hướng thượng với lý tưởng giải thoát, cũng không chuyển hóa tâm linh qua sự nghiêm trì phạm hạnh. Chính vì điều này mà càng về sau, sự truyền thọ giới pháp càng được chính Đức Phật đề ra những quy định chặt chẽ để kiểm nghiệm, để thử thách, để thanh lọc hàng ngũ Tăng đoàn, nhằm bảo đảm tánh trong sạch cho cá nhân và tập thể để xứng đáng là một trong ba ngôi báu trong Phật pháp. Tuy chú trọng về việc tự giác và pháp triển tâm linh, nhưng cũng phải dựa vào hành vi biểu lộ bên ngoài để làm tiêu chuẩn pháp định. Vì thế mà sau khi Phật diệt độ, Luật tạng được kết tập một cách trung thành, dù Phật đã có cho phép bỏ bớt những điều chi tiết nếu thấy không cần thiết sau này. Chúng ta cũng không lấy làm ngạc nhiên gì khi Tôn giả Ca-diếp được cử làm thủ lãnh giáo đoàn, Tôn giả Ưu-ba-ly được suy tôn làm vị chấp chương về giới luật vì là những vị có giới hạnh tiêu biểu nhất. Tôn trọng giới luật, thì cũng tôn trọng việc truyền giới là lẽ đương nhiên. Tôn trọng sự truyền giới, thì những quy định của pháp Yết-ma không thể bỏ qua được, dù bất cứ lúc nào, ở đâu, và dù là theo hệ phái nào. Vi phạm quy định ấy cũng đồng nghĩa với sự làm tổn thương đến phẩm chất và quyền lực của Tăng già, đó là dấu hiệu suy đồi của Chánh Pháp.

Những ai trong hàng ngũ xuất gia có để tâm thiết tha đến sự tồn vong của Chánh Pháp, có thao thức ưu tư đến vấn đề "Tre tàn măng mọc", có hoài bão "Thiệu long Thánh chủng, kế văn khai lai" thì không thể không để tâm nghiên cứu học hỏi tường tận về các pháp Yết-ma, nhất là Yết-ma truyền giới cụ túc, độ người xuất gia.

SAU MÙA GIÓ LOẠN

*Tiếng thờ dài thiên cổ
Cháy bỏng ngàn sau xa.
Mây về từ cổ độ,
Sao xác hồn cỏ hoa.
Sầu lên mấy độ trăng tà
Đường nghiêng ngã bước, bóng nhòa nhạt đêm.
Cành sương trĩu mộng bên thềm
Bóng ma trôi hiện càng thêm nảo nùng.*

*Sóng dựng dài mây lạnh
Thoi thóp nhịp sầu khuya
Con sông từ trăm nhánh,
Lao xao bờ nọ kia.
Ai đâu tìm nẻo đi về?
Trá sương khói lạnh bộn bề tháng năm.
Luân hồi từ thuở xa xăm
Mang bao cát bụi về thăm thăm đời.*

*Loanh quanh trăm bến lạ
Loanh quanh hồn bể dâu.
Sầu ca lời sỏi đá,
Ngàn xưa rồi ngàn sau.
Man man giấc mộng hôm nào
Tà tơi cuộc hẹn, ra vào cuộc chơi.
Phù du bóng ngả chiều rơi,
Chim ngàn bạt gió ngậm ngùi nước mây!*

*Hùng hực con lửa đỏ
Cháy trăm nẻo điêu tàn
Còn chẳng tình hoa cỏ
Dâng lời ca trên ngàn.
Cho đời sớm được bình an,
Cho người đạo một cung đàn Nghĩa-Nhân.
Trước sau tụng một tinh thần
Chân-Thiện-Mỹ mới vẹn phần sanh linh.*

*Rời đây trên bước đấng trình
Sau mùa sương khói, tự tình cỏ hoa
Sau mùa gió loạn quanh ta,
Tiếng muôn chim hót tình ca muôn trùng.*

thơ **MẠC PHƯƠNG TỬ**
South Dakota, 12.4.2020

CHÙA CỔ THIÊN TỨ NƠI LƯU ĐẬM DẤU ẤN CỦA BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

Tâm Không Vĩnh Hữu

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Tưởng niệm 57 năm ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân vào ngày 20 tháng Tư âm lịch (1963-2020). Xin trân trọng giới thiệu sơ lược về ngôi chùa cổ Sắc Tứ Cổ Tích Thiên Tứ, thuộc địa phận thôn Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, cách thành phố Nha Trang khoảng 28km về hướng Bắc.



Theo quốc lộ 1 hướng Nam Bắc, cách thành phố Nha Trang khoảng 28 km về phía Bắc, đến chợ Bến Ninh Hòa, rẽ phải vào đường làng Mỹ Trạch, đi khoảng 500m, cổng tam quan chùa Thiên Tứ hiện ra giữa màu xanh cây cỏ của làng nghề dệt chiếu cói Mỹ Trạch - P. Ninh Hà.

Chùa do tổ Đạo Minh, thuộc hệ phái Bắc tông khai sơn sáng lập vào năm 1744.



Sau 274 năm kiến lập, truyền thừa và phát triển, chùa Thiên Tứ đã gắn liền với chư tôn đức trụ trì: 1. Tổ Đạo Minh 1744- ?; 2. Bồ tát Quảng Đức: 1936-1940; 3. Tổ Hưng Từ: 1940-1942-1943; 4. Ngài Quảng Thành: 1943-1958; 5. Ngài Quảng Luận: 1958-1964; 6. Ngài Tấn Hạnh: 1965-1976; 7. Đ.Đ.Tâm Chánh: 2001-2002; 8. Đ.Đ. Như Hoảng: 2003 đến nay. Mặc dù đã trải qua trên 5 lần trùng tu và bị hư



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)



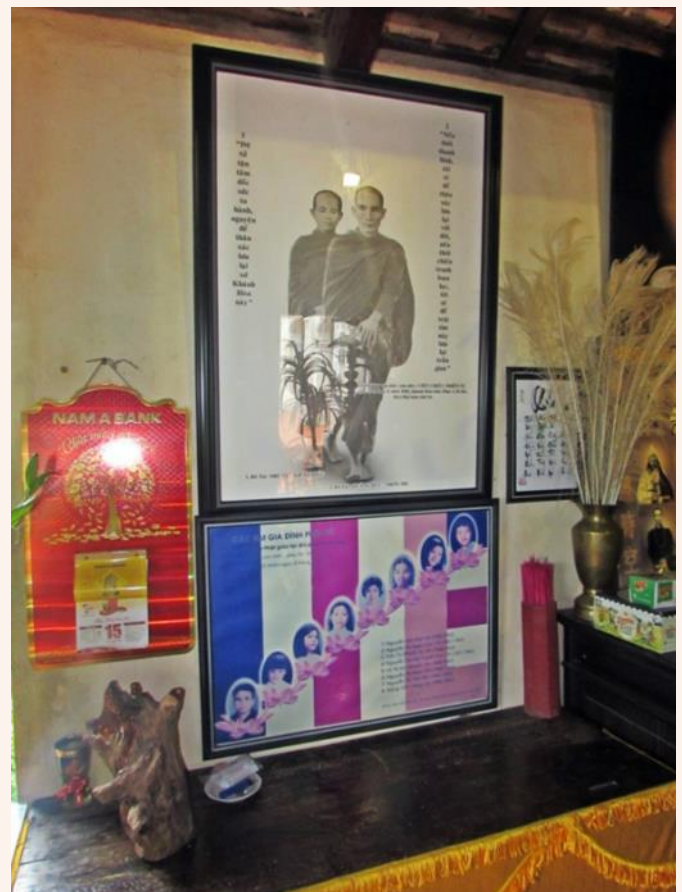
hại ít nhiều do sự tàn phá của thời gian, nhưng nét cổ kính rêu phong vẫn còn lưu dấu tại ngôi cổ tự này. Chùa còn được bao quanh bởi rất nhiều cổ thụ có niên đại trên 200 năm.

Hiện tại chùa còn lưu giữ khá nhiều cổ vật như hộp

gỗ đựng sắc tứ vua ban, chuông gia trì, các tượng cổ... Theo các vị bô lão trong vùng cho biết chùa Sắc tứ Thiên Tứ trước đây được các vị vua nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... ban cho nhiều sắc phong nhưng đã bị mất mát, thất lạc do chiến tranh. Đặc biệt nhất chùa Sắc tứ Thiên Tứ còn là một trong 14 ngôi chùa tại miền Trung mà Bồ tát Thích Quảng Đức đã kiến tạo, trùng tu trên bước đường hoằng đạo.



Được biết, sau khi Tổ Đạo Minh khai sơn, chùa Sắc Tứ Thiên Tứ đã thiếu người trông nom suốt một quãng thời gian dài. Sau đó thể theo nguyện vọng của Phật tử tại nơi đây, Bồ-tát Thích Quảng Đức đã nhận lời về đảm nhiệm trụ trì từ năm 1936-1940.



Trong suốt thời gian hoằng hoá tại đây, đáng kể nhất là từ năm 1937-1942 Bồ tát đã hợp lực với các bậc cao Tăng nổi tiếng như Hòa thượng Thích Hưng Từ mở nhiều khóa Hạ và Phật học để đào tạo Tăng tài với gần 100 vị từ miền Trung cho đến miền Nam. Có thể nói, công hạnh và việc làm của Bồ-tát Thích Quảng Đức đã nhiếp hóa đông đảo người dân vùng này trở về với Chánh pháp.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

QUYẾT ĐỊNH

Số: 0019 /HDGP/QĐ ngày 26 tháng 05 năm 2020
Lưu nhiệm thành viên HĐĐH nhiệm kỳ 2016-2020
và phê chuẩn nhân sự nhiệm kỳ 2020-2024

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Chiếu Quy Chế GHPGVNTNHC ngày 20.09.2008, tu chính ngày 11.06.2016 Đại Hội Khoáng Đại Kỳ 2 Nhiệm Kỳ III tại Niệm Phật Đường Fremont, thành phố Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ.
- Chiếu Quyết Định ngày 27.03.2020 của HDGP về việc giữ nguyên thành phần nhân sự HĐĐH cho nhiệm kỳ IV: 2020-2024.
- Chiếu Tờ Trình Danh Sách Thành Viên Hội Đồng Điều Hành Nhiệm Kỳ III (2016-2020) và đề nghị nhân sự hoán chuyển và bổ túc nhiệm kỳ IV (2020-2024) của Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành ngày 23.05.2020
- Chiếu nhu cầu Phật sự.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê Chuẩn thành phần nhân sự lưu nhiệm và nhân sự đề nghị nhiệm kỳ IV 2020-2024 của Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ như sau:

Văn Phòng Thường Trực:

1. Chủ Tịch : Hòa thượng Thích Tín Nghĩa
2. Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ: Ht Thích Nguyên Trí
3. Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ: Ht Thích Nhật Quang
4. Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ: Ht Thích Nguyên An
5. Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ: Ht Thích Minh Tuyên
6. Đệ Tam Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ: Ht Thích Thông Hải
7. Tổng Thư Ký: Ht Thích Nguyên Siêu
8. Phó Tổng Thư Ký: TT Thích Hạnh Tuệ
9. Phó Tổng Thư Ký: Cư Sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang
10. Phụ Tá Tổng Thư Ký: Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào
11. Tổng Thủ Quỹ: Ni Sư Thích Diệu Tánh
12. Phó Tổng Thủ Quỹ: Sư Cô Thích Nữ Tuệ Như
13. Phụ Tá Đặc Biệt Chủ Tịch HĐĐH: TT Thích Thiện Trí
14. Phụ Tá Đặc Biệt Chủ Tịch HĐĐH: Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê

Tổng Vụ Tăng Sự:

15. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Nhật Huệ
16. Tổng Vụ Phó: TT Thích Tâm Tường
17. Tổng Vụ Phó: TT Thích Đồng Thiện
18. Thư Ký: TT Thích Thánh Minh

Tổng Vụ Ni Bộ:

19. Tổng Vụ Trưởng: Sư Bà Thích Nữ Giới Châu
20. Tổng Vụ Phó: Ni Sư Thích Nữ Minh Phước
21. Tổng Vụ Phó: Ni Sư Thích Nữ Giới Định
22. Tổng Vụ Phó kiêm Thư Ký: Ni Sư Thích Nữ Tiến Liên

Tổng Vụ Hoàng Pháp:

23. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Đồng Trí
24. Tổng Vụ Phó: Ht Thích Giác Sỹ
25. Tổng Vụ Phó: TT Thích Hạnh Tuệ
26. Tổng Vụ Phó: TT Thích Pháp Tánh
27. Tổng Vụ Phó: TT Thích Pháp Bình

Tổng Vụ Văn Hóa:

28. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Minh Dung
29. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Nguyễn Giác Phan Tấn Hải
30. Tổng Vụ Phó: ĐĐ Thích Quảng Văn
31. Thành viên: Cư Sĩ Lam Nguyên

Tổng Vụ Giáo Dục:

32. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Thái Siêu
33. Tổng Vụ Phó: TT Thích Tuệ Phát
34. Tổng Vụ Phó: ĐĐ Thích Quảng Định
35. Thành viên: ĐĐ Thích Nhuận Tánh
36. Thành viên: NS Thích Nữ Tịnh Quang



Tổng Vụ Cư Sĩ:

37. Tổng Vụ Trưởng: TT Thích Thánh Minh
38. Tổng Vụ Phó: TT Thích Thông Lý
39. Tổng Vụ Phó: TT Thích Hải Thông
40. Tổng Vụ Phó: TT Thích Nguyên Tâm
41. Tổng Vụ Phó: TT Thích Hạnh Hiếu
42. Tổng Vụ Phó: TT Thích Từ Trung
43. Tổng Vụ Phó: ĐĐ Thích Bảo Thiện
44. Tổng Vụ Phó: Ni sư Thích Nữ Tuệ Từ
45. Tổng Thư Ký: TT Thích Nhuận Bình
46. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Nguyễn Lương Nguyễn Phước Trí
47. Thành viên: Sư Cô Thích Nữ Hạnh Nguyên
48. Thành viên: Cư Sĩ Thiên Đông Trần Huy
49. Thành viên: Cư Sĩ Trần Thị Cát Tường
50. Thành viên: Cư Sĩ Quảng Hậu Huỳnh Quang Hùng
51. Thành viên: Cư Sĩ Phước Hoài Mai Văn Tâm

Tổng Vụ Thanh Niên:

52. Tổng Vụ Trưởng: TT Thích Nhật Châu
53. Tổng Vụ Phó: TT Thích Giới Minh
54. Thành viên: ĐĐ Thích Minh Hiếu
55. Vụ Trưởng GDPT Vụ: Cư Sĩ Quảng Ngộ Đào Duy Hữu
56. Thư Ký: Cư Sĩ Nguyễn Từ Nguyễn Quốc Hưng

Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội:

57. Tổng Vụ Trưởng: NS Thích Nữ Nguyên Thiện
58. Tổng Vụ Phó: ĐĐ Thích Tuệ Phát
59. Tổng Vụ Phó: ĐĐ Thích Quảng Hiếu
60. Tổng Vụ Phó: Sư Cô Thích Nữ Tánh Lạc
61. Tổng Vụ Phó: Sư Cô Thích Nữ Ngọc Liên
62. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Nguyễn Thanh Nguyễn Văn Hà
63. Phụ Tá Tổng Vụ Trưởng: SC Thích Nữ Thiện Ngọc
64. Thủ Quỹ: Cư Sĩ Quảng Nhã Phạm Kim Thanh
65. Thành viên ĐĐ Thích Tịnh Hải
66. Thành viên: ĐĐ Thích Chúc Hiền
67. Thành viên: Ni Sư Thích Nữ Luân Liên
68. Thành viên: Cư Sĩ Lệ Tú
69. Thành viên: Cư Sĩ Nguyễn Thị Hiền

Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh:

70. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Thiện Long
71. Tổng Vụ Phó: TT Thích Thường Tịnh
72. Tổng Vụ Phó Kiêm Thủ Quỹ: Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh
73. Tổng Vụ Phó: Ni Sư Thích Nữ Nguyên Bốn
74. Tổng Vụ Phó: Ni Sư Thích Nữ Huệ Nghiêm
75. Tổng Vụ Phó: Sư Cô Thích Nữ Phước Quang
76. Thư Ký: Cư Sĩ Tâm Bảo Hoàng Tấn Kỳ
77. Thành viên: Cư Sĩ Trần Thuận Hiếu

Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch:

78. Tổng Vụ Trưởng: TT Thích Thiện Long
79. Tổng Vụ Phó: TT Thích Hương Niệm
80. Tổng Vụ Phó: TT Thích Chúc Đại
81. Tổng Vụ Phó: TT Thích Đồng Lưu

Tổng Vụ Truyền Thông:

82. Tổng Vụ Trưởng: Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào
83. Tổng Vụ Phó: Ht Thích Tuệ Uy
84. Thành viên: Cư Sĩ Tâm Hòa Lê Quang Dật
85. Thành viên: Cư Sĩ Quảng Hải Phan Trung Kiên
86. Thành viên: Cư Sĩ Đức Diệu Tường

Tổng Vụ Nghi Lễ:

87. Tổng Vụ Trưởng: TT Thích Nhật Trí
88. Tổng Vụ Phó: TT Thích Hải Chánh
89. Tổng Vụ Phó: TT Thích Định Quang
90. Tổng Vụ Phó: Ht Thích Giác Minh
91. Tổng Vụ Phó: TT Thích Tâm Bình
92. Tổng Vụ Phó: TT Thích Nhật Thiện
93. Tổng Vụ Phó: TT Thích Tâm Hy

Tổng Vụ Pháp Chế:

94. Tổng Vụ Trưởng Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê
95. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Thiên Tu Hoàng Văn Chương
96. Tổng Vụ Phó: TT Thích Minh Trọng
97. Tổng Vụ Phó: Luật Sư Dina Linh Nguyễn
98. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy
99. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Trần Quý Hùng
100. Thư Ký: Cư Sĩ Quảng Lộc Nguyễn Phước Lộc
101. Phụ Tá Tổng Vụ Trưởng đặc trách Kế Toán:
Cư Sĩ Nguyễn Vi Đoàn Thị Thúy, CPA

Tổng Vụ Kiến Thiết:

102. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Minh Hồi
103. Tổng Vụ Phó: ĐĐ Thích Minh Nguyên
104. Tổng Vụ Phó: Cư Sĩ Minh Hoàng Tô Xuân Thế

Tổng Vụ Giao Tế và Ngoại Vụ:

105. Tổng Vụ Trưởng: Ht Thích Thông Hải

Ban Tham Vấn:

106. Cư Sĩ Nguyễn Giác Phan Tấn Hải
107. Cư Sĩ Thị Nghĩa Trần Trung Đạo
108. Cư Sĩ Tâm Duy Phan Duy Chiêm
109. Cư Sĩ Nguyễn Toàn Trần Việt Long
110. Cư Sĩ Thiện Giáo Đoàn Ngọc Đa

Điều 2. Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành, các Phó Chủ tịch HĐĐH, Văn Phòng Thường Trục HĐĐH, các Tổng Vụ, các Vụ, các Ban Ngành trực thuộc Hội Đồng Điều Hành chịu nhiệm vụ thi hành Quyết Định này.

Điều 3. Quyết Định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phật Lịch 2564, California, ngày 26 tháng 5 năm 2020

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng

Sa Môn Thích Thắng Hoan

Nơi nhận:

- HĐĐH
- Hồ Sơ - Lưu



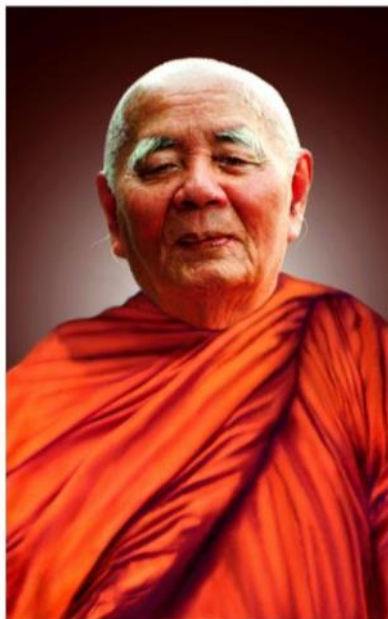
ĐỨC PHẬT VỚI VẤN ĐỀ CẢI TIẾN XÃ HỘI

HT. Thích Minh Châu

Diễn văn của T.T.Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh,
đọc trong dịp Phật Đản 2515 (9-5-1971) tại Viện Đại học Vạn Hạnh

VĂN HÓA / GIÁO DỤC

Một hiểu lầm đáng tiếc nữa đối với Phật giáo là đạo Phật chỉ chú trọng về tâm linh, những lý tưởng đạo đức siêu phàm, không để ý đến vật chất con người; và đức Phật với Giáo hội Tăng già hoàn toàn đặt những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội ra ngoài phạm vi hoạt động của mình. Và như vậy không thể có đề tài Đức Phật và vấn đề Cải tiến Xã hội. Thật không có sự hiểu lầm nào tai hại và nguy hiểm hơn. Đức Phật bao giờ cũng nhìn con người toàn diện nghĩa là gồm có danh (nàma hay tâm) và sắc (rùpa hay sắc thân) và hai phần tử này của con người hoàn toàn liên quan mật thiết với nhau. Chúng ta có thể nói, một đời sống tâm linh trong sạch, phản ứng tốt đẹp khiến thân thể trong sạch, không bệnh hoạn. Và một thân thể trong sạch tráng kiện đưa đến một đời sống tâm linh thuần khiết. Không thể có sức khỏe trong những tâm hồn bệnh hoạn, cũng như không thể có những tâm hồn thánh thiện trong những thân thể bạc nhược. Đức Phật sở dĩ luôn luôn giữ trên mặt Ngài một nụ cười siêu thoát (Hasituppàda citta) vì thân tâm của Ngài đều thật sự giải thoát. Cho nên, "đối với Đức Phật, không thể có hạnh phúc mà không sống một đời sống trong sạch, dựa trên những nguyên tắc đạo đức và tâm linh; nhưng Ngài biết rằng sống một đời sống như vậy không phải dễ dàng trong những điều kiện xã hội và vật chất không thuận tiện." [1]



TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
(1918 - 2012)

hội, chính trị ra khỏi đời sống tâm linh và nếu chúng ta biết đến quá nhiều những lời dạy của Đức Phật về giải thoát, giác ngộ, chúng ta biết rất ít những quan điểm của Ngài về kinh tế, xã hội, chính trị mà thật sự Đức Phật đã nhiều lần đề cập đến trong những lời thuyết giảng của Ngài.

Kinh *Cakkavatti sihanàda* (Sư tử hồng chuyển luân pháp vương kinh, Trưởng bộ kinh số 26) nêu rõ nguồn gốc của vô đạo và tội ác, như trộm cắp, bạo động, thù hận là do sự nghèo đói túng thiếu (*dàliddiya*) và Kinh *Kùtadanta* (Trưởng Bộ Kinh, tập II, tr.135) đã giới thiệu một phương pháp thuần túy kinh tế để giải quyết nạn cướp bóc: "Này Đại vương, vương quốc này chịu tai ương, chịu ách nạn như vậy, nếu Tôn

vương đánh thuế má mới, như vậy Tôn vương hành động sai lạc. Nếu Tôn vương có ý nghĩ "Ta hãy diệt trừ bọn giặc cỏ này hoặc bằng tử hình, hoặc bằng cầm cổ, hoặc bằng phạt vạ, hoặc bằng khiển trách, hoặc bằng tẩn xuất. Nhưng bọn giặc cỏ này sẽ không được diệt trừ một cách an toàn. Những bọn còn lại không bị hình phạt, sau lại tiếp tục hoành hành vương quốc này. Nhưng nếu theo phương pháp sau đây, bọn giặc cỏ ấy sẽ được diệt trừ một cách hoàn toàn. Những ai trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, tôn vương hãy cấp hạt giống và thực vật; những ai trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, tôn vương hãy cấp vốn đầu tư; những ai trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, tôn vương hãy cấp vật

thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm vào nghề riêng của mình sẽ không hại quốc độ nhà vua. Và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng.” Đức Phật rất ý thức đến sự thoải mái kinh tế và xem sự yên tâm đầy đủ về tiền bạc là rất cần thiết cho hạnh phúc con người. Trong khi thuyết giảng cho cư sĩ Cấp Cô Độc (Anàthapindica) một vị đã thiết lập tịnh xá Kỳ Đà (Jetavana) và dâng cho Ngài, Đức Phật đã đề cập đến bốn loại hạnh phúc cho một cư sĩ: “Sở hữu lạc – Atthisukha, sự sung sướng khi có tài sản tiền bạc đầy đủ, thọ dụng lạc – bhogasukha, sự sung sướng khi thọ dụng tiêu dùng tài sản ấy một cách rộng rãi cho mình, cho gia đình, bà con bè bạn và trong những việc công đức, vô trái lạc – Ananasukha, sự sung sướng khi khỏi phải nợ nần vay mượn và vô tội lạc – anmajjasukha, sự sung sướng khi sống một đời sống trong sạch không tội lỗi. Ba sự sung sướng đầu thuộc về kinh tế, sự sung sướng thứ tư thuộc về tâm linh và chúng ta sẽ thấy rằng đầu đạo Phật chấp nhận sự cần thiết kinh tế cho hạnh phúc con người, Đức Phật xác nhận với cư sĩ Cấp Cô Độc rằng, hạnh phúc về kinh tế đáng một phần mười sáu của hạnh phúc tâm hồn, phát sinh từ một đời sống không lỗi lầm và hướng thiện (Anguttara Nikàya, Colombo 1929, tr.232, 233). Khi nói chuyện với Sigàla, Đức Phật đi sâu vào chi tiết để dành tiền bạc và tiêu dùng. Ngài khuyên Sigàla nên dùng 1/4 lợi tức vào sự tiêu pha hằng ngày, 1/2 lợi tức để đầu tư kinh doanh và 1/4 lợi tức để dành khi có tai nạn nguy cấp (Digha II, Colombo 1929, tr.115). Đối với Giáo hội Tăng già, Đức Phật giải quyết vấn đề kinh tế một cách thần kỳ với phương pháp “khất thực” và chính nhờ vậy mà các Giáo hội Nam Tông đã tồn tại và phát triển hơn 2515 năm và thật chặt sự hỗ trợ liên hệ giữa Tăng già và cư sĩ. “Có thực mới vực được đạo” là lẽ tất nhiên nhưng thực quá nhiều thì đạo cũng sụm luôn, nên Đức Phật luôn luôn khuyên các vị Tỳ kheo không được dự trữ tiền bạc và đồ ăn uống. Chúng ta thấy rõ các tu sĩ tứ bản và các tôn giáo tứ bản, họ càng thành công trong địa hạt vật chất kinh tế bao nhiêu, họ càng thất bại trong lãnh vực tâm linh tu hành bấy nhiêu. Trong khi khuyến khích sự tiến bộ vật chất, Phật giáo luôn luôn nhấn mạnh sự phát triển đạo đức và tâm linh. Con người gồm cả khả năng vật chất và tinh thần, thiếu sự thăng bằng giữa hai khả năng này, thì con người không thành con người và chỉ dẫn thân vào đau khổ và trụy lạc.

Trên địa hạt xã hội hai sự thành công rõ rệt nhất trong thời Đức Phật còn tại thế là sự bãi bỏ chế độ giai cấp và sự thiết lập Giáo hội Ni chúng. Theo tôn giáo Ấn Độ, có bốn giai cấp hoàn toàn biệt lập: Trên tất cả là giai cấp Bà La Môn, gồm các ẩn sĩ tu hành, hành lễ các tế đàn,

thứ đến giai cấp Sát đế ly, gồm các vua chúa quan liêu, trị nước an dân, thứ ba đến giai cấp Phệ xá, nông nghiệp kinh doanh, cuối cùng là giai cấp Sùdra (Thù đà la), giai cấp nô lệ phục vụ cho ba giai cấp trên. Gia cấp Thù đà la bị ngược đãi khinh bỉ đến nỗi một người Thù đà la đến gần một giếng nước mà để bóng mình chiếu xuống nước, thời giếng ấy xem như đã trở thành nhơ nhớp, không dùng được cho ba giai cấp trên và người Thù đà la vì phạm tội ấy có thể bị ném đá cho đến chết. Chúng ta nhớ đến sự tích Ngài Anada khi xin nước uống với một thiếu nữ Thù đà la, thiếu nữ ngần ngại không dám đưa nước mời uống vì giai cấp hạ tiện của mình; Ngài Ananda đã trả lời: “Tôi xin nước uống chớ không xin giai cấp.” Trong kinh Ambatthasutta (Trường Bộ Kinh, tập 1, trang 99) có bài kệ sau đây nói đến vấn đề giai cấp:

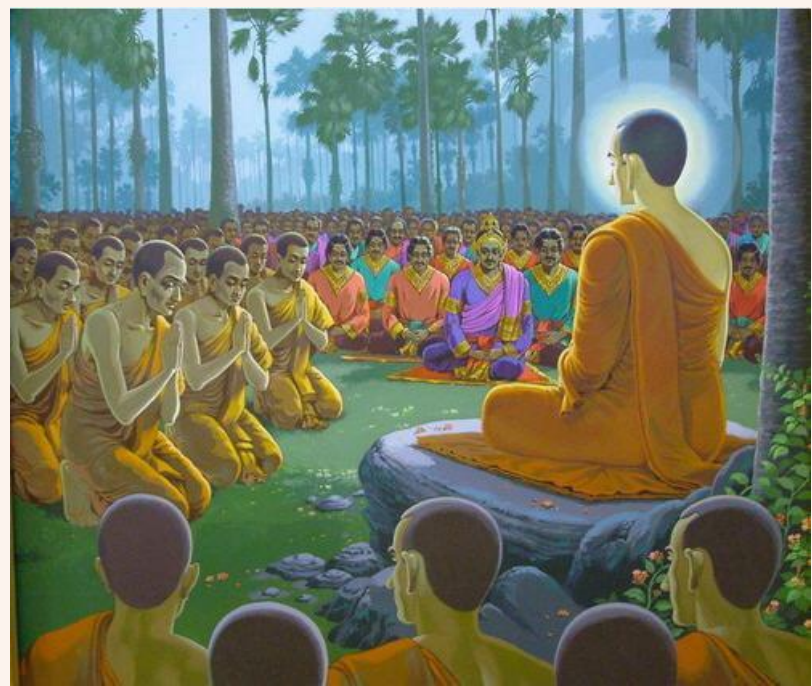
“Khattiyo settho janetasmim ye gotta patisàrino vijjàcarana sampanno so settho devamanuseti”

“Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát đế ly chiếm vị trí tối thắng ở nhân gian. Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị này chiếm địa vị tối thắng giữa người và chư thiên.” Chử Tuệ ở đây được giải thích là một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có nghị luận đến giai cấp hay không có nghị luận đến ngã mạn với lời nói: “Người bằng ta hay người không thể bằng ta.” Chúng ta được biết đức Phật thấu nhận vào Giáo hội Tăng già bất cứ giai cấp nào, miễn rằng các vị này tuân theo Pháp và Luật của Ngài. “Đức Upàli, trước kia là thợ cạo, giữa đám đồng các vị khác, được chọn làm đại đệ tử chuyên về giới luật. Đức Sunita, được các vua chúa và hàng quý tộc trong nước tôn kính như bậc A la hán, chỉ là người hốt rác. Triết gia Sàti là con một ngư ông. Cô gái giang hồ Ambapàli được chấp thuận vào Giáo hội và đắc quả A la hán. Rajjumàla, được Đức Phật cảm hóa lúc nàng sắp sửa quyền sinh, là một cô gái nông nô. Punna, cũng thuộc giai cấp nông nô, được Đức Phật chấp nhận lời thỉnh cầu nhập hạ trong lúc Ngài từ chối trường giả Cấp Cô Độc, chủ của nàng. Subhà là con gái của người thợ rèn. Cápà là con gái của một người đuổi nai cho thợ săn. Những trường hợp tương tự, còn nhiều trong kinh điển, chứng tỏ rằng cánh cửa của Phật giáo rộng mở cho tất cả mọi người, không có một sự phân biệt nào” (Đức Phật và Phật pháp, trang 279). Và chúng ta đều nhớ câu kệ sau đây trong kinh Vasalasuta (Suttanipata):

“Là cùng đing, không phải do sanh trưởng,
Là Bà la môn, không phải do sanh trưởng.
Do hành động, người này là cùng đing,
Do hành động, người kia là Bà la môn.”

Sự thành lập Giáo hội Tỳ kheo Ni cũng là một thành công xã hội rất lớn của Đức Phật, đối với nữ giới mà dân Ấn Độ Bà la môn giáo thường hay khinh rẻ và một nhà văn hào Ấn Độ,

ông Hemacondra xem nữ giới như những ngọn đuốc soi sáng con đường dẫn xuống địa ngục (*Maracamàrgadvàaya dipikà*). Nếu chúng ta đọc kỹ kinh Kùtadantà (*Trường bộ kinh, tập II, trang 142*) về các loại tế đàn, chúng ta sẽ nhận thấy Đức Phật mong đợi một xã hội, trong ấy người vật không tàn hại lẫn nhau, trong ấy mọi người sinh sống và làm việc trong niềm hoan hỷ tự do như đoạn văn sau diễn tả: "Này Bà la môn, trong tế đàn của các vị này cũng vậy, không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt để làm cột trụ tế lễ, không có loại cỏ dabbha (cỏ cát tường) bị cắt để rải xung quanh tế. Và những người gia tộc hay những người đưa tin, hay những người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bị dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Chúng muốn thì chúng làm, chúng làm những gì chúng muốn, chúng không làm những gì chúng không muốn." Từ lãnh vực xã hội, bước qua địa hạt chính trị, đầu Đức Phật luôn luôn giữ vững lập trường và vị trí của một bậc tu hành, Đức Phật cũng nhiều lần có những quan niệm hòa bình chiến tranh rất rõ rệt. Đối với đạo Phật không có chiến tranh nào có thể được gọi là chân chánh, vì người chiến thắng và hùng mạnh là "chánh" và kẻ chiến bại yếu thế là "bất chánh." Chiến tranh "của chúng tôi" là luôn luôn chánh đáng, còn chiến tranh "của các anh" là bất chánh. Thật khó mà chấp nhận những quan điểm như vậy. Đạo Phật điểm thị hai nguyên nhân chính của chiến tranh, đó là lòng tham dục của con người hay nguyên nhân của những chiến tranh kinh tế, thuộc địa. Thứ hai là tà kiến hay nguyên nhân của những chiến tranh chủ nghĩa, tôn giáo. Ngày nào loài người chế ngự được lòng dục con người và trừ được những chủ nghĩa triết thuyết lệch lạc, thời mới hy vọng chấm dứt chiến tranh. Chúng ta cũng được biết sự tích Đức Phật đã thân hành ra chiến trường, ngăn cản chiến tranh có thể xảy ra giữa dòng họ Sakya và dòng họ Kolasa vì tranh chấp nước sông Rohimi. Chúng ta cũng được nhắc lại những câu hỏi khéo léo của Đức Phật đã khiến cho vua Ajàtasattu nước Magadha từ bỏ ý định đi chinh phục nước Vajja, như đã được đề cập trong kinh Đại Bát Niết Bàn [2]. Chính trong đoạn kinh này, chúng ta được biết lập trường chính trị xã hội của Đức Phật, để một nước được phú cường thịnh trị, không bị chinh phục. Một là dân chúng thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo để bàn luận sự nước việc làng. Hai là dân chúng tụ họp trong niềm đoàn kết, giải tán trong niềm đoàn kết và làm việc trong niềm đoàn kết. Ba là dân chúng không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đứng với truyền thống của dân tộc như đã ban hành thời xưa. Thứ tư là dân chúng tôn trọng đánh lễ các bậc trưởng lão và nghe theo



lời dạy của những vị này. Thứ năm là dân chúng không bắt cóc và cưỡng hiếp những phụ nữ và thiếu nữ phải sống với mình. Thứ sáu là dân chúng tôn trọng, đánh lễ các tự miếu của dân tộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành, không bỏ các cúng lễ đã cúng lễ từ trước, đã là từ trước đúng với quy pháp và thứ bảy là dân chúng bảo hộ, cúng dường đúng pháp các vị tu hành chân chính. Một quốc gia được sự tham gia của quần chúng đông đảo, tích cực và đúng luật pháp truyền thống như vậy thời quốc gia ấy thể nào cũng được cường thịnh, không bị chinh phục. Còn đối với vị vua cai trị một nước, Đức Phật có đề cập đến 10 đức tính (*Dasarajadhamma*) của một vị vua phải như thế nào để trị nước an dân và nếu chúng ta hiểu chữ vua như chữ chính phủ hiện tại, chúng ta thấy ngay Đức Phật đòi hỏi những vị lãnh đạo quốc gia 10 nhiệm vụ hay đức tính sau đây:

- Thứ nhất là *Dàna, bố thí*, nghĩa là người cai trị dân phải bố thí tiền của cho dân, chớ không tham những của dân.
- Thứ hai là *Sila, giới hạnh*, nhà cầm quyền phải có đức độ mới cai trị dân.
- Thứ ba là *Pariccàga hay biến xả*, sẵn sàng hy sinh tất cả cho hạnh phúc và an lạc của dân.
- Thứ tư là *Ajjava, nghĩa là trực hạnh*, không có quan co tà vạy, khi dối lừa người.
- Thứ năm là *tapa hay khổ hạnh*, phải sống một cuộc đời không xa hoa, phiến toái.
- Thứ sáu là *maddava hay nhu hòa*, nghĩa là phải có tánh tình ngôn ngữ hòa nhã.
- Thứ bảy là *akkodha, không sân hận* thù hằn đối với một ai.
- Thứ tám là *Avihimsà, bất hại*, không mưu chước hại người, không bạo động sát sanh.
- Thứ chín là *khanti hay nhẫn nhục*,
- và thứ mười là *Avirodha, không đối lập*, nghĩa là không đi ngược với ý chí toàn dân.

Như vậy một quốc gia được các vị lãnh đạo có 10 đức tính cao quý kể trên, thời quốc gia phải là một nước hạnh phúc an lạc.

Chúng tôi đã đề cập đến một vài đặc điểm của Đức Phật về những vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị và chúng ta được hiểu rằng, dầu Đức Phật luôn luôn đứng trên cương vị của một vị tu sĩ, đặc biệt chú trọng về giải thoát tâm linh, Ngài cũng ý thức được sự chi phối của kinh tế, xã hội, chính trị đến đời sống con người. Vấn đề được đặt ra hôm nay là ở trong một xã hội mà vật dục, thù hận, thù đoạn ngày càng được tăng trưởng mạnh mẽ, thời một tôn giáo chủ trương ly dục, tình thương và chân trực có thể có những giá trị, hiệu năng gì thực tiễn cho đời sống xã hội hiện tại không? Nếu vật dục đem lại hạnh phúc an lành cho con người, thời vấn đề này sẽ không được đặt ra. Nhưng chúng ta đã thấy ở Việt Nam cũng như ở khắp cả trên thế giới, vật dục càng gia tăng thời con người càng bị dao động, cuồng loạn, càng ngày càng mất giá trị con người. Ở nơi đây chủ trương ly dục của Đạo Phật không có nghĩa là phủ nhận sự hiện hữu của vật chất mà chỉ có nghĩa là sử dụng vật chất như một người chủ, chứ không phải như một người nô lệ. Khi chúng ta là người chủ thời dầu có sống trong giàu sang, chúng ta vẫn giữ được giá trị tốt đẹp con người, còn nếu chúng ta để vật chất làm nô lệ, thời càng nghèo, càng phản ứng trái ngược với nhân phẩm... Nói một cách khác, nếu sự phát triển kinh tế là cần thiết cho một quốc gia, thì sự phát triển này phải hướng đến phục vụ cho hạnh phúc toàn dân chứ không phải biến toàn dân thành những nô lệ cho vật chất chủ nghĩa. Đạo Phật giúp chúng ta đổi mặt với vật chất trên cương vị một người chủ, không phải trên cương vị một người nô lệ.

Vấn đề thứ hai, trên phương diện chính trị, Đức Phật đặt vấn đề với chúng ta, một là chúng ta chấp nhận hận thù, sợ hãi và chiến tranh là những căn bệnh kinh niên không thể chữa khỏi, để chờ một tương lai rất gần đây, căn bệnh ấy sẽ làm bằng hoại toàn bộ thân thể nhân loại chúng ta bằng một cuộc đại chiến thứ ba khủng khiếp và diệt chủng. Hai là chúng ta dừng chân lại trên vực thẳm của tiêu diệt, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, lấy lễ phải chinh phục cuồng tín, tôn trọng sự sống, tôn trọng sự thật, tôn trọng giá trị con người làm kim chỉ nam, để mở đường cho một sinh hoạt chính trị dựa trên Chánh pháp (Dhamma) làm căn bản chỉ đạo, như Hoàng đế A Dục đã làm. Và Chánh pháp ở nơi đây có nghĩa là tôn trọng sự thật, tôn trọng sự sống, và tôn trọng giá trị con người. Ba nguyên tắc chủ đạo cho mọi sinh hoạt chính trị.

Trong ngày Phật đản năm nay, trong bối cảnh một nước, một xã hội Việt Nam, bị tàn phá và rối loạn vì chiến tranh, trước hình ảnh con người nhân loại bị phá sản bởi sự chi phối của vật dục và máy móc, chúng tôi nghĩ bức thông điệp xây dựng con người căn bản của Đạo Phật

và những kỳ cương chính yếu về kinh tế, chính trị và xã hội của Đức Phật vừa đề cập trên, rất đáng chúng ta suy tư và tâm niệm.

Theo đúng đường hướng Phật dạy, chúng ta phải tự cải tiến chúng ta, phải cải thiện chúng ta thành những cá thể triệt để tôn trọng sự thật, tôn trọng sự sống, tôn trọng giá trị con người. Chúng ta phải tự mình ý thức một cách khiêm tốn nhưng vô cùng mạnh mẽ rằng, không một cá nhân nào khác có thể cứu độ cải thiện chúng ta, chỉ có chúng ta mới có thể cải thiện chúng ta, không một nước nào có thể cứu nước Việt Nam chúng ta, chỉ có người Việt Nam chúng ta mới cứu nước Việt Nam ra khỏi sa lầy chiến tranh và phá sản xã hội hiện tại. Khi mỗi cá nhân của chúng ta đã được cải thiện, đã tự cải tiến thời đương nhiên gia đình chúng ta, học đường chúng ta, xã hội chúng ta, quốc gia chúng ta cũng sẽ được cải tiến, cải thiện theo. Cá nhân tốt đẹp thời xã hội tốt đẹp, xã hội tốt đẹp thời cá nhân tốt đẹp. Thật sự không có một ranh giới chia rẽ giữa cá nhân và xã hội và đó chính là bức thông điệp giáo dục và xã hội của ngày Phật đản hôm nay.

Quý vị cho phép chúng tôi được nhắn nhủ vài lời với anh chị em sinh viên Vạn Hạnh.

Anh chị em nên ý thức rằng tương lai cá nhân của anh chị em, tương lai gia đình của anh chị em, tương lai của Viện Đại học Vạn Hạnh, tương lai của xã hội và quốc gia Việt Nam chúng ta nằm trong tay của anh chị em, tùy thuộc vào ý thức cải thiện, ý chí cải tiến kiến thức của anh chị em, khả năng của anh chị em, tác phong đạo đức của anh chị em. Tuổi trẻ không bao giờ sợ tương lai, vì tương lai nằm trong tay tuổi trẻ. Tôi xin trao tay cho anh chị em bức thông điệp của ngày Phật đản hôm nay.

Tỳ kheo THÍCH MINH CHÂU

(Trích Tạp Chí Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh, Số 3, 1971)

[1] *Con Đường Thoát Khổ*. W Rahula. Thích Nữ Trí Hải dịch. Tu thư Đại học Vạn Hạnh. Saigon 1967, trang 120.

[2] *Đại bát Niết Bàn Kinh*, Thích Minh Châu dịch, Tu thư Đại học Vạn Hạnh, Saigon 1967, tt. : 11-12-14.





ĐỐT ÁO

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Phật dạy:

"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, thiện trí khó gặp." Nay đã hội đủ thì nên tấn tu vun bồi cõi phúc, chớ nên để lỡ trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được.

- Việc phải lo là liễu sanh thoát tử, đạt đến chỗ vô sanh, ắt không tử, được chỗ thường còn vĩnh cửu an vui.

- Chớ nghe lời ngoại đạo, chuyên tu luyện pháp thuật thần thông biến hoá bỏ phí tuổi đời, khi buông tay, hối cũng không kịp, nghiệp lực trói buộc thác sanh vào tam đồ, biết đến bao giờ mới có thể giải trừ được.

Lại đã từng nói: Thân người là huyền, công danh địa vị tiền tài là vọng. Theo vọng phụng huyền, xa lìa chân tánh là mê, hành động như vậy là u tối ngu xuẩn, giống như anh chàng đốt áo trong kinh Bách Dụ.

Thuở xưa, có một người nghèo, làm thuê để dành may được một chiếc áo ngắn bằng vải thô. Khi y mặc ra đường người khác thấy hỏi rằng:

- Hình dung mặt mũi của anh xinh đẹp

như vậy chắc là con nhà giàu sang. Tại sao lại mặc áo vải thô. Tôi nay có cách giúp anh có được quần áo tốt, nhưng anh phải tin tôi. Tôi không bao giờ dối anh cả.

Người nghèo nghe lòng dạ rất đổi vui mừng:

- Tôi nhất định nghe theo lời anh.

Người kia bèn nhóm lửa bên đường mà rắng:

- Anh hãy đem cái áo vải xấu bỏ vào lửa đốt đi. Sau khi áo vải cháy rồi, anh nên đứng đợi một chút, tức khắc có quần áo đẹp cho anh.

Người nghèo y lời, cứ đem áo xấu, mới của mình bỏ vào lửa đốt, đốt xong đi qua đi lại đợi chờ mà vẫn không thấy bộ quần áo đẹp hiện ra.

Áo mới không có, mà áo cũ đã mất rồi.

Thần thông phù chú rồi cũng đến bỏ, khi hai tay buông xuống, hơi thở đi ra mà không trở lại.

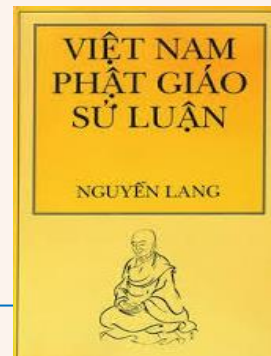
(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)



CÔNG CUỘC CHẤNS HUNG Ở BẮC KỲ

(Chương XXIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

BẮC KỲ PHẬT GIÁO HỘI

Bắc kỳ Phật Giáo Hội được thành lập năm 1934. Tuy thành lập muộn hơn các hội ở Nam và Trung, Bắc kỳ Phật Giáo Hội phát triển rất chóng. Chỉ trong vòng một năm mà các chi hội đã được thành lập khắp nơi trên đất Bắc.

Sau khi thấy ở Nam và Trung làm được việc, các thiền sư Trí Hải, Tâm Ứng và Tâm Bảo từ Hà Đông lên Hà Nội vận động thành lập một hội Phật giáo ở đất Bắc. Cùng với nhà văn Sở Cường Lê Dư lúc ấy đang làm quản lý cho chùa Quán Sứ, ba vị bàn luận việc triệu tập một buổi họp tại đây để đặt nền tảng cho việc lập hội. Các ông Nguyễn Hữu Kha, Nguyễn Năng Quốc, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Cung Đình Bính, Trần Văn Giáp, Văn Quang Thùy, Nguyễn Can Mộng, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Văn Tố, Dương Bá Trạc, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Vĩnh v.v... đều được mời tới buổi họp này. Tất cả đều đồng ý thành lập một tổ chức lấy tên là Bắc kỳ Phật Giáo Hội và thành lập một ban Quản Trị Tam Thời để thảo bản điều lệ và quy tắc của hội, đồng thời để vận động giấy phép cho hội. Buổi họp này được tổ chức ngày 6.1.1934.

Ngày 18.11.1934, một đại hội đồng được triệu tập tại chùa Quán Sứ để bầu ban Quản Trị Chính Thức. Tất cả những vị đã tham dự buổi họp đầu tiên đều trở thành hội viên sáng lập của hội. Ban Quản Trị Chính Thức gồm có Nguyễn Năng Quốc, hội trưởng, Nguyễn Văn

Ngọc và Nguyễn Quốc Thanh, phó hội trưởng, Lê Dư quản lý, Phạm Mạnh Xứng (tức Đông Phố), thủ quỹ, Trần Văn Phúc, thư ký, Văn Quang Thùy và Nguyễn Văn Minh, phó thư ký, Lê Văn Phúc, Cung Đình Bính, Trần Văn Giác và Trần Văn Giáp, giám thị.

Trong suốt một buổi họp ngày 5.12.1934, ông Nguyễn Năng Quốc đề nghị mời hội viên thông sứ Bắc Kỳ là Auguste Tholance làm hội trưởng danh dự của hội, như Hội An Nam Phật Học đã mời vua Bảo Đại làm hội trưởng danh dự của hội này. Các nhà học giả có mặt lại đề nghị mời ông George Coedès, giám đốc trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Francaise d'Extrême Orient) làm hội viên danh dự. Mười ngày sau đó ban quản trị duyệt y bản nội quy của hội và đồng ý thỉnh cầu thiền sư Thanh Hanh lên làm thiền gia pháp chủ, các ban sau đây được thiết lập để tiến hành công việc của hội:

1. Ban Chứng minh Đạo Sư I: Ban này thay mặt thiền gia

pháp chủ để chứng minh các buổi lễ.

2. Ban Chứng Minh Đạo Sư II: Ban này lo việc diễn giảng, giảng kinh, kiểm duyệt kinh điển sách báo Phật giáo.

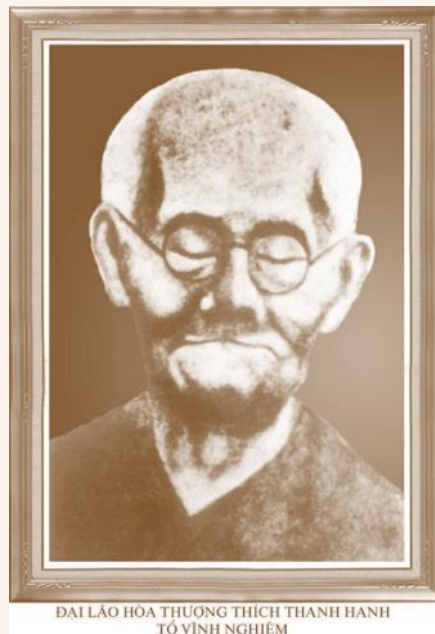
3. Ban Cố Vấn thực thụ.

4. Ban Giáo Sư dạy tăng ni tại trường Phật học của hội

5. Ban Giám Viện và Tri Tạng

6. Ban Duy Na

7. Ban Thư Ký phiên dịch các bài giảng của chư tăng từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ.



ĐẠI LAO HÒA THƯỢNG THÍCH THANH HANH
TỔ VINH NGHIÊM

8. Ban Đương Gia, lo về việc chi tiêu.
9. Ban Ứng Cúng Trợ Niệm.
10. Ban Hộ Giảng Sách Kinh cho Thiện Tín.

THIÊN SƯ THANH HANH

Ngày 23.12.1934, hội tổ chức đại lễ suy tôn thiền sư Thanh Hanh làm thiền gia pháp chủ. Lễ này có sự tham dự của tất cả các sơn môn lớn ở Bắc Kỳ. Nhiều viên chức của Nam Triều và Bảo Hộ tới dự. Trong dịp này Hội Bắc Kỳ Phật Giáo làm lễ cúng Phật cuốn kinh Thiện Sinh mới được hội dịch và ấn hành. Sau đây là vài đoạn trích trong các bài diễn văn suy tôn pháp chủ:

"Đạo Phật đã truyền sang nước ta từ đời Hán Đường, rồi trải qua những triều như Đinh, Lê, Lý, Trần. Lê đến nay, kể có ngót hai nghìn năm. Biết bao nhiêu những vị cao tăng đã xuất hiện. Xem trong lịch sử nước nhà, đời Lý-Trần là các đời rất sùng đạo Phật mà người mình thuở ấy không có điều gì tỏ ra là hèn yếu cả. Lại xem như Nhật Bản bây giờ, không mấy người mà không theo đạo Phật, thế mà khí thế của họ mạnh mẽ biết dường nào! Xem vậy thì biết đạo Phật đối với cuộc nhân sinh rất là có lợi..."

"Sư tổ nhận ngôi Pháp Chủ, chứng lễ suy tôn, cho chư tăng có chỗ cây trồng, để đồng hội có nơi nương tựa, mang chính giáo thu về một mối, mở từ tâm khắp cả thập phương, rùng thiên cây cả bóng cao, chồi Hồng Lạc càng thêm tươi tốt..."

Trong lời đáp từ, thiền sư Thanh Hanh đã kêu gọi tăng sĩ theo nguyên tắc lục hòa của Phật dạy mà "bỏ hết mọi sự hiềm khích của tông nọ phái kia" để hết lòng chấn hưng Phật giáo.

Buổi lễ chấm dứt bằng bài giảng Thập Nhị Nhân Duyên của ông Trần Trọng Kim.

Buổi lễ suy tôn pháp chủ ngày 23.12.1934 đánh dấu chính thức sự phát khởi phong trào vận động chấn hưng Phật giáo ở đất Bắc. Đây là một cuộc lễ tổ chức rất long trọng và quy tụ được đại diện của mọi tổ đình và tông phái Phật



Chùa Vinh Nghiêm, Bắc Giang

giáo. Sự có mặt của các quan chức lớn và của các nhà học giả cựu học cũng như tân học tại buổi lễ cũng đã góp phần gây ấn tượng sâu đậm trong quần chúng.

Một điều ta cần chú ý là sự có mặt của nhiều thành phần nhà văn và học giả trong hội Bắc Kỳ Phật Giáo.

Trong ban Khảo Cứu Phật Học thành lập 16.1. 1935 mà trưởng ban là Trần Trọng Kim, ta thấy các tên tuổi sau đây: Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Văn Giáp, Lê Dư, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Can Mộng, Dương Bá Trạc, Bùi Kỳ, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Quang Oánh, Nguyễn Văn Tố, Lê Toại, Nguyễn Đỗ Mục, Trần Lê Nhân, Vũ Như Trác, và Nguyễn Huy Xương. Ông Nguyễn Trọng Thuật đã đồng ý ở lại Hà Nội để làm việc thường trực cho ban này với tư cách là thư ký của ban. Hội trả lương cho ông hai chục đồng mỗi tháng!

Hà Nội thời ấy là thủ đô văn hóa của đất nước. Sự tham dự của nhà văn và các học giả vào hội Bắc Kỳ Phật Giáo không phải là một chuyện tình cờ. Các nhà văn hóa thường cảm thấy một cách tự nhiên rằng đạo Phật là một viên đá nền tảng của nền văn hóa Việt Nam, cho nên sự tham dự của họ vào công trình chấn hưng Phật giáo là một cái gì cũng tự nhiên như đói thì ăn, khát thì uống. Xây dựng nền quốc học là hoài bão của rất nhiều nhà trí thức Việt Nam thời ấy, cựu học cũng như tân học, cho nên quy tụ của học dưới mái chùa chỉ là một sự việc quen thuộc và rất tự nhiên.

Đứng về phương diện văn hóa dân tộc, hội Bắc Kỳ Phật Giáo và báo Đuốc Tuệ đã đóng góp được nhiều hơn các hội khác ở Nam và Trung. Đây chính là nhờ công trình quy tụ của những thành phần nói trên dưới mái chùa Quán Sứ vậy.

Thiền sư Thanh Hanh tên đời là Nguyễn Thanh Đàm sinh năm 1840 ở Hà Nội. Ông xuất gia hồi còn mười tuổi tại chùa Hòa Giai và học với thiền sư trú trì họ Nguyễn ở chùa ấy. Năm mười tám tuổi, ông được gửi về ở chùa Vĩnh Nghiêm để tiếp tục học Phật dưới sự chỉ dẫn của thiền sư Tâm Viên. Ông tu học rất tinh tiến và trở thành một nhân vật rường cột của tổ đình này.

Sau khi sư huynh ông là thiền sư Thanh Tuyên viên tịch, ông đảm nhiệm trách vụ trú trì Vĩnh Nghiêm. Có thể nói Vĩnh Nghiêm là tổ đình lớn nhất ở Hà Nội. Mỗi năm, khoảng hai trăm tăng sĩ quy tụ về đây để kết hạ và học hỏi giáo lý. Từ lúc trở thành vị lãnh tụ tối cao của tổ đình Vĩnh Nghiêm, thiền sư Thanh Hanh thường được gọi là sư tổ Vĩnh Nghiêm.

Chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng từ đầu thế kỷ thứ 11 đời Lý Thái Tổ. Trong hai thế kỷ thứ mười ba và mười bốn, chùa là một trong những cơ sở hành đạo lớn nhất tại kinh sư và Giáo Hội Trúc Lâm đã đặt trụ sở tại đây. Vào giữa thế kỷ thứ mười lăm, chùa được thiền sư Chí Tín trùng tu. Dưới triều Lê Hiến Tông, vì



loạn ly, chùa bị xiêu đổ; sau đó có Ni Sư Diệu Minh đứng ra trùng tu lại.

Thiền sư Thanh Hanh làm thiền gia pháp chủ được có hai năm thì tịch. Ông mất ngày 11.1.1936 tại chùa Vĩnh Nghiêm, thọ chín mươi sáu tuổi.

Sơn Môn Bắc Kỳ suy tôn thiền sư Thanh Tường chùa Võ Thạch Hà Nội lên thay thế.

CHƯƠNG TRÌNH PHẬT HỌC

Trong thời gian làm thiền gia pháp chủ của thiền sư Thanh Hanh, hội Bắc Kỳ Phật Giáo đã mở được trường tăng học tại Quán Sứ và một trường khác tại chùa Bồ Đề.

Những trường Phật học này dành cho các học tăng đã có căn bản về Phật học và có thể xem như những lớp trung học Phật giáo. Chùa Bồ Đề sau này được lấy làm cơ sở cho một trường ni học trong khi ở Quán Sứ cấp trung học tăng sinh vẫn tiếp tục được duy trì. Một lớp đại học được mở tại chùa Bằng Sở (*) ở ấp Thái Hà, Hà Đông, và hai lớp tiểu học được duy trì tại chùa Cao Phong ở Phúc Yên và chùa Côn Sơn ở Hải Dương. Phật học đường Bằng Sở được chính thức khai giảng năm 1936, do thiền sư Trung Thứ đứng làm đốc giáo. Công trình Phật học được áp dụng tại các trường tăng học ở Bắc do hội Bắc Kỳ Phật Giáo chủ trì như sau:

Tiểu học (bốn năm):

Năm thứ nhất: - Luật Sa Di, Phật Tổ Tam Kinh - Phật Học Khóa Bản Tam Tự Kinh - Quốc Ngữ - Toán.

Năm thứ hai: - Địa Tạng - Thủy Sám - Báo Ân - Thích Giáo Tam Tự Kinh - Hộ Pháp Lục - Quốc Ngữ - Toán.

Năm thứ ba: - Hiền Ngu - Mục Liên - Di Đà Sở Sao - Cảnh Sách Lục - Tịnh Độ Hoặc Vấn Lục - Trúc Song Lục - Quốc Ngữ - Toán.

Năm thứ tư: - Di Đà Đại Bản - Lương Hoàng Sám - Trường A Hàm - Bảo Huấn Lục - Quốc Ngữ - Toán.

Trung học (ba năm):

Năm thứ nhất: - Pháp Hoa - Tâm Kinh Chú Giáo - Trung A Hàm - Luật Tứ Phần - Lục

Truy Môn - Luật Khóa Hư - Luận Hiển Thức - Quốc Ngữ - Toán.

Năm thứ hai: - Lăng Nghiêm Bạch Văn - Lăng Già Ký - Pháp Hoa Tri Âm - Thập Lục Quán Kinh - Luật Chỉ Nam - Lục Quy Nguyên - Luận Trang Nghiêm - Quốc Ngữ - Toán - Luận Ngữ.

Năm thứ ba: - Duy Ma Cật - Thủ Lăng Nghiêm - Luật Trung Trị - Luật Trung Phong - Lục Lục Đạo - Lục Phụ Giáo Biên - Quốc Ngữ - Toán - Việt Sử - Trung Học - Đại Học - Trung Dung.

Đại học (ba năm):

Năm thứ nhất: - Bát Nhã Phóng Quang - Pháp Hoa Huyền Nghĩa - Di Đà Viên Thông - Luật Huyền Ty - Lục Pháp Uyển Châu Lâm - Thiền Uyển Tập Anh - Trúc Lâm Tam Tổ - Quốc Ngữ Điển Văn - Đông Tây triết học - Kinh Thư - Kinh Lễ.

Năm thứ hai: - Niết Bàn chính văn - Pháp Hoa Ôn Lăng - Phạm Võng Lược Sở Luật - Đại Thừa Khởi Tín - Đại Trí Độ Luận - Vạn Thiện Đồng Quy - Nhân Quả - Quốc Ngữ - Đông Tây Triết Học - Kinh Thư - Kinh Lễ.

Năm thứ ba: - Viên Giác Kinh - Bảo Tích Kinh - Phạm Võng Lược Sở Luật - Phạm Võng Nghĩa Sở - Tông Cảnh Lục - Vạn Thiện Quy Tâm - Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh - Luận Quốc Ngữ - Đông Tây Triết Học - Bắc Sử Quan Hành.

Sau khi tốt nghiệp đại học, học tăng có thể ở lại nghiên cứu thêm năm năm. Công trình này gọi là chương trình Bác Học Cao Đẳng gồm có những tác phẩm như sau:

Hoa Nghiêm Sở, Niết Bàn Sở, Lăng Nghiêm Tông Thông, Phật Tổ Thống Kỳ, Duy Thức Thuật Kỳ, Nhân Minh Đại Sở, Đại Bát Nhã Kinh, Tam Luận Sở, Đại Thừa Nhất Thiết Luận, Đại Thừa Chỉ Quán, Đại Thừa Chỉ Quán Thiên Thai, Chỉ Nguyệt Lục, Duy Tôn Luận Sở, Thành Duy Thức Luận, Đại Thừa Trang Nghiêm Mật Kinh, Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu, Kim Cương Lược Sở và Duy Thức Luận.

Chương trình nói trên đòi hỏi học tăng muốn vào cấp tiểu học phải từ mười ba tới hai mươi tuổi, thuộc lòng hai khóa tụng của thiền môn và các văn sám nguyện khác. Những học tăng nào muốn thi vào trung học phải năm trong hạng tuổi từ 20 tới 30. Còn về đại học thì không có hạn tuổi tác.

Ta nhận thấy chương trình có chú trọng đến những tác phẩm của Phật giáo Việt Nam như *Thiền Uyển Tập Anh*, *Trúc Lâm Tam Tổ Ngữ Lục* và *Khóa Hư Lục*.

Chương trình cũng chú trọng tới triết học Đông phương và Tây phương và các thư tịch Nho giáo. Điều làm ta ngạc nhiên là tác phẩm *Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu* không được dạy ngay trong những năm đầu của cấp tiểu học mà lại để vào chương trình cao đẳng bác học. Đây là một tác phẩm dạy về thiền tọa cho người mới tu rất cần cho các lớp tiểu học.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT VÀ CHỦ TRƯỞNG 'NHÂN GIÀN PHẬT GIÁO'

Tập Kỳ Yếu số 1 của hội Bắc Kỳ Phật Giáo được xuất bản vào tháng Năm 1935. Sau khi ra số 2 và 3, Tập Kỳ Yếu đình bản, nhường chỗ cho tạp chí Đuốc Tuệ. Tạp chí này ra đời vào đầu tháng Chạp năm 1935, do ông Nguyễn Năng Quốc làm chủ nhiệm. Đứng tên chủ bút là thiền sư Trung Thứ trú trì chùa Bằng Sở. Phó chủ bút là thiền sư Trung Thứ trú trì chùa Bằng Sở. Phó chủ bút là thiền sư Doãn Hải (Dương Văn Hiến), trú trì chùa Tế Cát. Quản lý là ông Cung Đình Bích. Báo quán đặt tại chùa Quán Sứ, đường Richard Hà Nội.

Hai cây bút bền bỉ nhất của tạp chí Đuốc Tuệ là Đỗ Nam Tử và Thiệu Chửu. Những cây bút khác là Thái Hòa, Thanh Đặc, Tố Liên, Đỗ Trần Bảo, Phạm Văn Côn, Đinh Gia Thuyết, Đỗ Đình Nghiêm, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ v.v...

Trong những số đầu, Đuốc Tuệ đăng nhiều bài có tính cách bênh vực cho phong trào chấn hưng Phật giáo chủ trương rằng đạo Phật là một đạo vì cuộc đời mà có chứ không phải trốn cuộc đời. Ngay số đầu, Đuốc Tuệ đăng bài Đạo Phật Có Quan Thiết Với Sự Sống Của Đời Người của Phan Đình Hòe, trưởng ban đại ký chi hội Nam Định. Đuốc Tuệ số 2 (ngày 17.12. 1935) nêu rõ xã hội tính cần thiết của tôn giáo, tính cách Á đông và dân tộc của Phật giáo và tinh thần tự do, bình đẳng và hiếu hòa của đạo Phật. Đỗ Nam Tử - Nguyễn Trọng Thuật đề cụ thể hóa tinh thần "đạo Phật trong cuộc đời," đề nghị con nhà Phật tử nay trở đi nên làm lễ kết hôn trước cửa Phật. Một truyền thống từ trước đến nay chưa có ở Việt Nam. Ông đề nghị một nghi thức kết hôn gồm có tấu văn và huấn tử của một vị tăng sĩ làm giới sư hướng đạo cuộc lễ. Theo ông, trước Phật đài, giới sư phải nhắc nhở cặp tân hôn phải nhớ đạo lý tứ ân của Phật dạy mà đền đáp ơn cha mẹ, ơn đất nước, ơn sư trưởng và ơn chúng sinh. Kinh Thiện Sinh là cơ bản cho sự xây dựng gia đình, và lễ kết hôn trước cửa Phật được tiêu biểu hóa bằng hai câu đối:

"Hiếu mẹ cha, ân đất nước, đạo Tứ ân đã dạy bảo đủ luân thường;

Chồng kính ai, vợ thuận tùng, lễ Lục Phương càng ân cần về gia đạo."

Chủ ý "đem đạo Phật vào cuộc sống hàng ngày" này được thể hiện trong những loạt bài viết dưới tiêu đề Nhân Gian Phật Giáo trong đó tác giả đề cập đến nhiều khía cạnh của đời sống nông thôn, cải tạo và hướng dẫn bằng tinh thần đạo Phật.

Ông Nguyễn Trọng Thuật đã viết một truyện dài rất có ý vị đăng nhiều kỳ trong Đuốc Tuệ. Đó là truyện *Cô Con Gái Phật Hái Dâu*, kể lại cuộc đời Ý Lan Phu Nhân, một cô gái thôn quê làm nghề hái dâu ở làng Thổ Lỗi (sau này là làng Siêu Loại) được vua Lý Thánh Tông, đã đem tinh thần đạo Phật mà dựng nước và cải tổ những bất công ở xã hội nông thôn. Đây là một truyện dài viết rất có nghệ thuật, hơn hẳn tác

phẩm *Quả Dưa Đỏ* của cùng một tác giả (76).

Đuốc Tuệ cũng đăng thiên biên khảo Việt Nam Thiên Tông Thế Hệ của ông trong nhiều kỳ. Đây là một tác phẩm nói về hành trạng, thi văn và tư tưởng của các thiền sư Việt Nam các phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông. Ông Nguyễn Trọng Thuật đã căn cứ trên sách *Thiền Uyển Tập Anh* để viết thiên biên khảo này. Ngoài tạp chí Đuốc Tuệ, Nguyễn Trọng Thuật còn viết về đề tài Phật giáo trong tạp chí Nam Phong. Bài *Phật Giáo Tân Luận* của ông được đăng trong các số 208-209 trang 217-221 và 267-278 (năm 1934 và bài Bình Luận về Sách "Khóa Hư" của ông được đăng trong số 189 trang 315-324 (năm 1933). Trong Nam Phong, ông có viết nhiều đề tài quan trọng như Điều Đình Cái Án Quốc Học (số 167, năm 1931), Văn Đề Cải Tạo Xã Hội (số 195, năm 1934) v.v...

(* Nay là chùa Phúc Khánh, Nguyễn Tư Sở, Hà Nội (N.H.C.)

(76) Tiểu thuyết Quả Dưa Đỏ được giải thưởng Hội Khai Trí Tiến Đức năm 1925 tức là mười năm trước đó. Quả Dưa Đỏ đã được hoan nghênh nhiệt liệt và được nhiều tờ báo nhắc tới (Trung Bắc Tân Văn 20.2. 1926, Đông Pháp Thời Báo 1927, v.v...)



DỤNG LẬP

Am Thị Ngạn những đêm trường dựng lập
Lau lách gầy ốm áp lấy quê hương
Góc đời hoang lộng lộng khắp mười phương
Bậc đại sĩ đã lên đường từ thuở

Chống gậy trúc vén mây mờ mở cõi
Đời hoang vu đơn độc lối đi về
Thao thức vì cơn cuồng vọng u mê
Thuyền đạo pháp giữa bốn bề sóng gió

Ngày trường sơn đậm lại dẫm hoàng hôn
Thân lưu đầy mộ lập cửa sơn môn
Lửa le lối chép kinh trong huyết động
Ánh trăng tàn vàng vọt bóng non sông

Tám cà sa ngàn năm hồn Đại Việt
Bọc thân gầy hoá khí phách kim cương
Dựng tích trượng hộ pháp với giang san
Đền lưu ly giữa đêm tàn cháy sáng

Bậc đại sĩ ngồi an nhiên bất động
Bóng hình in lộng lộng cõi hư không
Mắt sáng quắc xuyên ba ngàn thế giới
Bàn tay gầy chấn gió dữ cuồng phong

Bậc trí huệ nhận truyền thừa lịch đại
Đấng tượng vương mạng kiếp cỏ không ngại
Chỉ phục hoạt kiên cố chẳng đơn sai
Tâm sách tấn hàng hậu lai tiếp bước.

(Át Lăng thành, 041820)

THẠCH TRỤ

Thân lau sậy dập dềnh theo vận nước
Cuộc chiến tàn vẫn ở lại quê hương
Áo cà sa che chở lấy miếu đường
Đôi mắt sâu thâu mười phương thế giới

Am Thị Ngạn một góc trời Nam Việt
Ngọn bút trào trác tuyệt những vần thơ
Vẽ mắt biếc thánh thiện đến nguyên sơ
Ngài ngồi đó có ai ngờ thạch trụ

Trong nghịch cảnh không lay lòng đại sĩ
Tháng năm dài dèp cỏ đập trường sơn
Chống gậy trúc đỉnh đầu cơn sóng lớn
Thương dân tình nào sá hơn với thiệt

Tâm Bồ Tát hiện ra từng dòng chữ
Những trang văn tâm sự bậc đạo sư
Lẽ thịnh suy ứng vận pháp chơn như
Ngài ung dung kể từ khi du sĩ

Đạo suy vì ngã nghiêng tình pháp lữ
Bức tâm thư khắc khoải cõi lòng người
Mấy ngàn năm truyền thừa dòng pháp sử
Đạo và đời gắng sức giữ mai sau

Đêm đen dài dỗi mắt cõi bể dâu
Người đã sống như buổi đầu lập nguyện
Dịch kinh sách và hồng truyền chánh pháp
Không thời cơ tự tạo lập nhân duyên

Bậc đại sĩ giữa dòng đời ly loạn
Pháp suy vì lòng độc sức lo toan
Tâm bồ đề vững chãi tựa núi non
Lái thuyền đạo về con đường phía trước

Nói chur tỏ quyết dân thân tiếp bước
Lợi lạc người và non nước quê hương
Bậc thượng nhân đem chánh pháp hồng dương
Bồ Tát đạo là cội đường chur Phật.

(Át Lăng thành, 042020)

thơ

ĐỒNG THIỆN

LÒNG VỊ THA, TỪ BẢN CHẤT ĐẾN HOẠT ĐỘNG

Huỳnh Kim Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thế gian này hiện hữu trong mỗi tương quan tương duyên. *"Cái này có nên cái kia có. Cái này không nên cái kia không."* Cõi này vì vậy có thiện mà cũng có ác, có tốt mà cũng có xấu. Biên tế giữa thiện và ác, tốt và xấu chỉ nằm trong đường tơ kẽ tóc của ý niệm, hay nói theo nhà Phật là một mống tâm. Cùng một hành động, một việc làm, một sự việc nhưng khác nhau xa lắc xa lơ ở tâm thiện hay tâm ác.

Không cần phải suy nghĩ và tìm kiếm đâu xa, chỉ nhìn vào cuộc khủng hoảng đại dịch vi khuẩn corona đã và đang xảy ra trên toàn cầu thì cũng thấy rõ được điều đó.

Đảng và nhà nước Cộng Sản Trung Quốc vì cái tâm âm mưu thao túng để làm bá chủ toàn cầu đã bất chấp đến sự nguy hại khôn lường của vi khuẩn corona phát xuất từ Vũ Hán nên giấu nhẹm lúc ban đầu. Sau khi để cho vi khuẩn này truyền nhiễm khắp thế giới rồi cũng vì cái tâm mưu đồ mà ra tay ban phát ân huệ cho những nước bị đại dịch bằng những viện trợ lấy có. Hành động sau này được TQ khoa trương như thể họ vì lòng vị tha mà ra tay cứu giúp thực chất thì ngược lại họ vì ích kỷ và tham lam mà làm thế.

Nhưng, có người vị kỷ thì cũng có người vị tha. Bao nhiêu bác sĩ, y tá, nhân viên chăm sóc sức khỏe trên toàn cầu, và biết bao nhiêu người khác đã quên mất an nguy của cá nhân họ để ngày đêm chiến đấu với dịch bệnh vi khuẩn corona nơi tuyến đầu.

Điều đó đã làm cho vị Giáo Sư Khoa Trường Khoa Tâm Lý Học tại Đại Học Oregon là Ulrich Mayr, trong một bài nghiên cứu của ông được đăng trên trang mạng www.theconversation.com hôm 14 tháng 4 năm 2020, đã đặt vấn đề về bản chất của lòng vị tha nên nêu ra câu hỏi rằng con người có thật sự vị tha không.

Bản chất của lòng vị tha

Trong thời Chiến Quốc tại Trung Hoa có nhà tư tưởng Mạnh Tử (372-289 trước Tây Lịch), là người tiếp nối học thuyết của đức Khổng Tử, đã

chủ trương "nhân chi sơ tánh bản thiện" [bản tánh ban đầu của của con người là thiện]. Ông cho rằng bản chất của con người thiện nhưng khi trưởng thành bị xã hội chung quanh tiêm nhiễm nên dễ trở thành người ác. Người có bản tính thiện đối với Mạnh Tử là người có nhiều phẩm đức mà trong đó lòng nhân từ tức lòng thương người, hay lòng vị tha đứng đầu.

Nhưng người cùng thời với Mạnh Tử là Tuân Tử (316-237 trước Tây Lịch) thì chủ trương ngược lại, với thuyết "nhân chi sơ tánh bản ác." Ông cho rằng con người khi sanh ra là đã mang theo bản tánh ác, nhưng nhờ giáo dục và các khuôn phép đạo đức xã hội mà trở nên thiện. Như thế, theo Tuân Tử, lòng vị tha nơi con người là do huấn tập từ môi trường xã hội mà có, chứ không phải bản chất.

Danh từ vị tha trong tiếng Anh là selflessness đồng nghĩa với vô ngã. Trong Anh ngữ còn có chữ altruism cũng nói đến vị tha. Chữ này bắt nguồn từ chữ Latin "alteri" có nghĩa là "người khác" hay vị tha. Altruism là chủ nghĩa vị tha do triết gia Pháp Auguste Comte (1798-1857) dựng lên dùng để chống lại chủ nghĩa vị kỷ (egoism).

Trong triết học Tây Phương, theo Bách Khoa Từ Điển Triết Học Mở, egoism là triết thuyết cho rằng bản ngã của con người là, hay phải là, động lực và mục tiêu của hành động của chính con người đó. Egoism có 2 biến thể: mô tả hoặc quy phạm. Biến thể mô tả (hoặc tích cực) quan niệm



Cùng nhau giúp người (Nguồn: www.freepik.com)



Sẵn sàng cho đi vì hạnh phúc và lợi ích cho người khác
(Nguồn: www.freepik.com)

chủ nghĩa vị kỷ như một mô tả thực tế về các vấn đề của con người. Đó là, mọi người được thúc đẩy bởi lợi ích và mong muốn của riêng họ, và họ không thể được mô tả khác. Biến thể quy phạm cho rằng mọi người nên được thúc đẩy như vậy, bất kể những gì hiện đang thúc đẩy hành vi của họ. Lòng vị tha là trái ngược với chủ nghĩa vị kỷ. Chữ "egoism" xuất phát từ chữ "ego" của tiếng Anh, tiếng Latin chỉ cho chữ "I" [tôi] trong tiếng Anh. Chủ nghĩa vị kỷ nên được phân biệt với chủ nghĩa tự cao tự đại, có nghĩa là sự đánh giá quá mức về mặt tâm lý đối với tầm quan trọng của bản thân, hoặc hoạt động của chính con người.

Triết gia người Phổ, nay thuộc nước Nga, Immanuel Kant (1724-1804), trong tác phẩm "Groundwork of the Metaphysics of Morals" [Nền Tảng Của Siêu Hình Học Về Đạo Đức] được xuất bản năm 1785, cho rằng, "Nhiều tâm hồn vị tha, không có bất cứ động lực nào của hư danh hay tự lợi, họ tìm thấy niềm vui nội tâm trong việc trang trải hạnh phúc chung quanh họ." Ông nói những người đó "đáng được ca ngợi và khuyến khích," nhưng đừng ca ngợi hay khuyến khích thái quá.

Kant cho rằng những người đó không làm theo quy tắc khi họ giúp người khác -- một quy tắc có thể chấp nhận một cách hợp lý đối với mọi người, theo đó tất cả những người đang trong hoàn cảnh như thế phải được giúp đỡ bởi vì đó là "lẽ phải đạo đức" để làm thế. Những người có lòng vị tha nói trên hành động dựa trên nền tảng cảm xúc: họ bị đau khổ bởi sự bất hạnh của những người khác, và họ biết rằng nếu họ trao ra sự giúp đỡ của họ, thì họ sẽ nhận được sự an vui cho chính họ. Kant nói rằng đó là động lực tốt, nhưng không phải là lý do duy nhất hay chính để giúp người khác.

Đối với triết gia Kant, quy tắc "lẽ phải đạo đức" của lòng vị tha giúp người là nền tảng, bởi vì con người không vì cảm tính thương ghét hay bất cứ lý do gì ngoài "lẽ phải đạo đức" để làm việc vị tha thì ở bất cứ đâu, bất cứ khi nào và với bất cứ ai cũng thể hiện lòng vị tha. Có nghĩa là một người thực hành lòng vị tha vì thương người đau khổ, hoạn nạn.

Đó cũng là một phần quan trọng trong ý nghĩa của lòng vị tha và từ bi của đạo Phật.

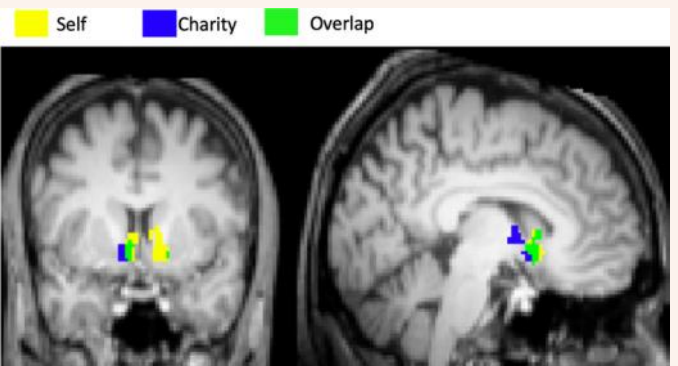
Lòng vị tha trong Phật Giáo

Chữ selflessness trong tiếng Anh chính là chữ vô ngã (tiếng Sanskrit là anatman) trong Phật Giáo. Vô ngã là một trong ba trụ cột then chốt (tam pháp ấn) trong giáo pháp của đức Phật, gồm vô thường, khổ và vô ngã. Chưa đạt tới vô ngã thì chưa đạt đến mục đích tối hậu của đạo Phật.

Đức Phật nói vô ngã để cho thấy không một sự vật gì trên thế gian này có bản ngã, tự ngã, thật ngã. Tất cả đều hiện hữu trong mối tương quan tương duyên, nghĩa là nhiều yếu tố hay điều kiện, mà trong đạo Phật gọi là duyên, nương nhau mà hình thành một sự vật nào đó. Như vậy ngay trong lúc sự vật đó đang có mặt thì cũng đã là không có tự ngã, vì không có cái gì là của chính nó, hay do chính nó làm chủ cả.

Đó là cái nhìn của Trí Tuệ Bát Nhã đối với tất cả mọi sự vật hay theo nhà Phật gọi là các pháp. Phải có trí tuệ để nhìn thấu suốt bản chất, bản thể của mọi sự vật để vén màn vô minh che khuất tâm trí giác ngộ của chúng sinh. Nhưng nếu chỉ có trí tuệ không thôi thì đạo Phật cũng không thể tồn tại trên thế gian này được, bởi vì trí tuệ là cảnh giới chân đế tuyệt đối, mà cuộc đời này thì thuộc về cảnh giới tục đế tương đối. Cho nên, trong Đại Thừa Phật Giáo, "tâm bồ đề" tức là tâm giác ngộ bao gồm từ bi và trí tuệ, bởi vì muốn tự giác thì phải có trí tuệ, muốn giác tha hay giáo hóa người khác giác ngộ thì phải có tâm từ bi. Khi cả hai, từ bi và trí tuệ vẹn toàn, thì mới phát huy rốt ráo bồ đề tâm, hay đạt được sự giác ngộ viên mãn.

Lòng vị tha nằm trong tâm từ bi của đạo Phật. Nhưng lòng vị tha trong đạo Phật cũng có nhiều cấp độ tùy theo căn cơ và trình độ tu



Các nhà nghiên cứu quan sát não bộ của con người trong một nghiên cứu để thấy điều gì đã xảy ra khi tiền được chuyển vào các trương mục ngân hàng của chính họ hay gửi tới hội từ thiện. Tùy theo hoàn cảnh, những phần khác nhau của vùng 'trung tâm khen thưởng' gọi là nucleus accumbens trở thành năng động. Phân Khoa Tâm Lý Học của Đại Học Oregon, CC BY-SA.
(Nguồn: www.theconversion.com)

chúng của mỗi người mà lòng vị tha mở rộng đến mức nào. Lòng vị tha cao nhất trong đạo Phật là lòng vị tha biểu hiện qua vô ngã. Khi bỏ được cái ta (ngã), cái thuộc về của ta (ngã sở) thì con người sẽ không còn bị trói buộc vào bất cứ một điều kiện nào để thể hiện lòng vị tha của họ. Thấy khổ thì ra tay cứu giúp. Không có điều kiện. Không có mưu cầu. Không có vị ngã.

Đó là pháp tu đầu tiên trong sáu pháp tu (Lục Độ Ba La Mật) của một vị bồ tát (bodhisattva): Bồ thí ba la mật - bồ thí tài sản, bồ thí chánh pháp và bồ thí sự an ổn không sợ hãi cho mọi người. Ba la mật là dịch âm của chữ Sanskrit "paramita," mà dịch nghĩa là đấng bi ngạn, đến bên kia, vượt rào, cứu cánh, viên mãn. Bồ thí ba la mật là trao ra, hay hiến tặng một cách rất ráo, không vì bất cứ điều kiện gì mà chỉ cứu giúp người khác lúc họ cần, không thấy có người bồ thí (ngã), có người nhận bồ thí (tha nhân), và vật bồ thí. Thực hiện bồ thí với tâm thức rỗng lặng.

Trong Kinh Đại Bản (Mahàpadàna Sutta) trong Trường Bộ Kinh (Digha Nikàya) do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, đức Phật đã dạy những vị đệ tử xuất gia của ngài hãy vì sự hạnh phúc, lợi ích và an lạc cho mọi người mà đem chánh pháp thuyết giảng khắp nơi.

"Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn."

Đức Đạt Lai Lạt Ma Đồi Thứ 14, trong bài "The Medicine of Altruism" được đăng trên trang mạng www.dalailama.com nói rằng:

"Theo quan điểm của tôi, thực hành từ bi không phải là triệu chứng của chủ nghĩa duy tâm phi thực tế mà là cách hiệu quả nhất để theo đuổi lợi ích tốt nhất của người khác cũng như của chính chúng ta. Chúng ta càng - với tư cách là một quốc gia, một nhóm hoặc cá nhân - phụ thuộc vào nhau, thì đảm bảo hạnh phúc của họ cũng chính là lợi ích tốt nhất của chúng ta."

Trong tác phẩm "Altruism: The Power of Compassion to Change Yourself and the World" [Lòng Vị Tha: Sức Mạnh Của Từ Bi Để Thay Đổi Tự Thân và Thế Giới] của Matthieu Ricard, nhà văn, dịch giả và tu sĩ Phật Giáo người Pháp, được Phan Huy An dịch sang tiếng Việt "Lòng Vị Tha & Hạnh Phúc" đăng trên trang mạng của Thư Viện Hoa Sen, có đoạn Thầy Matthieu Ricard nói về lòng vị tha như sau:

"Lòng từ bi hình thành nên tình thương vị tha khi nó đối mặt với khổ đau. Phật giáo định nghĩa lòng từ bi là "mong muốn tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ đau và những nguyên nhân của khổ đau."

Nghiên cứu khoa học: càng lớn tuổi càng vị tha

Giáo Sư Khoa Trưởng Khoa Tâm Lý Học tại Đại Học Oregon là Ulrich Mayr dựa vào nghiên cứu khoa học để chứng minh rằng con người càng có tuổi thì càng giàu lòng vị tha.

Nhóm của GS Mayr đã có nhiều người tham gia vào một loạt các thử nghiệm nằm trong máy chụp hình MRI, nhìn vào màn hình mô tả các tình cảnh khác nhau. Đôi khi các đồng nghiệp của ông và ông đã nói với họ rằng đã chuyển 20 đô la vào trương mục ngân hàng của họ. Lúc đó, cùng số tiền được gửi tới một hội từ thiện, như một ngân hàng thực phẩm tại địa phương. Những người tham dự chỉ đơn giản quan sát việc chuyển 20 đô la, dù gửi cho họ hay cho từ thiện, mà không nói bất cứ điều gì về việc này.

Trong suốt thời gian đó, chúng tôi đã chụp hình những gì các nhà khoa học thần kinh cho là trung tâm khen thưởng của não bộ, đặc biệt là khu vực nucleus accumbens.

Vùng này, chỉ lớn hơn hạt đậu phụng một tí, đóng vai trò trong mọi việc từ sự ưa thích nhục dục tới việc nghiên cứu ma túy và các chỗ liên quan tới thần kinh. Nó trở thành năng động khi mọi thứ xảy ra làm cho bạn hạnh phúc và bạn muốn nó lặp lại trong tương lai.

Kinh nghiệm về việc tiền gửi tới từ thiện đã thúc đẩy hoạt động trong các khu vực thưởng trong não bộ đối với nhiều người tham gia thử nghiệm. Và qua việc quan sát điều này một cách chính xác, nhóm nghiên cứu cho rằng, là một biểu hiện bản chất vị tha thực sự của con người: Họ cảm thấy được đền đáp khi người nào đó cản trở nên tốt hơn, ngay cả khi họ đã không trực tiếp làm bất cứ điều gì để tạo ra sự khác biệt.

Nhóm này phát hiện rằng trong khoảng một nửa số người tham gia nghiên cứu, hoạt động trong các khu vực khen thưởng này của não bộ thậm chí còn mạnh mẽ hơn khi tiền được chuyển đến tổ chức từ thiện so với khi nó rơi vào tài khoản ngân hàng của chính họ. Nhóm nghiên cứu xác định rằng những người này có thể được định nghĩa một cách tự nhiên là những người vị tha.

Sau đó, trong một giai đoạn thử nghiệm riêng biệt, tất cả những người tham gia chung này có quyền lựa chọn hoặc cho một số tiền của họ đi hoặc giữ nó cho riêng họ. Ở đây, những người có lòng vị tha có khả năng cho gấp đôi số tiền của những người khác.

Nhóm của Mayr tin rằng sự phát hiện này cho thấy các động lực vị tha thuần khiết có thể thúc đẩy hành vi hào phóng - và hình ảnh chụp não bộ có thể khám phá ra những động thái này.

Trong một nghiên cứu có liên quan đến vấn đề này các đồng nghiệp của Mayr và ông đã thực hiện, có 80 người tham gia là những người ở độ tuổi từ 20 đến 64, nhưng mặt khác là

tương đương trong phạm vi bối cảnh của họ. Các nhà nghiên cứu này đã khám phá rằng tỉ lệ vị tha – nghĩa là đối với những người trong các khu vực thường của não bộ năng động khi tiền gửi tới hội thiện nguyện hơn là cho chính họ -- sự gia tăng đều đặn với tuổi tác, tiếp diễn ít hơn 25% qua tuổi 35 tới khoảng 75% những người ở tuổi từ 55 trở lên.

Những người tham gia lớn tuổi hơn có khuynh hướng muốn cho tiền của họ cho hội thiện nguyện hay từ thiện trong cuộc thử nghiệm của họ. Và khi việc đánh giá đặc điểm nhân cách của họ qua các câu hỏi, nhóm nghiên cứu phát hiện rằng họ thể hiện những đặc điểm như sự đồng ý và đồng cảm mạnh mẽ hơn những người tham gia trẻ tuổi.

Những quan sát này phù hợp với bằng chứng ngày càng tăng về các hành vi vị tha hơn ở người cao tuổi. Chẳng hạn, phần thu nhập của họ mà những người 60 tuổi dành cho từ thiện nhiều gấp ba lần so với những người 25 tuổi. Điều này rất có ý nghĩa mặc dù họ có khuynh hướng có nhiều tiền hơn nói chung, dễ dàng cho một phần của số tiền hơn.

Trong số những người 60 tuổi trở lên có khoảng 50% thích làm từ thiện. Họ cũng đi bỏ phiếu nhiều gấp đôi những người dưới 30 tuổi.

Tuy nhiên, kết quả của nhóm nghiên cứu này là những người đầu tiên chứng minh rõ ràng rằng người lớn tuổi không chỉ hành động như họ là những người tử tế hơn, mà có thể dễ dàng bị điều khiển bởi những động cơ ích kỷ như làm cho họ sẽ được thưởng nhớ đến một khi họ ra đi. Thay vào đó, thực tế là các khu vực khen thưởng trong não bộ của họ phản ứng nhanh hơn với những người cần được giúp đỡ cho thấy rằng họ thực sự, trung bình, tử tế và thực sự quan tâm đến phúc lợi của người khác hơn bất cứ người nào khác.

Những phát hiện này đưa ra rất nhiều câu hỏi bổ sung, các vấn đề quan trọng mà nhóm nghiên cứu này đề cập trong một bài báo của họ đã đăng trên tờ Current Directions in Psychological Science, một tạp chí học thuật. Thí dụ, cần có nghiên cứu bổ sung trong đó mọi người được theo dõi theo thời gian để đảm bảo rằng sự khác biệt về tuổi tác trong sự hào phóng phản ánh thực sự sự phát triển cá nhân, và không chỉ là sự khác biệt thế hệ. Ngoài ra, cần khai quật hóa kết quả của mình cho các kiểu mẫu lớn hơn từ các bối cảnh khác nhau.

Quan trọng nhất, nhóm nghiên cứu này vẫn chưa biết lý do tại sao những người lớn tuổi có vẻ hào phóng hơn những người trẻ. Mayr và các đồng nghiệp đang có kế hoạch tìm hiểu phải chăng việc nhận thức rằng bạn có ít năm để sống hơn làm cho bạn quan tâm đến việc thiện nguyện hơn.

Nhờ sự có mặt của những người có lòng vị tha chân thật mà thế giới này dù lắm khổ đau cũng vẫn còn là nơi đáng quý để sống và để phục vụ.



TÌNH

(Xin bình yên đến với muôn người, muôn loài)

*Khi dịch bệnh lây lan toàn cầu
Không gian chùng xuống những đêm thâu
Nhịp sống đời trôi chậm chậm lại
Thời gian rơi nước mắt thương đau*

*Ngồi xuống đây giữa lòng cơn bão
Cho lo âu mất mát lắng sâu
Ngọn sóng trào dâng cao biển động
Nhẹ nhàng hơn cuồng nộ ban đầu*

*Ngồi xuống đây bên nhau ngày mới
Có bình minh chào đón thiên nhiên
Trời trong xanh muôn hoa khắp lối
Giọt sương mai ngủ trọn giấc hiền*

*Ngồi xuống đây thôi không vội vã
Những cơn ba ngày cũ đi qua
Đôi bàn tay nhọc nhằn vất vả
Dâng búp sen nhất niệm Phật đà*

*Ngồi xuống đây tâm từ lan tỏa
Đóa hoa bi-trí-dũng nở ra
Hạt bồ đề gieo mầm bát nhã
Lộc non xanh an lạc vị tha*

*Ngồi xuống đây, hãy ngồi xuống đây
Thở nhẹ ra yêu thương tất cả
Thở nhẹ vào tĩnh lặng bao la
Chung quanh đâu đâu cũng là nhà...*

thơ **TUỆ NHA**

11.4.2020

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2564 - DƯƠNG LỊCH 2020 TRANG NGHIÊM TẠI CHÙA BÁT NHÃ

Thanh Huy

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Trước tình hình bệnh dịch Covid-19 nên lễ Phật Đản chung của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ hằng năm không tổ chức được, vì vậy nên các chùa và tự viện đã tùy phương tiện tổ chức tại chùa đúng vào ngày rằm tháng Tư.

Chùa Bát Nhã tọa lạc tại số 4717 W 1st ST, Santa Ana, cũng là văn phòng thường trực của Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK làm Viện Chủ đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2564-2020 vào lúc 11 giờ trưa Thứ Năm ngày 7 tháng 5 năm 2020 (nhằm ngày Rằm Tháng Tư âm lịch).

Buổi lễ diễn ra trước tình hình dịch bệnh nên số người tham dự rất hạn chế để giữ đúng nguyên tắc giữ khoảng cách xã hội mà chính quyền đã ban hành, ngoài một số chư tôn đức tăng, ni trong chùa, số ít đồng hương Phật tử tham dự. Buổi lễ dưới sự chứng minh của HT. Thích Nguyên Trí Viện Chủ, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản. (Buổi lễ cũng được trực tiếp truyền đi trên online để đồng hương không tham dự được cùng làm lễ tại nhà.)

Điều hợp chương trình do Đại Đức Thích Đức Trí. Sau phần nghi thức khai mạc, Đại Đức Thích Đức Trí nói qua về ý nghĩa ngày Đản Sinh.

Tiếp theo Đại Đức Thích Đồng Thiện lên tuyên đọc Thông Bạch Phật Đản PL.2564-2020 của Trưởng Lão HT. Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, trong Thông Bạch có đoạn: "*Toàn thế giới tràn ngập nước mắt tang thương trước cơn Đại dịch*

COVID-19 hiện nay. Chúng tôi tha thiết kêu gọi những người con Phật nhất tâm vận chuyển năng lượng từ bi cứu khổ để hóa giải oan khiên này. Chưa lúc nào như hiện nay, loài người đồng hướng về một điểm: Cùng xô đẩy, chống lại cơn vi trùng bé nhỏ đầy kinh hãi như vậy. Định lực và Trí lực sẽ thay đổi nghiệp lực và ma lực. Đức Phật Thích Ca đã đi qua con đường ấy trên đường giác ngộ, đặc biệt trong đêm thành Đạo, nhờ Định lực và Trí lực mà Ngài đã điem nhiên trong bao trận cuồng phong thách đố của ma vương trước giờ thành Phật.

Hãy vực dậy hồi những người con Phật. Chúng ta cùng quán chiếu: không sợ hãi; nhìn thẳm sâu vào đau thương mà khởi lòng đại bi phát nguyện, bằng cách tạo ra Định và Trí lực qua tư duy và hành trì giáo pháp của Như Lai. Hãy quán nghiệm thời gian cách ly là thời điểm quý hiếm giúp ta thắp lớn Định lực trước ma vương.

Loài người sẽ vượt qua bóng đêm nghiệt ngã hôm nay, trong đó có năng lực thầm lặng từ những người đệ tử Phật.

"Mỗi người con Phật dành vài phút trong ngày, hướng về bao sinh linh đã nằm xuống trong cơn đại dịch. Niềm đau của họ và người thân, chúng ta có dự phần. Cầu xin họ được siêu sanh lạc cảnh. Cầu xin người ở lại vượt qua nỗi đau trầm thống và kinh hoàng khi phải chứng kiến những người thân ra đi.

"Chúng ta đồng chấp tay cảm niệm các nhà lãnh đạo nước Mỹ và thế giới, các bác sĩ, y sĩ, bệnh viện, các khoa học gia và toàn thể loài người đã ngày đêm phụng hiến cho sự sống còn chúng ta trước đại dịch. Loài người sẽ vượt qua.





Chúng ta sẽ vượt qua. Chúng ta có Định lực và Trí lực. Loài người đang nuôi dưỡng năng lực. Mặt trời an ổn sẽ trả lại cho thế gian này..."

Đại Đức Thích Quảng Hiếu lên tuyên đọc Chúc Nguyên Thư của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ... Trong đó có đoạn viết rằng:

"Trần đại dịch đang gieo rắc hoang mang và kinh sợ cho toàn thể nhân loại, đang làm đảo lộn trật tự thế giới, thách thức trí năng và quyền lực của con người trong một vũ trụ bao la và trong những thế giới cực kỳ vi tế; trong cơn khủng hoảng toàn cầu này, Phật tử Việt Nam, mùa Phật đản năm nay, cúng dường ngày Đức Thích Tôn giáng đàn bằng những công đức gom góp hằng ngày trong ánh sáng soi đường hành đạo bằng tử bi và trí tuệ của Đấng Đại Giác, để cùng chia sẻ đau khổ chung của dân tộc và nhân loại, cầu nguyện kẻ trí cũng như người ngu, tử những kẻ quyền lực tốt đỉnh cho đến những hạng cùng đing khổn khổ, thức tỉnh trước thảm họa nhân sinh này mà nhận thấy rõ nguyên nhân chân thật của khổ và con đường diệt khổ. Chính trong hiện thực thống khổ này, người Phật tử dâng hoa cúng Phật, tư duy chiêm nghiệm chân lý hiện thực trong lời dạy của Đức Thế Tôn, chân lý ấy hiện thực suốt mọi thời gian và không gian, cảnh báo sự diệt vong của loài người báo hiệu bằng tai họa ôn dịch, nạn đói, và đao binh trong chu kỳ thành-trụ-hoại-không của vũ trụ: "Những kẻ kia không biết rằng nơi đây ta sẽ bị hủy diệt nên phí công tranh chấp hơn thua."

"Khâm thừa ủy thác của Đức Đệ Ngũ Tăng



Thông, tôi tự xét bản thân, lão lai tài tận, đức mỏng chướng dày, khó có thể đơn độc chu toàn sứ mệnh cao cả ấy trong muôn một. Vậy nên, cúi đầu kính lễ Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Đại đức thanh tịnh Tăng-già, vì sự nghiệp tu trì Chánh Đạo, vì an lạc của muôn dân đang chìm đắm trong dòng khổ lụy nhân sinh, thỉnh cầu Chư Tôn vận tâm bình đẳng, y Luật hành trì, thể hiện bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già, nếu cao ngọn đên Chánh Pháp trong một thế giới tối tăm nguy hiểm vì những tham sân diên đảo. Bằng tâm nguyện chí thành khẩn thiết này, cầu nguyện chúng đệ tử Phật, trong mùa Phật đản 2564 này, nhiếp tâm thanh tịnh lắng nghe đồng vọng trong hư không Pháp âm vi diệu hân hoan đón mừng Đức Thích Tôn thị hiện dẫn sinh:

Hạnh phúc thay Chư Phật xuất thế.

Hạnh phúc thay Chánh pháp tuyên dương.

Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hiệp.

Hạnh phúc thay bốn chúng đồng tu."

Sau đó là Đạo Từ của HT. Thích Nguyên Trí, trong lời Đạo Từ HT. nói: "Lần đầu tiên trong cuộc đời tu hành, HT. mới chứng kiến một Đại Lễ Phật Đản như hôm nay, hiện giờ biết bao nhiêu Phật tử phải ngồi tại nhà để tưởng nhớ đến ngày sinh của Đức Phật. Qua Thông Bạch của Trưởng Lão HT. Chánh Văn Phòng và Chúc Nguyên Thư của HT. Thích Tuệ Sỹ đó là động lực để chúng ta không bao giờ lùi bước trước những khó khăn qua những ngày tháng bệnh dịch Covid-19 hoành hành. Nhân dịp này HT. cũng kêu gọi mọi người nên tự sám hối tội lỗi đó cũng là dịp trả ơn Đức Phật. Chúng ta hãy cố gắng vượt qua những khó khăn, hãy dũng mãnh để tiến bước trên con đường tu học. Xin cầu nguyện lực chư Phật mười phương phù hộ cho chư tôn đức tăng ni chân cứng đá mềm để phục vụ chúng sanh, Phật tử tinh tấn tu hành.

Tiếp theo là nghi thức dẫn sinh, tất cả cùng tụng trang kinh khấn đản.

Sau phần nghi thức, toàn thể chư tôn đức tăng ni chùa Bát Nhã cùng làm lễ chúc mừng sinh nhật lần thứ 75 của Hòa Thượng Viện Chủ, tất cả cùng hát bài Happy Birth Day.

Kết thúc chương trình ban trai soạn chùa Bát Nhã cùng thỉnh chu tôn đức thọ trai, đồng hương Phật tử dùng bữa cơm chay thân mật trước khi chia tay.

KHỔ ĐAU VÀ CORONA

Ôi! Thế giới khổ đau!
Ta nghe mưa nhỏ giọt
Rơi xuống vũng nước đen
Của đời nghèo tăm tối!

Vào một chiều mùa đông
Bỗng túp lều cháy rụi
Đêm nay biết về đâu
Khi ngoài trời bão tố!

Thế gian đây tại họa
Để đưa tới khổ đau
Kể cả người sang giàu
Cũng khổ đau không kém!

Thương chim non bé nhỏ
Tiếng hót buồn vời vợi
Mẹ nó chết hồi hôm
Còn khổ nào hơn nữa!

Thương loài thú rừng hoang
Chết trong cảnh kinh hoàng
Lửa bùng cháy tứ phương
Không con nào sống sót! (*)

Rời dịch Corona
Già-trẻ thi nhau chết
Cả thế giới hoảng kinh
Trước đại họa khủng khiếp.

Corona độc hại
Như tử thần xuất hiện
Nếu chữa trị không mau
Người chết vô số kể!

Đường phố sẽ không người
Im lìm và ảm đạm
Chỉ còn tiếng lá rơi
Trong buổi chiều hoang vắng.

Các đạo giáo đều khuyên
Trước đại dịch lan tràn
Ngày mai “ta” còn-mất?
Hãy hết lòng cầu nguyện!

Riêng giáo lý nhà Phật
Cõi đời là bể khổ
Muốn thoát khổ bi thương
Phải lo tu giải nghiệp.

(*) Cháy rụi tại Úc.

VƯỢT QUA KHỔ NẠN

Ta chỉ là hạt cát
Phiêu du giữa dòng đời
Ta chỉ là giọt nước
Trôi trong biển luân hồi.

Vì biết đời là mộng
Nên không quá âu lo
Sợ hãi và hốt hoảng
Trước dịch bệnh lan tràn

Chúng ta là Phật-tử
Bình tâm trước mất-còn
Những xáo trộn hoang mang
Chỉ làm tâm rối loạn!

Điều mà ta cần làm
Là tinh tấn tu hành
Niệm Phật – trì chú - thiền
Đề tẩy trừ chướng nghiệp.

Thế giới đang gặp nạn
Cầu xin Phật gia hộ
Mọi tai ách tiêu tan
Mọi tử vong không còn!

Phải chăng vì công nghiệp
Mà nhân loại cõi trần
Bị Corona virus
Tấn công làm ngã gục.

Corona xuất hiện
Đâu phải là bỗng nhiên
Chỉ người trí mới biết
Những nguyên nhân sâu xa!

Cộng nghiệp có biệt nghiệp
Tùy cách sống mỗi người
Sáng suốt hay u mê
Mà lãnh thọ quả báo!

Chúng sanh cõi Ta-bà
Có lòng kính tin Phật
Y Chánh Pháp hành trì
Mới vượt qua khổ nạn.

thơ **DIỆU VIÊN**
San Jose, 2020

Thơ sẽ chữa lành thế giới

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Hãy hình dung rằng sẽ tới một thời thế giới không còn bom đạn, và thay cho những trận mưa bom sẽ là những trận mưa thơ. Hãy hình dung rằng những góc phố Sài Gòn, Hà Nội và khắp thế giới sẽ dựng lên các bia đá khắc lên những dòng thơ ca ngợi hòa bình và tình thương. Như thế, thơ sẽ chữa lành thế giới, sẽ đẩy nhân loại bước rời xa các u tối chiến tranh, khi những ánh mắt căm thù hốt nhiên chỉ nhìn thấy những trận mưa hoa đầy chất thơ. Thậm chí, hát thơ còn chữa bệnh được: lịch sử ghi rằng trong thời Vua Hùng Vương, hát thơ chữa được sản nạn, hóa giải chứng đau bụng đẻ để bà bầu êm ái cho ra em bé an lành.

Ông bà mình từ xa xưa đã nhìn thấy tác dụng của thơ. Khi nhìn thấy người thương bước tới sân đình giữa làng, trong khi lời còn rất rụt rè, thì dòng thơ ca dao có thể nói lên rất nhiều, dù là chàng ước lời với nàng hay ngược lại:

*Qua đình ngả nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.*

Sau khi hai dòng thơ trên được hát lên, lời nói nào sau đó cũng dư thừa. Vì thương nhớ là những gì rất trừu tượng, rất mơ hồ, lấy chữ nào mà gói được ý nghĩa cho trọn vẹn, và lúc đó thơ mới hiện lên.

Hay là lời người con thương nhớ mẹ. Nói gì về mẹ? Cụ bà tóc trắng, thân gầy, một thời lụm khụm sau bếp và trước sân, rồi một thời mẹ ra đi vĩnh viễn. Nói gì về mẹ, khi nước mắt người con ràn rụa và hình ảnh mẹ chỉ còn là quá khứ? Lúc đó, ông bà mình mới dùng tới hát thơ và rồi trở thành ca dao:

*Mẹ già như chuối ba hương,
Như xôi nếp mật, như đường mía lau.
Đường mía lau càng lâu càng ngọt,
Xôi nếp mật ngào ngọt hương say.
Ba hương lây lất thẳng ngày,
Gió đưa mẹ rụng, con rày mồ côi.*

Như thế, mẹ trở thành chuối, xôi, đường... là những gì ngon ngọt đã trở thành thân thể người con, và rồi mẹ biến mất theo gió. Hãy hình dung rằng thay vì sáu dòng thơ trên, chúng ta có cách nào nói lên được cảm xúc thiết tha thương nhớ như thế? Có vẻ như bất khả, vì thơ nơi đây đã gói trọn thành công những gì rất mơ hồ thương nhớ trong hồn người, y hệt như

làn khói rất khó nắm bắt.

Trong khi đó, tiếp thị kinh doanh cũng là một nghệ thuật. Có khi vài dòng ca dao là đủ để quảng cáo và đưa vào ký ức người nghe các hình ảnh cần thiết. Như các dòng ca dao tiếp thị sau với các địa danh đều ở trong huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá:

*Ai về nhớ vải Định Hòa,
Nhớ cau Hồ Bái, nhớ cà Đan Nê,
Nhớ dừa Quảng Hán, Lưu Khê,
Nhớ cơm chợ Bản, thịt dê Quán Lào.*

Như thế, không nói nhiều, không hô hào ồn ào, nhưng ý thơ sẽ ngấm từ từ vào tâm thức người nghe. Có phải thơ đã tự thân có sẵn một khung trời đón nhận trong não bộ chúng ta? Phải chăng tự trong tâm thức, chúng ta đã di ứng với các ngôn ngữ trật nhịp thơ?

Thơ như thế, là gắn liền với máu thịt của chúng ta. Thơ đã cho chúng ta nhìn thế giới qua chân trời mới: ngả nón là lời mời gọi vào thế giới của nhau, chỉ vào ngói đình là chỉ vào niềm thương nhớ, sau khi mẹ biến mất là hóa thân ngay vào chuối, vào xôi, vào đường, và những người con Thanh Hóa đi xa đã chỉ vào nỗi nhớ gì rất cụ thể như vải, cau, cà, dừa... Thế giới trước mắt đã hóa thân thành một thế giới trong màn sương khói thi ca. Như thế, sự thật trong thơ không phải là sự thật khả lượng của thế giới vật lý. Trong khi địa cầu chúng ta đầy những hỗn loạn, tranh chấp, bom rơi đạn bắn, với âm vang hàng ngày trên TV từ trên vị trí cao nhất trở xuống cho tới giang hồ đứng bến là những lời chửi mắng chát chúa... thì thế giới thơ hiện ra khi chúng ta mở lại các trang sách cũ, tìm học lại những giá trị ông bà mình để lại trong các dòng thơ. Tại sao thơ làm chúng ta nhẹ lòng được như thế. Có vẻ như nửa thực, nửa hư khi chúng ta nhìn về hình ảnh thương nhớ với ngả nón, ngói đình...

Bài thơ đầu tiên của dân tộc Việt hình như là bài thơ mấy dòng do vua Lạc Long Quân nói lên khi tuyên bố ly hôn cùng bà Âu Cơ để chia trăm con làm hai hướng, nửa đi theo mẹ, nửa đi theo cha. Hình ảnh về truyền thuyết này cũng là cuộc ly hôn thuận thảo nhất trong lịch sử nhân loại, vì cổ sử không nói chuyện xích mích gì giữa hai người khai sinh ra dân tộc Việt.

Tự điển Bách khoa Mở ghi rằng Lạc Long Quân (truyền thuyết ghi rằng sinh năm 2825

trước Tây lịch) có tên húy là Sùng Lãm, là một vị vua truyền thuyết của lịch sử Việt Nam. Lạc Long Quân được xem là vị vua của nhà nước sơ khai Xích Quỷ trước nhà nước Văn Lang.

Thuyết này ghi rằng Lạc Long Quân và Âu Cơ được xem là thủy tổ sinh ra dân tộc Việt Nam theo truyền thuyết "bọc trăm trứng." Lạc Long Quân có thể là danh hiệu truyền lại trong dã sử của một tù trưởng đã có công trong việc đi đến thống nhất các bộ tộc người Lạc Việt. Con trai ông là tù trưởng bộ lạc Văn Lang đã thống nhất thành công 15 bộ lạc, thành lập nhà nước Văn Lang, xưng hiệu Hùng Vương đời thứ nhất.

Một phiên bản kể về mối tình Rồng-Tiên này ghi rằng vua Lạc Long Quân thường xuyên lên bờ dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng quân, thần, tôn, ti, các đạo cha con, vợ chồng, đôi khi trở về Thủy Phủ mà trăm họ vẫn yên vui vô sự, không biết do đâu được thế. Hễ dân có việc lại lớn tiếng gọi Long Quân rằng: "Bố ơi! Sao không lại cứu chúng tôi!" Long Quân tới ngay, sự linh hiển của Long Quân, người đời không ai lường nổi. Đột nhiên một ngày nọ, xuất hiện một bệnh dịch lớn mà Long Quân không trị được. May mắn thay đã có một tiên nữ tên Âu Cơ từ trên núi xuống ra tay giúp đỡ, nhờ thế mà mọi người mới vượt qua bệnh dịch này. Âu Cơ đi khắp bốn phương để giúp đỡ và chữa trị cho những người đang lâm bệnh và gặp khó khăn. Nàng có lòng từ bi và có tài về y thuật. Một ngày nọ, một con quái vật làm nàng sợ hãi. Nàng liền biến thành một con sếu mà bay đi. Lạc Long Quân, là thần rồng từ biển cả, thấy nàng đang gặp nguy hiểm liền cầm lấy cục đá và giết tên quái vật. Sau đó tình yêu đã nảy nở giữa hai người và họ cưới nhau. Âu Cơ sinh ra một bọc trứng có 100 người con. Một hôm Lạc Long Quân nói với Âu Cơ:

*Ta là giống Rồng,
mình là giống Tiên,
thủy thổ khác nhau,
không ở cùng được.*

Than ôi, bài thơ không vần, rất ngắn, rất khô khan này đã đoạn lìa một tình nghĩa phu thê rất thơ mộng của dân tộc. Hai người bèn chia con mà ở riêng. Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi. Âu Cơ và năm mươi con lên ở đất Phong Châu suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, đồng giáp Nam Hải, tây tới Ba Thục, bắc tới Động Đình hồ, nam tới nước Hồ Tôn (nay là Chiêm Thành). Vua đời đời thế tập gọi là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Sau khi chia tay với Quốc mẫu Âu Cơ, Lạc Long Quân cùng 50 người con còn lại xuôi đường lặn ra Nam Hải. Đến đất Bình Đà bây giờ (xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội), cách biển không xa, sông nước mênh mang, Lạc Long Quân truyền cho các con dừng chân dựng trại, chọn đất này làm nơi dựng xây cơ nghiệp.

Tuy nhiên, làn điệu thơ xa xưa dường như là hát, chứ không phải là ngâm, vịnh như đời sau. Một trong những dấu tích thơ được ghi từ xa xưa là trong điệu hát xoan. Một trong các cơ duyên ban đầu này trong thời Vua Hùng Vương, hát thơ chữa lành được chứng đau bụng đẻ. Theo nhà nghiên cứu Phạm Thị Thiên Nga (Về miền Lễ Hội cội nguồn dân tộc Việt Nam – ấn bản 2008), Làng Cao Mai (huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ) có một truyền thuyết như sau:

"Vợ Vua Hùng mang thai đã lâu tới ngày sinh nở, cứ đau bụng mãi mà không đẻ được. Người hầu than rằng: Có nàng Quế Hoa xinh đẹp, múa giỏi, nên đón về múa hát có thể làm đỡ đau và sinh nở được, vợ Vua Hùng nghe lời cho mời nàng Quế Hoa tới (Quế Hoa ở thành Phong Châu), vâng lời triệu, Quế Hoa đến chào vợ Vua. Bấy giờ, vợ Vua đang lên cơn đau đẻ dữ dội mới bảo nàng Quế Hoa đứng trước giường múa hát. Quế Hoa hát hay, tay uốn chân đưa, người mềm như tơ, dẻo như bún ai cũng phải mê. Vợ Vua mãi xem múa hát không thấy đau, sinh được 3 người con trai khôi ngô đẹp đẽ. Khi ấy đang mùa xuân, Vua Hùng hết lời khen ngợi Quế Hoa mới bảo các Mỵ nương học lấy các điệu múa hát ấy sau được gọi là hát xoan." Cũng có truyền thuyết giải thích rằng: Xoan là từ gọi chệch tiếng xuân (vì vợ Vua tên thật là Xuân). Do tục kiêng kỵ tên húy, nên hát Xuân được gọi là hát xoan.

Y khoa hiện nay đã chứng minh rằng thơ có chức năng chữa lành nhiều vết thương cho nhân loại. Các bác sĩ tại hai bệnh viện Yale University School of Medicine và University College London School of Medicine trong khi chăm sóc bệnh nhân đã đề nghị thơ như một phương thuốc, trước tiên là để tự hiểu cảm xúc và sau nữa để giúp bệnh nhân bước vào một thế giới thơ, nơi xa lìa bạo lực và đau đớn của đời thường đang tràn ngập màn hình TV. Nhiều bệnh viện tại Hoa Kỳ, Anh quốc và Châu Âu hiện nay dùng thơ như một pháp trị liệu, và phương pháp này gọi là "poetry therapy" với người chăm sóc trong lĩnh vực này sẽ được qua các khóa huấn luyện của tổ chức có tên là International Federation for Biblio / Poetry Therapy (IFBPT, Liên Đoàn Trị Liệu Bằng Sách và Thơ).

Truyền thống dân tộc nào cũng gắn liền với thơ. Chúng ta rất khó hình dung được có một dân tộc nào với một ngôn ngữ riêng lại không có một truyền thống thơ. Dân tộc Việt Nam có thơ bốn chữ, thơ năm chữ, thơ lục bát, thơ bảy chữ, thơ tám chữ, thơ tự do có vần và thơ tự do không vần. Hay, có khi kết hợp chung nhiều hình thức thơ vào một bài, như bài phú Cư Trần Lạc Đạo của vua Trần Nhân Tông.

Gắn liền trong ngôn ngữ là âm thanh. Do vậy, thơ tự động gắn liền với âm thanh. Ngay cả thơ tự do không vần cũng có tác dụng âm thanh. Bởi vì não bộ nhân loại đón nhận âm thanh và giải nghĩa theo kiểu riêng của mỗi ngôn ngữ. Trong y khoa có phương pháp dùng

máy đo fMRI (functional magnetic resonance imaging) để xem phản ứng của não bộ phản ứng đối với thơ. Máy đo fMRI khám phá ra một điều ai cũng biết, rằng nhân loại có phản ứng khác nhau khi nghe ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ thơ. Trong ngôn ngữ thơ, bên cạnh âm vang còn có hình ảnh, và hình ảnh đời thường (như: nón, đình, ngói...) khi trở thành hình ảnh thế giới thơ bỗng nhiên có tác dụng trong những phần khác nhau của não bộ.

Phương pháp fMRI đo các hoạt động của não bộ bằng cách đo các biến đổi gắn liền với dòng huyết lưu, dựa vào sự kiện rằng dòng máu chảy trong não bộ gắn liền hoạt động của thần kinh. Khi một khu vực nào trong não bộ được sử dụng, lưu lượng máu chảy vào khu vực đó tăng thêm. Máy đo fMRI sử dụng các từ trường và sóng radio để vẽ đồ hình các cơ phận trong cơ thể.

Thực ra, y khoa đã áp dụng thơ trị liệu từ vài thế kỷ nay, với việc đọc văn/thơ và sáng tác văn/thơ dùng làm pháp hỗ trợ trị liệu các bệnh về căng thẳng. Theo sử ghi lại, Pennsylvania Hospital, bệnh viện đầu tiên tại Hoa Kỳ, dùng phương pháp văn học trị liệu từ giữa các năm 1700s. Tới đầu thập niên 1800s, Bác sĩ Benjamin Rush đưa ra phương pháp dùng thơ trị liệu cho các bệnh nhân. Năm 1928, nhà thơ và là dược sĩ Eli Griefner khởi đầu thành lập các nhóm "thơ trị liệu" (poemtherapy) tại hai bệnh viện khác nhau với hỗ trợ từ các bác sĩ tâm lý Jack L. Leedy và Sam Spector. Sau khi Griefner từ trần, Leedy và nhiều người khác tiếp tục đưa thơ vào tiến trình trị liệu, từ đây thành lập Hội Thơ Liệu Pháp (Association for Poetry Therapy) trong năm 1969.

Nhà nghiên cứu James Pennebaker đưa ra kết quả nghiên cứu của ông cho thấy rằng khi hướng dẫn bệnh nhân sáng tác văn học bày tỏ cảm xúc (expressive writing) chỉ trong 15 phút trong vòng 4 ngày cho thấy hiệu quả tốt cho sức khỏe đo lường tương đương như tới khám trong phòng mạch bác sĩ và giảm được các than phiền triệu chứng từ bệnh nhân. Nghiên cứu này của ông sử dụng cách viết văn bày tỏ cảm xúc để chữa các vết thương từ các sự kiện căng thẳng gây chấn thương. Nghiên cứu này của Pennebaker được ông tường trình trong sách "Writing to Heal: A Guided Journal for Recovering from Trauma and Emotional Upheaval" (Viết để Chữa Lành. Xuất bản lần đầu 2004).

Nghiên cứu trên cho thấy sáng tác văn học (thể loại bày tỏ cảm xúc) làm tăng lực cho hệ thống miễn nhiễm trong cơ thể bệnh nhân, các tác dụng tốt với cả bệnh nhân bị suyễn, ung thư và đau khớp, giảm mức độ căng thẳng bắp thịt, giảm huyết áp và giảm mức độ tốc độ nhịp tim đập, tác phong bệnh nhân thay đổi dài hạn, ảnh hưởng thái độ bệnh nhân giúp tăng hiệu quả làm việc trong sở và trong trường học.

Nhiều cuộc nghiên cứu tương tự cũng đã thực hiện. Tác phẩm "The Writing Cure: How

Expressive Writing Promotes Health and Emotional Well-Being" (Chữa Lành Bằng Viết, ấn hành lần đầu năm 2002) của hai nhà nghiên cứu Stephen J Lepore và Joshua M Smyth cũng cho thấy kết quả tương tự, sáng tác văn/thơ thể loại bày tỏ cảm xúc giúp cho cả bệnh nhân ung thư, giúp cả bệnh nhân trẻ em, giảm cao máu, vân vân.

Trong khi đó xưa cổ nhất trong phương pháp thi ca trị liệu là Đức Phật, người đã sáng tác hàng trăm ngàn bài thơ trong suốt một đời hoằng pháp. Trong khi Kinh Tập (sách thứ 5 trong Tiểu Bộ Kinh) trọn vẹn là thơ, toàn bộ 71 bài kinh là 71 bài thơ, trong đó hai phẩm cuối trong năm phẩm là các bài thơ do Đức Phật ứng khẩu trong khi trả lời 32 vị học giả Bà La Môn. Nghĩa là, bên cạnh việc trình bày giáo pháp, có thể (chúng ta suy đoán, có thể không chính xác) rằng ứng khẩu làm thơ nơi đây còn là một cuộc trình bày kỹ năng ngôn ngữ để người nghe nhập tâm sâu hơn, và rồi hai phẩm này trở thành kinh nhật tụng sơ thời cho tứ chúng trong những năm đầu hoằng pháp của Đức Phật.

Tương tự, Kinh Pháp Cú là do chư tăng kết tập các lời ứng khẩu thơ của Đức Phật trong nhiều sự kiện, và thơ trở thành kinh và sự kiện trở thành tích truyện. Do vậy, Kinh Pháp Cú có nhiều phiên bản khi chư tăng đi ra nhiều hướng để hoằng pháp, có bản Pali, bản Hán tạng (dịch theo tiếng Sanskrit), bản tiếng Tạng ngữ (cũng dịch từ Sanskrit), bản Gandhara... Như thế, thơ là một phần xương gân máu tủy trong Kinh Phật. Thậm chí, ngay cả văn xuôi cũng mang nhiều chất thơ, như Kinh Duy Ma Cát, Kinh Hoa Nghiêm... Và như thế, khởi đầu phương pháp thơ trị liệu là hệ thống Kinh Phật đồ sộ.

Không chỉ Đức Phật, các trưởng lão tăng và trưởng lão ni cũng để lại khối gia tài thơ đồ sộ. Nghĩa là, sinh thời của Đức Phật, giới trí thức được thu hút quy y và tu học rất là đông, và các vị trí thức từng một thời tinh thông các bộ Vệ Đà đã trở thành các cột trụ đứng bên cạnh Đức Phật để tu học và hoằng pháp.

Như vậy, chữ nghĩa không vô ích. Chúng ta trong cõi này hãy rủ nhau làm thơ, đọc thơ, ngâm thơ, in thơ, hát thơ... Nếu chúng ta không đủ sức nương vào thơ để ngộ nhập tri kiến Phật, và nếu chúng ta cũng không có đủ sức mạnh của hát thơ để chữa sán nạn như thời Vua Hùng Vương, ít nhất thơ cũng giúp chúng ta giảm được những đau đớn của trần gian này, kể cả khi buộc phải nghe tới bốn dòng thơ ly biệt tương tự của Cha Rồng và Mẹ Tiên thời lập quốc dân tộc Việt Nam. Nàng thơ ơi, hãy cứu lấy trần gian này. Hãy biến tất cả những trận mưa bom trên trần gian này thành các trận mưa thơ...



龍湫京詠

龍湫古寺實莊嚴
塔塔高高顯道玄
寂靜花園松說法
安平京象水開禪
明音鳥話除貪欲
綠葉梅張解惱煩
七寶觀音皆絕作
一時客到結浪緣

(30-04-2020)

釋祝賢 感作



Tháp Đa Bảo

Phiên âm:

Long Tuyền Cảnh Vịnh

*Long Tuyền cổ tự thật trang nghiêm
Tháp tháp cao cao hiển đạo huyền
Tịch tĩnh hoa viên tùng thuyết pháp
An bình cảnh tượng thủy khai thiên
Minh âm điệu thoại trừ tham dục
Lục diệp mai trương giải não phiền
Thất Bảo Quan Âm giai tuyệt tác
Nhất thời khách đáo kết lương duyên.*

THÍCH CHÚC HIỀN
(cảm tác)



Dịch thơ:

Vịnh Cảnh Chùa Long Tuyền

*Long Tuyền chùa cổ thật trang nghiêm
Các tháp cao ngời tỏa đạo huyền
Vắng lặng vườn hoa cây nói pháp
An bình cảnh trí suối khơi thiên
Tiếng thanh chim hót vui tham dục
Lá biếc mai khoe lẳng não phiền
Thất Bảo, Quan Âm đều thắng cảnh
Mỗi lần khách đến kết lành duyên.*

(California, 01-05 2020)

TRÚC NGUYÊN
(phỏng dịch)

Cái đuôi chó xoắn ruột gà

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa, có một anh rất nghèo, cùng quần đến mức không tiền mua vật thực để sống lây lất với vợ con dưới mái tranh xơ xác.

Ngày kia, đang lúc than van số phận hẩm hiu cùng vợ, anh ta sức nhớ có nghe ông bà thuật rằng: "Ai có phước nhờ thần linh phù trợ thì được cấp vô số bạc tiền." Do đó, anh thành tâm cầu Trời khẩn Phật

bán cho cái phúc hy hữu. Khẩn vải xong, anh cắt bước ra đi khỏi làng, lang thang cùng rừng khắp núi.

Rồi một buổi sáng nọ, bước chân đưa anh ta đến gần một động đá cheo leo dựa triền non, kề bên một vực thẳm. Một dị nhân đang ngồi luyện phép. Anh ta sụp lạy lia lịa, xin ban cho mình một vị thần linh. Thấy lạ, dị nhân

mới hỏi cơ sự.

- Bạch Thầy! con xin thỉnh một vị thần linh, mong thầy thương xót mà ban cho ân huệ đó.

- Người chớ khá nghĩ đến chuyện ấy! Trở về đi!

Bữa sau anh nghèo lại tìm đến than van, quỳ lạy dị nhân, cố sức nài nỉ cho được một vị thần linh. Chung cuộc bị quấy rầy quá, tham thiền không được, dị nhân buộc lòng phải nhận lời thỉnh cầu và nói rằng:

- Thôi, ta cho người phép này! Hễ đọc câu thần chú của ta truyền thì thần linh hiển hiện và thi hành mọi việc người xin. Nhưng người phải nhớ kỹ lời ta dặn mới được! Là các thần linh thì hung tợn lắm. Phải cắt việc cho thần linh mãi mãi thì người mới yên thân, nhược bằng không có việc để cho thần ở không, thì thần vật người lập tức.

- Bạch Thầy, việc đó không sao cả. Tôi sẽ cậy thần làm việc suốt đời không hết.

Xong đầu đó, anh ta quay trở xuống núi, bằng vô rừng sâu, lập đi lập lại câu thần chú cho thuộc lòng. Nào ngờ thỉnh linh một vị thần hiển hiện trước mắt. Thần khổng lồ, hình thù dữ tợn, quát lớn rằng:

- Ta là thần linh! Phải cắt việc lập tức! Để ta rồi, ta nuốt sống ăn tươi một tòa cung điện!

- Xong cả! Đem vàng bạc đây!

- Đủ hết rồi đó!

- Phá rừng này dựng lên một đô thị!



- Đã hoàn thành!
Đến đây chàng ta phát sợ, run cầm cập, nghĩ thầm: "Biết cắt việc chi bây giờ? Làm như nháy mắt, ai xây trở lại cho kịp."

- Cắt việc cho mau! Không thì ta nuốt sống!

Chàng ta hoảng hốt, không việc chi mà cắt, tức tốc chạy nhào lên động đá, quỳ lạy dị nhân, cầu xin cứu mạng.

- Chuyện chi vậy?

- Bạch Thầy, thần lẹ quá. Không còn việc đòi nuốt tôi.

Chàng ta vừa dứt lời thì thần hiện đến ngay, toan nuốt sống, làm gã kinh hồn, chạy núp sau lưng dị nhân.

- Thôi, ta chỉ cho một cách. Con chó này có cái đuôi xoắn ruột gà. Người lấy dao chặt đuôi nó, giao cho Thần uốn thẳng, mau đi!

Hắn lật đật chặt đuôi chó trao liền cho Thần.

- Kéo ra cho ngay.

Thần lãnh lấy đuôi chó, rán vuốt cho ngay, rồi buông ra thì xoắn lại như cũ. Thần lại vuốt đuôi chó lần thứ nhì rồi buông ra thì đuôi chó cũng xoắn lại in như lần trước. Làm lại, làm lại mãi, làm như thế ấy trong bao nhiêu lần không kể xiết... sau cùng, Thần bị kiệt sức chịu thua, nói lên rằng:

- Bình sinh ta chưa gặp việc nào khó khăn như vậy! Ta chẳng phải bất tài, nhưng cậy việc này thì ta chịu thua!

Trích chính bản **Thanh Nguyên**

"Cuộc đời nào khác chi cái đuôi chó xoắn ruột gà! Đã bao thế kỷ lần trôi, con người vẫn rán sức uốn cái đuôi chó xoắn lại cho ngay, mà nó không thể nào ngay được cả. Buông ra, nó lại xoắn lại. Trò đời vẫn éo le, tình người vẫn đen bạc, kẻ đi trước phải học lấy bài học kinh nghiệm ấy, rồi người đi sau cũng khinh suất mà sa ngã vào cạm bẫy của đục tình."

NHỮNG CON ĐƯỜNG XƯA

*Hôm nay chợt nhớ kỷ niệm xưa,
Bóng dáng Gia Long tuổi học trò,
Áo trắng thướt tha trên đường phố
Dáng nhỏ đường chiều mây trắng thưa.*

*Bà Huyện Thanh Quan, đường vắng tanh!
Tan trường mưa đổ, rảo bước nhanh,
Vào Chùa Xá Lợi... lên chánh điện,
Thấp nén tâm hương nguyện an lành.*

*Quỳ bên chánh điện mãi thật lâu,
Niếp Tâm an trú, khẩn nguyện cầu...
Mong cho tương lai học thành tựu
Đóng góp công thành cho mai sau...*

*Nguyễn Huệ đường dài, rộng, cây cao
Trưa hè oi ả, tiếng ve kêu
Duy Tân đường vắng, chiều lộng gió
Lác đác người đi vội bước mau...*

*Hiền Vương, Văn Phúc những con đường
Trợn cả bầu trời... thơ ấu...thương!
Nhớ những ngày buồn... mưa tâm tã!
Gió lạnh, mưa rơi ngập sân trường!*

*Có nhiều khu phố, xá, doanh thương,
Tấp nập trên đường... người bán buôn,
Dòng xe ngược xuôi... như mắc cửi,
Xôn xao hàng quán suốt Phố Phường ...*

*Còn đâu đường xưa rợp bóng cây?
Cường Đẻ, đông về... gió heo may,
Một thời để thương và để nhớ...!
Kỷ niệm mãi mãi như bóng mây...!*

*Quê hương thuở ấy mãi trong tôi
Cách xa ngàn dặm chẳng phai phai
Dẫu biết trần gian... là huyễn tạm!
Chuyện xưa khi nhớ... vẫn bồi hồi...*

thơ **THỰC UYÊN**

The Story of the Thera Who Stayed Alone

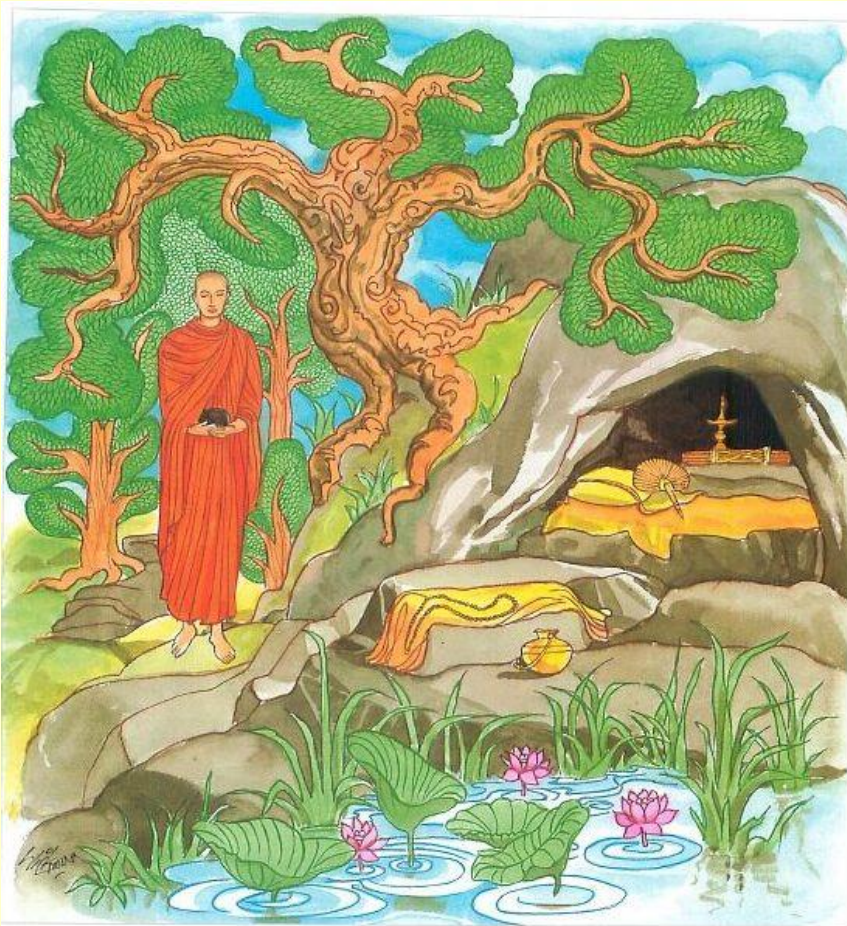
Dhammapada, Verse 305

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (305) of this book, with reference to a bhikkhu who stayed by himself. Because he usually stayed alone, he was known as Thera Ekavihari.

Thera Ekavihari did not mix much with other bhikkhus, but usually stayed by himself. All alone, he would sleep or lie down, or stand, or walk. Other bhikkhus thought ill of Ekavihari and told the Buddha about him. But the Buddha did not blame him; instead he said, "Yes, indeed, my son has done well; for, a bhikkhu should stay in solitude and seclusion".

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 305: He who sits alone, lies down alone, walks alone, in diligent practice, and alone tames himself should find delight in living in the forest.



Taming oneself, alone everywhere, one should ever delight in the woods.

305. *Ēkāsanañ ēkaseyyañ
ēkō caram atanditō
ēkō damayañ attānañ
vanantē ramitō siyā. (21:16)*

Alone one sits, alone one lies,
alone one walks unweariedly,
in solitude one tames oneself
so in the woods will one delight.

Translated by
Daw Mya Tin, M.A.,
Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.

TU HỌC THEO ĐỨC PHẬT

Thông Đạo

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một con người có thật trong lịch sử văn minh nhân loại. Ngài tên là Tất Đạt Đa, dòng họ Thích Ca, sinh vào ngày trăng tròn tháng Năm, năm 624 trước dương lịch, tại vườn Lâm Tỳ Ni thành Ca Tỳ La Vệ miền trung Ấn Độ, bây giờ là nước Nepal. Thân phụ là Vua Tịnh Phạn trị vì vương quốc Thích Ca; thân mẫu là Hoàng Hậu Ma Gia. Thân mẫu Ngài qua đời sớm, Ngài được Vương Phi Kế mẫu là em ruột của Mẹ, Dì Ma Ha Ba Xà Ba Đề thương yêu và nuôi dưỡng như con ruột.

Lúc còn trẻ, Ngài được hưởng một nền giáo dục hoàn bị để trở thành một vị Thái Tử kế vị ngài vàng. Văn võ kiêm toàn, tài đức viên dung, nhưng tâm hồn Ngài thường ưu tư về những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết cho bản thân, nhân loại và chúng sanh. Năm lên 9 tuổi, trong lễ hội cày đất trồng trọt đầu năm mới của vương quốc, Ngài lặng lẽ ngồi trên chân một mình dưới bóng mát cây hồng táo, hít vào thở ra trong khi vẫn duy trì cái biết về hơi thở của mình, không để ý gì đến tiếng nói cười, ca hát và các hoạt động náo nhiệt xung quanh (1). Chính kinh nghiệm thiền định này giúp Ngài giác ngộ về sau.

Nhằm giữ chân Thái Tử với sứ mệnh đế vương, năm Thái Tử lên 16 tuổi, Vua Tịnh Phạn sắp đặt cho Ngài cưới vợ là Công Chúa Gia Du Đà La tài sắc vẹn toàn, đồng thời cung ứng một cuộc sống thật xa hoa lộng lẫy. Nhưng đến năm 29 tuổi, sau khi con trai La Hầu La ra đời, Ngài đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan để băng rừng vượt suối, xuất gia tìm đạo giải thoát cho tất cả chúng sanh.

Lúc đầu, Ngài tìm học và tu tập tại các chúng hội với những đạo sĩ nổi tiếng như Alara Kalama và Uddaka Ramaputta. Rồi Ngài thấy kết quả đạt được qua tầng thiền cao nhất của yoga là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ không hướng đến ly tham, không hướng đến Niết Bàn (2), nên Ngài đã chuyển qua tu khổ hạnh cùng năm đạo sĩ do Kiều Trần Như hướng dẫn.

Sau gần 6 năm nỗ lực khổ hạnh, thân hình chỉ còn da bọc xương cho đến kiệt sức, Ngài ngất xỉu. Duyên lành có cô Sujata dâng bát sữa giúp Ngài tỉnh lại. Trong cơn bế tắc cùng cực của mọi cách tu luyện, Ngài nhận ra lối tu Trung Đạo, không lợi dưỡng phóng túng mà cũng

không ép xác cực đoan. Ngài khổ thực ăn uống trở lại để cố sức khỏe, đồng thời Ngài nhớ lại và thiền tập theo cách thở mà Ngài đã có kinh nghiệm khi còn 9 tuổi. Năm người bạn đồng tu khổ hạnh cho rằng Ngài đã thối chí nên bỏ đi nơi khác. Dù sao, thời gian tu khổ hạnh cũng giúp Ngài đạt được những kết quả cụ thể: thân tâm hoàn toàn trong sạch và rất vững chắc; những tình cảm quá khứ không còn len lỏi gợn lên trong tâm; những ma chướng như tự cao, bất mãn, ái dục, đói khát, cực khổ, hôn trầm, đã dưng, sợ hãi, hoài nghi v.v... không còn quấy nhiễu tâm trí; siêng năng tu tập thiền định (3).

Cách thở do Ngài tự tìm thấy gọi là "**lặng biết**" (sati-samadhi) rất hiệu quả: không còn vọng tưởng, mà chỉ là một dòng biết lặng lẽ về sự vào ra của hơi thở hoặc bất cứ đối tượng nào; **chỉ có cái biết mà không có người biết**, tức là cái biết như thật (awareness-as-it-is) (4). Ngài biết rõ những hý lạc toàn thân qua các tầng thiền định nhưng không dính mắc. Rồi tâm của Ngài hoàn toàn định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh (5).

Thanh thần chìm sâu vào đại định, cuối cùng Phật tánh nơi Ngài bừng sáng, kiến giải rõ ràng những bế tắc trong quá trình tu tập. Ngài chứng được **Tam Minh**: *Túc Mạng Minh*: nhớ rõ chi tiết vô lượng kiếp trước của mình; *Thiên Nhãn Minh*: thấy rõ chúng sanh chết từ kiếp này, tái sanh vào kiếp khác do hành nghiệp của họ; *Lậu Tận Minh*: biết như thật về khổ, nguyên nhân và cách diệt khổ; biết như thật về lậu hoặc, nguyên nhân và cách trừ lậu hoặc. Nhờ biết như vậy, tâm Ngài thoát khỏi tất cả lậu hoặc. Ngài biết: "Ta đã giải thoát." Ngài biết: "Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa" (6). Lúc ấy Ngài 35 tuổi.

Sau khi giác ngộ, Ngài còn quanh quẩn nơi cội Bồ Đề thêm 7 tuần nữa để chiêm nghiệm lại các Pháp mà Ngài vừa thành tựu. Trong đó có Lý Duyên Khởi được xem là mấu chốt của sự thành đạo: "Cái này có nên cái kia có. Cái này sanh nên cái kia sanh. Cái này không nên cái kia không. Cái này diệt nên cái kia diệt."

Từ đó, Ngài đi chân trần khắp lưu vực sông Hằng và các vùng lân cận để giảng dạy đạo Giác Ngộ, Giải Thoát khỏi sinh tử luân hồi. Trước



tiên, Ngài định hóa độ cho hai vị Thầy cũ nhưng được biết hai vị đã từ trần. Ngài đến Vườn Lộc Uyển tại Benares dạy đạo cho 5 người bạn cùng tu khổ hạnh trước đây. Vậy là Ngũ Tam Bảo tại thế gian đã được hình thành, trong đó Phật là Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, Pháp là bài Tứ Diệu Đế, Tăng là Kondanna (Kiều Trần Như), Bhaddiya, Vappa, Mahanama (Ma Ha Nam), Asaji (Mã Thăng).

Ngài hóa độ vô số đệ tử không phân chia giai cấp xã hội, vua quan, dân chúng, nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, trí thức, bình dân, chủng tộc hay quốc độ. Lời dạy của Ngài đi từ dễ đến khó, từ thấp tới cao, phù hợp với căn cơ từng người nên ai cũng có thể đi vào Chánh Pháp được. Từ các bài Pháp căn bản như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo, Ngài dẫn dắt đệ tử tiến dần lên các thực hành về tánh không, vô ngã, vô thường, Niết Bàn. Lý Duyên Khởi chỉ rõ các pháp nương vào nhau mà sinh, thành, hoại, diệt nên không có nguyên nhân đầu tiên nào tạo ra vũ trụ. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mỗi chúng sanh phải chịu trách nhiệm về vận mệnh của mình. Và, Giác Ngộ, Giải Thoát, Niết Bàn có ngay tại đây và bây giờ. Như Lai và các bậc Giác Ngộ khác không từ đâu đến, cũng không đi về đâu (7).

Tăng Đoàn của Ngài có những người trước đây thuộc giai cấp hạ tiện, có cả người nữ xuất gia. Có đến 1250 Tăng, Ni chứng quả A La Hán, nhiều nam nữ cư sĩ đắc Thánh quả và vô số người nếm được hương vị an vui, giải thoát.

Sau 45 năm hoằng Pháp độ sanh, Đức Phật nhập Vô Dư Y Niết Bàn lúc 80 tuổi tại Kusinara. Lịch Phật giáo bắt đầu từ ngày

này, cách đây 2564 năm (2020). Như vậy Ngài đản sanh cách đây $2564 + 80 = 2644$ năm, trước dương lịch $2644 - 2020 = 624$ năm (8).

Năm 249 trước dương lịch, Vua A Dục đến thăm nơi đức Phật đản sanh, đã cho xây dựng một cột trụ bằng đá, khắc chữ: "Hai mươi năm sau khi đăng quang, Thiên tử, vua Piyadasi đã viếng thăm và lễ bái nơi này bởi vì đây là nơi đức Phật Thích Ca, Bậc Giác Ngộ đã ra đời. Thiên tử đã cho xây một tường đá bao bọc xung quanh và dựng một thạch trụ. Và vì đức Thế Tôn đản sanh ở đây, làng Lumbini được miễn thuế và chỉ đóng một phần tám nông sản" (9). Lâm Tỳ Ni đã bị bỏ quên trong nhiều thế kỷ. Mãi đến năm 1895, nhà khảo cổ người Đức Fuher mới tìm thấy được trụ đá vua A Dục. Các nhà nghiên cứu Tây phương gọi trụ đá này là Bản Khai Sanh của đức Phật.

Trong phiên họp khoáng đại ngày 15/12/1999, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua Nghị Quyết số 54/115, "Công nhận quốc tế về ngày Lễ Vesak tại Trụ Sở Liên Hiệp Quốc và các văn phòng liên hệ" (10). Lễ Vesak kỷ niệm ngày Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của Đức Phật vào ngày Trăng Tròn tháng 5 dương lịch. Lễ Vesak của Liên Hiệp Quốc cũng đề tôn vinh đạo Phật là đạo Hòa Bình của thế giới!

Niết Bàn: "Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là Niết-bàn". Con đường đưa đến chứng đắc Niết Bàn là Bát Chánh Đạo: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định (11).

Tham khảo:

- 1) Đại Kinh Saccaka, số 36, Kinh Trung Bộ tập 1, trang 539. (2003). (Thích Minh Châu dịch). Hà Nội: NXB Tôn Giáo.
- 2) Kinh Thánh Cầu, Sđd, 372.
- 3) Luận Giảng Về Tiến Trình Tu Chứng và Thành Đạo của Đức Phật. (2014). Thông Triệt, trang 80. Perri, CA: Hội Thiên Tánh Không.
- 4) Thông Triệt, Sđd, trang 107.
- 5) Đại Kinh Saccaka, Sđd, trang 541.
- 6) Đại Kinh Saccaka Sđd. trang 543.
- 7) Kinh Kim Cang Lực Giải, Phật Học Phổ Thông, tập 3, trang 599. (2002). HT Thích Thiện Hoa. Hà Nội: NXB Tôn Giáo
- 8) Có nhiều ý kiến khác nhau về năm sinh của đức Phật. Tài liệu bài này dựa vào truyền thống Phật Giáo tại Việt Nam từ trước đến nay.
- 9) Đại Đế Asoka. (2007). Hộ Giác. Houston, TX: Chùa Pháp Luân.
- 10) <https://phatgiao.org.vn/lien-hiep-quoc-chinh-thuc-cong-nhan-ngay-vesak-tu-khi-nao-d13830.html>.
- 11) Kinh Tương Ưng Bộ tập 4, chương 4, Niết Bàn. <http://www.daitangkinhvietnam.org/node/8605>.

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

GỐC CÒN NGUYÊN

Anh Bản ngồi tụng kinh với đại chúng, thỉnh thoảng lại chạy ra ngoài khịt mũi, nhỏ thuốc, nước mũi hôi và khó chịu làm anh không tập trung tâm ý được. Tan lễ, thầy bảo:

- Viêm xoang là cái gốc, chùi mũi, xịt Nasal chỉ tạm thời ngưng trong canh giờ.

Hoà thượng sư phụ cười:

- Nasal là tình thế trong phút chốc, cái gốc còn nguyên thì phiền toái không thể hết.

Nói xong thầy ngâm:

Ngồi thiền, gõ mõ tụng kinh

Mà trong ngũ dục lục tình còn nguyên

Ấy là cái gốc nào phiền

Cho nên khổ vẫn còn triền miên thôi.

TẠI SAO BIẾT

Thầy giảng đề tài ngũ dục: Tài, sắc, danh, thực, thù. Những chuyện này tưởng rất thường tình nhưng kỳ thật nó ghê gớm lắm, nó làm cho con người ta chém giết tranh đoạt, mê đắm mà đọa, nó là cái gốc luân hồi...

Một Phật tử hỏi:

- Thầy tu từ nhỏ, đâu có dính vào sắc dục, ăn nhậu, chơi cờ... sao thầy biết?

Đại chúng cười rần rần, sư chú ngồi bên thầy la:

- Hôn, đừng nói bậy!

Thầy khóa tay bảo cứ để mọi người trao đổi thoải mái. Đoạn thầy trả lời:

- Lẽ ra con phải biết, tại sao con không biết?

Anh Phật tử không nói được, thầy cười:

- Thầy biết nên mới không dính, nếu không biết thì thầy cũng dính như con.

TỬ TÙ

Mấy hôm nay thiên hạ ngóng trông phiên xử cuối cùng, mười hai năm ròng kêu oan của bà mẹ, bán cả nhà cửa, viết hai ngàn lá đơn, đi khắp nơi, gõ mọi cánh cửa... nhưng đều lặng im lạnh lùng. Mặc dù nêu rõ: tang chứng giả, vật chứng mua ở chợ, vân tay tại hiện trường không phải của tử tù, bản cung tự viết của nhà quan... ấy vậy mà một mực khép án tử. Dân chửi hà rầm, oán thán thấu trời:

- Tử tù chết thì quan mới yên vị!

Kẻ sĩ bất bình viết:

Tử tù kêu oan tôi không giết người tôi vô tội

Quan ăn cười gằn mà không chết tao sẽ toi.

Có anh nhà báo còn lương tri, trước khi bỏ việc đã viết:



*Chữ đức nhẹ hều cơn gió
thoảng
Chữ quyền nặng tợ đầy
kim ngân.*

KHÔNG CẦN THIẾT

Tiếng Việt sau hơn ba trăm năm hình thành và phát triển, dần chúng và giới hạn lâm đều sử dụng nhuần nhuyễn, là ngôn ngữ chính của quốc gia. Ấy vậy mà thỉnh thoảng lại có người đề nghị cải cách hoặc thay thế bằng một thứ tiếng quái lạ. Kề thì chủ trương làm cho nó gần giống âm Hán, người thì muốn nó hiện đại theo thời 4.0. Riêng bọn trí thức thì chế ra những chữ khó hiểu, ngô nghê như: An yên, lây chéo, hoành tráng, toang, vỡ oà... làm cho cả xã hội ăn theo nói leo như cơn dịch. Có một vị nhân sĩ bất bình viết thay cho những người cùng tâm sự:

*Hãy để dân tôi yên
Tiếng nói và chữ viết
Bày chi việc đảo điên
Vớ vẩn không cần thiết.*

ĐỀN LANG LIÊU

Văn minh đại Việt vốn lâu đời, đền Lang Liêu cũng có từ thuở xa xưa, nơi ấy cúng tế tưởng nhớ hoàng tử Lang Liêu, theo truyền thuyết là người chế ra bánh chưng bánh giầy. Thời gian làm cho ngôi đền điều tàn. Thời trước đã từng trùng tu nhưng hôm nay có cơ hồ sắp sập. Dân làng kêu ca, các tổ chức văn hoá gửi đơn khắp nơi xin kinh phí tu bổ... chỉ tiếc là nhận được câu trả lời: "Không có kinh phí." Trong khi ấy giới báo chí phát hiện triệu đình bỏ những ngân khoản lớn để dựng tượng ông này bà kia, xây viện Khổng Tử... Sĩ phu quanh vùng ngao ngán quá, họ căng băng rôn thật to ở cửa đền:

*Đền Lang Liêu cô liêu ho-
ang hoá quan quyền bỏ bê mặc
kệ*

*Miếu Khổng Tử tân tạo
vàng son triều đình tế lễ cung
nginh.*



THÚ ĂN THÚ HOANG

Nhân chuyện dịch Corona, người ta bảo con virus ấy từ món soup dơi, từ chợ hải sản Wuhan, từ mấy trung tâm mua bán thú hoang dã... Người xứ mình mới bàn tán chuyện đại gia và quan nha:

- Mấy ông có quyền có tiền, ăn toàn thú rừng để mong sung sức, bổ khoẻ.

Có người rành chuyện nói:

- Bao nhiêu thú hoang như: tê tê, rắn, rùa, chồn hương... bắt bán qua Tàu hết ráo.

Nhiều người thắc mắc mà hình như cũng mong:

- Mấy ông ăn thú hoang mà sao hồng dính con virus đó luôn thể?

Dân chơi có kẻ biết chữ, đợi lúc quán vắng khách viết lên tường:

*Thú ăn thú hoang hại
vật hại thiên nhiên biết mấy
Quan sống hoang đàng
hư người hư xã hội lắm thay!*

XỨ CẢNG THƠM

Xứ ấy vốn là nhượng địa cho đế quốc mệnh danh "Mặt trời không bao giờ lặn." Nhờ thế mà ảnh hưởng lây văn minh của họ: kinh tế phồn thịnh, văn hoá phát triển, nghệ thuật khai phóng, chính trị thanh minh, chấp pháp nghiêm chỉnh... nhưng từ khi

về với hồng bang thì trở nên hư hao, quan tòa, cảnh sát đều hung tợn và dã man chứ không còn nét nhân văn như ngày xưa; bao nhiêu nhân bản biến đổi thành hung thần, trấn áp tàn bạo người biểu tình đòi dân chủ. Bao nhiêu văn minh cũ xoá bỏ, duy có đồng bảng và lợi lạc kinh tế thì tận dụng tối đa. Sĩ phu Hương Cảng mia mai:

*Nhân bản mơ hồ quyền uy
chẳng có*

*Đồng bảng thực tế lợi lạc vô
cùng*

Không biết ai đã viết ngoài cửa toà nhà đại diện của hồng bang rằng:

*Dân chủ chi bay chuyện hảo
huyền*

*Bây giờ cai quản bởi Trung
Nguyễn*

*Ho he ông đánh cho nhừ tử
Hồng Kông đã hoá chữ
hồng quyền.*

STEVEN N
Georgia, 052020



DỨA, PHÈN CHUA, SỎI THẬN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Trước khi góp ý, xin tìm hiểu về món ăn khá thông dụng này là trái dứa. Dứa là trái cây của miền nhiệt đới, có nguồn gốc từ các quốc gia ở Trung và Nam Mỹ.

Khi Christopher Columbus thám hiểm Mỹ châu, thấy dứa trồng ở quần đảo Guadeloup rất ngon, bèn mang về cống hiến nữ hoàng Tây Ban Nha Isabella Đệ Nhất. Từ đó, dứa được đem trồng ở các thuộc địa của Tây Ban Nha, nhất là các quốc gia thuộc khu vực Thái Bình Dương.

Cây dứa thân ngắn, lá dài và cứng với gai mọc ở mép, quả có nhiều mắt; phía trên có một cụm lá.

Nông trại trồng dứa quy mô lớn đầu tiên trên thế giới được thiết lập ở Hawaii vào năm 1885. Quần đảo này dần dần về sản xuất dứa trên thế giới cho tới năm 1960. Sau đó, Phi Luật Tân là nước trồng nhiều và xuất cảng nhiều nhất. Các quốc gia khác ở Đông Nam Á châu cũng sản xuất một khối lượng dứa khá lớn.

Nhờ kỹ thuật canh tác hàng loạt cho nên nhu cầu dứa được cung cấp đầy đủ với giá phải chăng. Dứa có quanh năm, nhưng nhiều nhất là vào tháng 6 tháng 7. Trung bình từ lúc trồng tới lúc thu hoạch là 18 tháng. Dứa thường được hái khi đã chín, sẵn sàng để ăn.

Dinh dưỡng

Dứa có nhiều sinh tố C, chất xơ pectin và chất gum.

Một ly dứa tươi cung cấp 25mg sinh tố C; 0,1mg thiamine; 16mcg folate; 0,15mcg sinh tố B 6; 17mg magnesium; 0,5mg sắt; 2gr chất xơ và 80 calori.

Dứa còn có chất bromelain, một loại enzyme tiêu hóa giống như papain của đu đủ. Bromelain có tác dụng làm mềm và phân hóa chất

đạm ra những phân tử nhỏ để cơ thể có thể sử dụng, cấu tạo tế bào đồng thời cũng tạo cho thịt hương vị thơm ngon. Br có thể gây ra dị ứng da cho người tiêu thụ.

Dứa đóng hộp còn giữ được sinh tố C nhưng bromelain bị hơi nóng tiêu hủy.

Áp dụng y học

Theo American Cancer Society, dứa có chất Bromelain mà một số nghiên cứu cho là có công dụng hỗ trợ trong điều trị một số bệnh như:

- Có thể dùng bromelain chung với thuốc điều trị ung thư để giảm thiểu tác dụng phụ của xạ trị, như là viêm cuống họng và miệng;

- Vì bromelain là một enzyme chuyển hóa chất đạm cho nên có thể dùng thêm để hỗ trợ tiêu hóa cho những người thiếu enzyme này;

- Bromelain có tác dụng ngăn ngừa tiểu cầu dính với nhau, cho nên có thể dùng thêm để tránh tình trạng máu đông cục;

- Nghiên cứu khác cho hay bromelain có tác dụng chống viêm sưng trong bệnh viêm khớp, viêm xoang, vết thương do sâu bọ cắn hoặc chống nhiễm trùng khi da thịt bị phỏng...

Tuy nhiên, Hội Ung Thư Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh là cần nhiều nghiên cứu khác nữa để xác định các công dụng này.

Ăn dứa

Dứa tươi có hương vị nồng ngọt, rất thích hợp để làm món tráng miệng kích thích tiêu hóa hoặc làm món ăn vặt.

Miếng dứa phía dít, gần phía gốc thường ngon hơn phần khác, vì như kinh nghiệm của ông cha ta là "dứa dặng dít, mít dặng cuống."

Sau khi gọt vỏ, khía xéo để bỏ mắt, dứa được bổ dọc làm tám hoặc cắt khoanh tròn



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

mỏng vừa phải, rắc thêm một nhúm đường, bỏ tủ lạnh độ 15 phút rồi mang ra ăn thì tuyệt hảo. Nước dứa hòa với đường ngọt húp vào lạnh mát cả người.

Nhiều người lại thích chấm dứa với tí muối ớt, ăn vào vừa ngọt, vừa mặn, hơi cay, rất thỏa mãn khẩu vị đồng thời làm bớt rát lưỡi.

Dứa còn dùng để xào nấu với thịt cá. Món canh chua cá lóc, dứa xanh thêm vài ngọn ngò thì cơm ba nồi cũng hết.

Khi nấu, hơi nóng làm mềm dứa vì chất cellulose tan rã, dứa hút gia vị và chất ngọt của thịt cá.

Một đĩa xá lách trộn thập cẩm thêm vài miếng dứa thái nhỏ ăn càng ngon.

Năm 1892, một người Anh là Đại úy John Kidwell lần đầu tiên sản xuất dứa đóng hộp.

Dứa thường được hái khi đã chín mùi, mà phải chuyên trở xuất cảng đi xa, mau hư cho nên được đóng hộp cho dễ di chuyển. Dứa đóng hộp là dứa đã chín từ dưới cuống trở lên, do đó thường cần đến ba quả mới được một hộp dứa có phẩm chất tốt. Dứa hộp được cho thêm nước đường nên có nhiều calori.

Ngoài ra còn dứa sấy khô hoặc nước dứa ép cũng là những món ăn thức uống ngon, bổ.

Mua dứa

Mua dứa tươi lựa trái to, nặng nước, toát ra mùi thơm của dứa, lá trên cuống còn xanh. Khi gõ, dứa phát ra một âm thanh đặc, quả dứa cầm thấy chắc tay, không chỗ nào mềm. Vỏ dứa có thể hơi xanh hoặc vàng cũng không sao. Dứa lớn nhỏ đều có chung giá trị dinh dưỡng như nhau. Tránh dứa đã có mùi lên men vì quá chín bắt đầu ửng. Dứa có thể cất giữ trong tủ lạnh hoặc ở ngoài.

Lưu ý

Dứa rất lạnh. Đôi khi dứa có thể gây dị ứng nhẹ ở da vì có chất bromelain. Tại các tiệm bán "thực phẩm tốt" Health Food lại có bán viên Bromelain và được giới thiệu là chữa được bệnh tim, phong khớp và vài bệnh khác.

Dứa có chất tyrosine. Một vài u bướu hạch nội tuyến cũng tiết ra nhiều tyrosine. Vì thế, mấy ngày trước khi thử máu tìm u bướu này lại



ăn dứa thì thử nghiệm có thể sai lệch, cho kết quả dương tính mà thực ra không có.

Một vài nghiên cứu khoa học cho hay là trên mặt vỏ dứa có một hóa chất không tốt cho sức khỏe. Vì thế, tốt nhất là nên tránh ăn mặt dứa.

Sỏi thận và dứa

Bây giờ, xin trở lại với Sỏi thận và dứa cùng với phèn chua.

Sỏi thận là một vật rắn đặc thành hình từ nhiều hóa chất khác nhau trong nước tiểu:

- Sỏi calcium oxalate chiếm 80% các loại sỏi thận và đa số là do di truyền, calcium không dùng trong việc tạo xương và loại ra theo nước tiểu. Ngoài ra tiêu thụ quá nhiều thực phẩm chứa nhiều oxalate như rau spinach, cocoa, đậu phộng, các loại hạt, ớt, nước trà; ăn nhiều muối hoặc dùng bổ sung calcium viên cũng tăng tỉ lệ ro loại sạn này. Sạn calci rất cứng.

- Sỏi với chất struvite (Magnesium ammonium phosphate) thường thấy trong bệnh nhiễm trùng đường tiểu tiện, đặc biệt là ở nữ giới và được điều trị bằng cách tiêu diệt tác nhân gây bệnh.

- Sỏi với chất uric acid do tiêu thụ nhiều chất đạm động vật thịt, cá, gà gây ra vì các thực phẩm này cho chất purine, tiền thân của uric acid. Giới hạn các thực phẩm này và tăng độ kiềm của nước tiểu có thể giảm thiểu nguy cơ gây sạn.

- Sỏi với các chất amino acid cystine, rất hiếm. Đây là bệnh bẩm sinh trong đó thận không tái hấp thụ được chất cystine. Chất này luân lưu trong nước tiểu và kết tụ thành sỏi. Chữa trị bằng cách uống nhiều nước để loại cystine ra ngoài đồng thời giảm độ acid của nước tiểu.

Nam giới bị sỏi thận gấp đôi nữ giới và thường thấy vào tuổi từ 30 tới 50. Một đời sống quá tĩnh tại, bệnh nhân cao huyết áp, tiểu đường và mập phì cũng tăng rủi ro bị sạn thận.



Nghiên cứu mới đây cho hay tình trạng hâm nóng toàn cầu đưa tới khô nước cũng làm tăng rủi ro sỏi thận. Ngay cả các phi hành đoàn bay trong không gian cũng tăng rủi ro này vì họ ít uống nước.

Hiện nay, y học thực nghiệm chữa sỏi thận bằng nhiều cách và căn cứ vào các chất kết tinh thành sỏi. Do đó, khi tiểu ra sạn cần cất giữ sạn và đưa cho phòng thí nghiệm để phân tích thành phần cấu tạo.

Nếu sạn còn nhỏ, uống nhiều nước để loại sạn qua nước tiểu là cách hữu hiệu nhất. Với sỏi lớn, có thể đưa một dụng cụ nhỏ vào thận, nghiền sạn rồi gắp sạn ra hoặc đập vụn sạn với sóng nước (shock wave lithotripsy).

Nên nhớ có thể phòng tránh sạn bằng cách uống nhiều nước. Khi nước tiểu loãng thì sạn khó mà kết tụ với nhau. Khi nước tiểu đục vàng thì sạn sẽ kết tụ.

Cũng nên nhớ rằng loại sạn thận calcium oxalate rất cứng khó mà có chất nào có thể khiến chúng hóa nhỏ tiêu tan.

Về chữa sỏi thận với dứa và phèn chua, chúng tôi đã cố gắng tìm xem có kết quả nghiên cứu nào xác định hoặc hỗ trợ công dụng trị sỏi thận theo kinh nghiệm dân chúng hoặc theo lý luận của một số nhà y học cổ truyền với dứa và phèn chua, nhưng mà chưa có cơ duyên tìm ra.

Sách những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của giáo sư Đỗ Tất Lợi có ghi là dân chúng còn dùng rễ cây dứa làm thuốc lợi tiểu, chữa tiểu tiện khó khăn, đái ra sỏi thận. Có lẽ là uống nhiều nước rễ cây dứa có thể đẩy các tinh thể tạo sỏi trong nước tiểu ra ngoài cơ thể. Bệnh viện chuyên trị bệnh thận Devasya Kidney bên Ấn Độ khuyên dân chúng muốn giúp thận lành mạnh nên tiêu thụ các loại nước dứa, chanh, cà rốt, chuối... nhưng không giải thích tại sao. Cũng có lẽ là uống nhiều các loại nước này.

Tuy nhiên có nhiều ý kiến cho rằng thực

phẩm có nhiều ảnh hưởng lợi và bất lợi đối với sự thành hình sỏi thận. Chẳng hạn:

- Với sạn calcium oxalate, nên giảm thiểu tiêu thụ món ăn có nhiều oxalate như chocolat, caffeine, các loại hạt, hạt tiêu đen, rau spinach, đậu, các loại đậu; đồng thời nên bớt muối, đường. Nên tiêu thụ chuối, gạo đỏ, oat, rye, bắp, cám, barley. nước trái cranberry, dứa, chanh cam. Bệnh nhân loãng xương cần bổ sung calci nên dùng loại calcium citrate. Dứa tương đối có ít oxalate calcium, một hóa chất của sỏi calcium.

- Với sạn uric acid, nên giới hạn tiêu thụ đạm động vật có nhiều purine/acid uric như thịt bò, thịt cừu, gà, cá sardine, gan và thực vật như nấm, pumpkins, cauliflower, các loại đậu, rượu bia, rượu vang để giảm uric acid.

- Với sạn cystine, giới hạn cá vì có nhiều methionine.

Về bài thuốc dứa-phèn chua, chúng tôi nghĩ là ta có thể dùng dứa. Uống nhiều nước dứa có thể khiến cho các tinh thể tạo sỏi tiết niệu loãng ra, không kết tụ với nhau và loại ra ngoài qua tiểu tiện. Nhưng cũng xin nhắc lại rằng nhiều loại sỏi thận là những tinh thể kết tụ với nhau, khá cứng, đập mạnh mới làm vỡ được.

Riêng **phèn chua** thì nên cân nhắc một chút.

Phèn chua là muối kép của nhôm và potassium. Đây là chất mà dân chúng thường dùng để làm cho nước có vấn đục trở thành trong: muối nhôm kết tụ các vấn đục này, lắng xuống đáy, nhờ đó nước trở thành trong và dùng được. Tìm kiếm, chúng tôi chưa thấy ý kiến nào nói đến công dụng của phèn chua đối với sỏi thận, ngoại trừ một số thân hữu cho hay họ cũng đã dùng dứa với phèn chua và có kết quả. Tuy nhiên, theo giáo sư Nguyễn Lâm Dũng, Việt Nam, thì phèn chua không có công dụng gì trong việc làm tan sỏi tiết niệu (Sách Hỏi Gì-Đáp Nấy). Đồng thời có người thắc mắc là liệu phèn chua có làm cho các chất calci trong nước tiểu dễ dàng kết tụ với nhau để đưa tới sạn.

Ngoài ra, một số nghiên cứu cho hay muối nhôm, tuy không độc, nhưng nếu tiếp xúc lâu ngày với lượng quá cao trong nước uống có thể gây ra rối loạn cho sự sinh đẻ, cho hệ thần kinh. Mới đây, vài nghiên cứu sơ khởi cho rằng chất nhôm có thể là rủi ro gây ra bệnh Alzheimer.

Cho nên, để an toàn, có lẽ cũng chẳng nên dùng phèn chua với hy vọng "bàng quang mềm ra và sỏi vỡ ra."

Mong nhận được ý kiến của quý vị có nhiều hiểu biết.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Texas- Hoa Kỳ.
www.bsnguyenyduc.com

DANH SÁCH ỦNG HỘ VẬT LIỆU Y TẾ CHỐNG DỊCH COVID-19 (TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI — GHPGVNTN HOA KỲ)

Cập nhật ngày 22/5/2020

1/ DANH SÁCH TỪ TU VIỆN AN LẠC: \$3,210

Xuan T Dang (CA) \$1,000; Dung V. Thai & Lan T. Ho (CA) \$300; Ngo Nhat Nguyen & Xuan Lang Le Trinh \$150; Phuong C Nguyen & Que T Nguyen \$200; Ngoc Thuy Nguyen (Skokie, IL) \$25; John Chieu Bui & Ngoc Diep Thi Phuong \$100; Dat K. Duong (Laguna Hill, CA) \$100; Nana Uy (Santa Ana, CA) \$100; Doan Huu Huynh & Phuc Huu Luu (CA) \$50; Hang Vo (Tacoma, WA) \$100; Henry Nguyen (Oakland, CA) \$500; Nguyen Xuan Huong (SJ, CA) \$300; Le Van Thin & Vo Thi Anh (CA) \$260; Nguyen Dinh Khang & Kim Tran (Hawaii) \$25...

2/ DANH SÁCH TỪ TU VIỆN CHÂN KHÔNG, HAWAII: \$2,500

Bồn đạo Tu Viện Chân Không \$2,500

3/ DANH SÁCH TỪ HOA VO UU FOUNDATION – TT. THÍCH HẠNH TUỆ: \$1,301

Mai Nguyễn \$50; Vu Nghe (Gardena, CA 90249) \$200; Dong Bao (Châu Trần) \$200; Thu Dang \$1; Stephanie Huynh (Novato, CA 94947) \$50; Tiffany Ngo (Arlington, TX 76014) \$300; Thu Dang \$50; Nguyễn Xuân \$50; Diệu Bình (Jacksonville, FL) \$500... (đã gửi về TV An Lạc, Ventura, CA check \$1,301).

4/ DANH SÁCH TỪ CHÙA BÁT NHÃ – NI SƯ HUỆ CHIÊU: \$5,110

Lục Phương Mai \$100; Gia đình Phillip Mai \$100; Phillip Mai: \$100; Julie Ngo \$200; David V Luong \$200; Thu Phan \$ 40; Cao Minh Châu \$ 100; Diệu Ngộ \$ 200; Diệu Ngân \$ 100; Chơn Huệ \$100; Quảng Huệ Châu \$ 100; Donna Đặng \$ 200; Nguyễn Kim Thoa \$100; Chú Trung, Cô Xuyên \$500; Bạn Chú Trung, Cô Xuyên \$100; Phan Thị Nga PD Tâm Quả \$100; Trương Văn Hùng \$50; Phuong Tri Nguyen, Hoa My Hoang \$200; Huệ Ngộ, Diệu Trang \$500; Châu Cô Nguyễn Khuê \$100; Thanh Ngọc, Diệu Phẩm \$200; Hạnh Ngộ \$20; Kim Anh Tran \$50; Diệu Hoa, Diệu Ân \$100; Đức Diệu Tường: \$1,350 (Gia đình họ Trần \$800 + Lina Nguyễn \$100 + Trang Phùng \$100 + Tú Đình \$200 + Kevin Van \$100 + Mai Nghiêm \$50); Chùa Quang Thiện 7,000 gloves; Trina Nguyễn 8,000 gloves; Professional Nails 20,000 gloves; Loan Trần: 50 khẩu trang vải; Từ Huyền 100 khẩu trang vải; Công Ty Cosmo 1,000 khẩu trang y tế; Classique Nail Beauty Supply 33 thùng sanitizers; Quảng Ngộ Duyên 1000 surgical masks, 130 khẩu trang vải; Kim Phụng 2 thùng khẩu trang vải; Kelly Daniels (Quan Kiềm) 300 khẩu trang vải; 5,000 medical masks HT Thông Hải mua. Tính đến ngày 27 tháng 04 năm 2020 số tiền Chùa Bát Nhã nhận từ Quý Đồng Hương Phật Tử \$5,110. CHI: - Cô Nguyễn Khuê nhượng lại 2 cây vải: - \$200.

Tiền mua vải: - \$417 (số vải còn lại do Phật tử phát tâm cúng); Tiền cắt vải - \$450; Tiền mua dây thun - \$160; Tiền mua ziploc - \$100; Tiền gửi bưu phẩm - \$55. Tổng tiền chi: **\$1,182**.

Tổng số tiền còn lại: \$3,928 Chùa Bát Nhã ký check gửi cho Tu Viện An Lạc của HT Thích Thông Hải-Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội.

5/ DANH SÁCH TỪ NI SƯ THÍCH DIỆU TÁNH – THIÊN TỊNH ĐẠO TRĂNG: \$13,570

Nguyễn Kim Oanh \$3,300; Ni cô Tĩnh Nhẫn và gia đình \$1,600; Nha sĩ Thường – Như Hậu – PHV \$1,000; Chị Lan Lê – PHV \$1,000; Đđ. Bác Chơn Đức – cô Hồng \$1,220; Hùng – Linh 14,000 gloves; Đỗ Tiến Giang – Ngọc Anh – SD \$500; Kiwi Ninh Châu Diệu Chánh \$500; Đức Diệu Tường \$500; Cô Ba Thành Mỹ \$300; Cô Thoa – hãng may hỗ trợ cắt vải may masks; Karleen Bửu Châu \$300; Qu. Tánh – Như Hùng \$300; Steven Lu – Phước Hỷ \$300; Thiên Nguyễn \$200; Ls. Anthony Hồng Nguyễn \$200; Ng-Anh-Tuấn – Ngọc Trâm – SD \$200; Diệu Huệ – Diệu Hiền – NY \$200; Elite Nails Lợi Trần & Thảo Nguyễn \$150; Trần Thái – Linh Na \$100; Trương Quan \$100; Diệu Trang – Diệu Hương – NY \$100; Hiền Diệu Đài – SJ \$100; Nguyễn Ngọc Loan – PHV \$100; Phổ Mãn và gia đình \$100; Hoàng Lê, Lucky Lê, Happy Lê \$100; Chơn Thọ \$100; Yên Phương \$100; Tịnh Ngộ \$100; Tịnh Hiền \$100; Kim Ngân \$100; Sc. Chân Phụng \$100; Phước Lạc \$100; Đỗ Hoàng \$50; Nga Đỗ \$50; An Nguyễn \$50; Văn \$50; Vĩ Phương Đào \$50; Diệu Kim – Minh \$40; Đình Thủy Đặng – NY \$40; Chơn Hương Đức \$30; Minh Tịnh An Nguyễn \$20; Liên Dương \$20.

CHI: - Nguyễn Kim Oanh \$1,300 (mua vải, dây thun may masks);

- Thiên Tịnh Đạo Trăng chi -\$300 (mua vải, dây thun may masks); chi -\$9,600 mua 4000 N95 masks và \$400 mua 1,000 surgical masks (đợt 1); chi thêm \$1,440 mua 600 N95 masks và \$560 mua 1,400 surgical masks (đợt 2).

Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội chân thành tri ân và tán thán công đức đóng góp của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử đã vì lòng thương, nhiệt tình hưởng ứng công tác tiếp trợ vật liệu Y tế này. Kính nguyện chư tôn đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; đồng kính chúc chư Phật tử dồi dào sức khỏe, đạo tâm kiên cố.

Tỳ kheo Thích Thông Hải

HÌNH ẢNH TIẾP TRỢ VẬT LIỆU Y TẾ CHO BÁC SĨ, Y TÁ CÁC BỆNH VIỆN CHỐNG DỊCH COVID-19

(được cung cấp bởi Đ.Đ. Thích Quảng Hiếu và Ns. Diệu Tánh)

Ngày 23.04.2020, tặng 50 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers), 3000 găng tay (gloves), 1000 khẩu trang y tế (medical masks), 500 khẩu trang vải (handmade masks), 100 đôi shoe covers cho **Huntington Valley Healthcare** 8382 Newman Ave, Huntington Beach, CA 92647. Nơi đây tính đến 22.04.2020 đã có 72



Ngày 24.04.2020, tặng 72 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers), 3000 găng tay (gloves), 1000 khẩu trang y tế (medical masks), 1000 khẩu trang vải (handmade masks) cho bệnh viện **Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center** tại 11100 Warner Ave, Fountain Valley, CA 92708.



Ngày 12.05.2020, đã gửi bưu phẩm 500 khẩu trang vải đến **Endocrine Associates of West Village** (tại 36-36 33rd St., #311, Long Island City, NY 11106).



Ngày 12.05.2020, tặng 400 face shields cho bệnh viện **Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center** tại 11100 Warner Ave, Fountain Valley, CA 92708. Fountain Valley là một trong các bệnh viện lớn tại Orange County. Nơi đây vào ngày 24.04.2020 Quý Thầy đã đến tặng nước rửa tay, găng tay, khẩu trang vải.

Ngày 01.05.2020, tặng 2000 khẩu trang vải (handmade masks) cho các bệnh viện tại miền Bắc California: **Watsonville Community Hospital, St. Louise Regional Hospital, Regional Medical Center, DePaul Urgent Care Center**; tặng 300 khẩu trang vải, 36 chai nước rửa tay 16 oz cho **Advanced Diagnostic & Surgical Center** (1668 S. Garfield Ave. #100, Alhambra, CA 91801) và **Northridge Vascular Center** (19331 Business Center Dr. #102, Northridge, CA 91324) và tặng 300 khẩu trang vải cho **College Hospital Costa Mesa** (301 Victoria St., Costa Mesa, CA 92627). Kính tri ân Phật Tử Phổ Hiệp đã phát tâm đến các bệnh viện để trao tận tay khẩu trang cho các bác sỹ, y tá... Kính niệm ân Chệ Quan Kiêu đã ủng hộ 300 khẩu trang vải.



Ngày 08 tháng 05 năm 2020, đã gửi bưu phẩm tặng 1000 khẩu trang vải và 500 khẩu trang y tế cho bệnh viện **Dickinson County Hospital** tại 1721 S. Stephenson Ave, Iron Mountain, Michigan. ↓



Ngày 11.05.2020, tặng 100 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers), 5200 găng tay (gloves), 1200 khẩu trang vải (handmade masks), 200 face shields cho **Community Care and Rehabilitation Center** (4070 Jurupa Ave, Riverside, CA 92506). Kính niệm ân Quý Phật Tử đã phát tâm may khẩu trang, kính niệm ân Chùa Thanh Tịnh ở New York đã làm giúp face shields.



(mời xem tiếp trang 72)

THAM, SÂN, SI TRONG KINH PHÁP CÚ

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

THAM

“Tham” là tham lam. Ham muốn thái quá. Đắm say, thích thú muốn có nhiều những thứ mình ưa thích như tiền tài, sắc đẹp, danh vọng v.v... Lòng ham đó chẳng hề biết chán, càng được thời càng ham. Tham cho mình, rồi tham cho cả bà con quyến thuộc, quốc gia, xã hội của mình. Cũng vì lòng tham, mà nhân loại tranh giành giết hại lẫn nhau. Kẻ tham hay ghen ghét những người thành tựu.



Nếu có tâm tham thời phải “tu tâm” ngay, phải tập tính “thiếu dục tri túc”. Thiếu dục là muốn ít, tri túc là biết đủ. Người thiếu dục, tri túc thì có một đời sống giản dị, thanh cao và an toàn vì biết đủ với những thứ mình đã có. Bỏ dần lòng tham đi để đạt tới được “vô tham”. Vô tham là không tham lam.

Ở đời, có năm món dục lạc, mà người ta thường ham muốn nhất là: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “Ngũ trần dục lạc” ấy, thật ra, vui ít mà khổ nhiều. Tham tiền thời phải đầy đọa thân sống, đôi khi còn dùng những phương tiện bất chính để chiếm đoạt và khi mất thì lại đau khổ. Đối với sắc đẹp nên quán thân là bất tịnh, tham sắc thì nhiều khi lại lao vào những mưu chước tối tệ để thỏa lòng dục vọng. Tham danh vọng, quyền tước thì phải vào lòn ra cúi, lao tâm khổ trí. Tham ăn uống cao lương mỹ vị thì bị nhiều bệnh khó trị, thần thể mệt nhọc, mạng sống không thọ. Tham ngủ nghỉ thì trí não hóa dần độn. Ngũ trần dục lạc đó chính là những nguyên nhân ràng buộc kiếp người vào vòng sinh tử, luân hồi, sa đọa.

Truyện tích kể rằng một phú gia không con,

chết đi, bỏ lại tất cả tài sản sự nghiệp lớn lao. Vua truyền lệnh cho nhập gia sản của ông vào quốc khố và đến hầu Đức Phật. Vua bạch lại tự sự với Đức Phật và ghi nhận rằng mặc dầu nhà phú gia này ở gần nơi Đức Phật ngự, không bao giờ ông để bất cúng dường Ngài. Nhân cơ hội này Đức Phật kể thêm về tiền kiếp của phú gia là đã từng làm việc thiện bằng cách cúng dường một vị Bích Chi Phật nhưng lại tiếc của đem cúng và còn phạm một tội ác là giết cháu ruột để giành gia tài của anh mình. Đức Phật nhân đó dạy rằng:

(Pháp Cú 355)

*Giàu sang, tài sản dồi dào
Chỉ làm hại được kẻ nào ngu thôi,
Để gì hại được những người
Đang cầu giác ngộ hướng nơi Niết Bàn,
Chỉ vì ham muốn giàu sang
Kẻ ngu tự hại bản thân đã đành
Hại thêm cả kẻ xung quanh.*

Đức Phật ngợi khen người không tham lam và khuyên mọi người nên cúng dường các vị đó. Nhưng khi bố thí nên suy xét kỹ càng. Làm vậy sẽ tương tự như nếu đem hạt giống mà gieo trên đất lạnh, đất màu mỡ thời hạt mới đơm hoa, kết trái sum suê. Nếu gặp người thọ thí có đức hạnh mà bố thí sẽ được phước báu nhiều. Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy tham như cỏ hoang làm hại ruộng nương, đây là làm hại “đất tâm” của người tu hành và trị tham chẳng gì hơn là việc bố thí:

(Pháp Cú 356)

*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Tham lam gây hại nhiều hơn cho người,
Tham lam ai đã lìa rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.*

Theo Kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo” người không tham muốn thì được thành tựu những điều tốt đẹp sau đây: Ba nghiệp thân, khẩu, ý được tự tại, của cải không bị mất mát, hưởng phúc đức và những sự tốt đẹp sẽ đến với mình, mặc dù mình không mong ước.

Đức Phật còn dạy là đừng để tham và sân, đừng để tội lỗi lôi mình vào cảnh khổ. Tội lỗi ở đây nghịch nghĩa với chánh hạnh, là không theo giáo pháp, trong câu sau này có nghĩa là sân

hận. Căn nguyên của điều ác là tham lam và sân hận:

(Pháp Cú 248)
*Các người nên biết rõ rằng
Để gì chế ngự việc làm ác đâu
Tham lam, tội lỗi hố sâu
Kéo ta xuống chốn khổ đau đời đời.*



SÂN

“Sân” là cơn giận, lòng giận dữ, nóng nảy, thù hận khi không vừa lòng, không được thỏa thích như ý muốn. Bất bình vì bị xúc phạm, nhân đó làm những chuyện sai trái. Sau cơn giận thời giữ lại lòng oán ghét tìm dịp mà trả thù.

Sở dĩ sân sinh khởi là do lòng yêu thích “cái ta” hay thích “cái của ta”. Nếu người ta mắng nhiếc, chê bai kẻ nào khác thời ta không thấy giận, nhưng nếu ai chửi bới hoặc khiển trách ta hay người thân của ta, hoặc làm tổn hại tài sản của ta lập tức ta cảm thấy khó chịu ngay. Khi khó chịu tăng dần thời sẽ trở thành nóng giận. Nhưng nên nhớ rằng trên đời này không ai tránh khỏi bị khiển trách, bị chê bai, khó tránh khỏi miệng thể gian như Đức Phật đã từng đưa nhận xét:

(Pháp Cú 227)
*Người con Phật hãy nghe đây
Chuyện không phải chỉ đời này mà thôi
Từ đời xưa đã nói rồi:
“Làm thịnh thời sẽ có người chê bai,
Nói nhiều cũng bị chê hoài,
Dù cho nói ít cũng người chê thôi”.
Làm người không bị chê cười
Thực là chuyện khó ở nơi cõi trần.*

Trong quá khứ, trong tương lai và trong hiện tại chưa hề có người nào bị tất cả mọi người chê bai hay được tất cả mọi người khen ngợi, đúng như lời Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 228)
*Ở đời toàn bị chê bai
Hay toàn nghe tiếng người ngoài khen ta
Từ xưa chẳng thấy xảy ra,
Tìm trong hiện tại thật là khó sao,
Tương lai cũng chẳng có nào.*

Nhưng vì bị chê bai mà nổi sân thời tai hại vô cùng vì lúc nóng giận thì con người không còn đủ bình tĩnh để tự kiểm soát hành vi và

ngôn ngữ của mình. Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Một niệm lòng sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra.” Và: “Một đốm lửa sân, có thể đốt hết muôn mầu rừng công đức.” Đức Phật khuyên: “Hãy từ bỏ nóng giận thì phiền não sẽ không đến với các người.”

Phải tu tâm để đạt tới “vô sân”. Vô sân là không nóng nảy, hết giận hờn. Chúng sinh bị qua nhiều kiếp sinh tử luân hồi chính vì không thẳng nỗi lòng sân. Chư Phật được tự tại, giải thoát, là do dứt trừ được lòng sân tận gốc. Điều khó nhất là diệt trừ phần nộ ngay từ trong tâm. Khi tâm chúng ta không còn nghĩ đến giận hờn thì tự nhiên cơn phần nộ sẽ không bộc phát. Trong khi đồn cây để cất tịnh thất cho mình, thầy Tỳ kheo nọ vô tình làm tổn hại đến cái chồi non của một vị thần cây. Vị này nổi giận, muốn giết thầy nhưng kịp nghĩ suy nên kiềm chế được cơn sân hận của mình đang phát sinh. Đức Phật tán dương vị thần và dạy:

(Pháp Cú 222)
*Khi cơn giận dữ bùng ra
Ai mà ngăn được mới là người hay
Giỏi như hãm lại được ngay
Chiếc xe đang chạy chở đầy, phóng nhanh,
Nếu không thì bản thân mình
Cầm cương hờ hững tài tình gì đâu.*

Đại đức Mục Kiền Liên hỏi thăm nhiều vị Trời nhờ công đức gì mà được tái sinh vào cảnh trời. Các vị này kể ra những hành động xem ra có vẻ không quan trọng lắm như chân thật, nhẫn nại và bố thí v.v... Khi ngài Mục Kiền Liên bạch hỏi Đức Phật vậy những hành động tuy nhỏ nhưng tốt lành có thể nào dẫn đến các cõi trời không, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 224)
*Nói lời chân thật luôn luôn,
Dẹp cơn nóng giận dỗi hờn khó coi,
Dù ta có ít của thôi
Cũng chia bố thí cho người đến xin,
Nhờ ba việc tốt lành trên
Đưa ta đến cõi chư thiên, cõi trời.*

Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy rằng cỏ dại làm hại ruộng vườn thời lòng sân hận cũng làm hại loài người. Vì vậy người nào diệt hết lòng sân hận thì người đó đáng được ngưỡng vọng và khâm phục:

(Pháp Cú 357)
*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Lòng sân gây hại nhiều hơn cho người,
Ai là sân hận được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.*

Voi là một con vật quan trọng hàng đầu trong số những thú vật được con người huấn luyện để sử dụng. Giống như voi với sức mạnh có thể bứng gốc một thân cây, quấn vò quanh thân cây ấy để mang đi dễ dàng, Đức Phật dạy rằng con người cũng có thể tạo cho mình tiềm lực vật chất, nghị lực tinh thần, lòng kiên nhẫn và sức mạnh, chẳng khác một con voi thuần

thực. Luyện được lòng nhẫn nhục mới là khó:

(Pháp Cú 321)

*Luyện voi dự hội, tài thay
Luyện voi vua cưỡi cũng hay vô cùng,
Nhưng mà nếu luyện được lòng
Luôn luôn nhẫn nhục, chẳng còn nổi sân
Khi nghe phỉ báng bản thân
Mới là điều luyện, muốn phần tài hơn.*

Đức Phật dạy rằng tự chế ngự được mình mới là điều rất quý và người chịu cố gắng, dù nhẫn nại để tự huấn luyện mình thời cũng sẽ được hưởng kết quả tốt lành như người đã khéo huấn luyện các con thú vật như la, ngựa và voi. Con người thuần thực, giới đức trang nghiêm là hơn tất cả:

(Pháp Cú 322)

*Con la được huấn luyện qua
Trở nên thuần tánh, tỏ ra tốt lành,
Ngựa nổi sinh chốn sông xanh
Sau khi huấn luyện, trở thành ngựa hay,
Voi ngà to lớn quý thay
Sau khi huấn luyện voi này tuyệt luân,
Con người nếu chính bản thân
Tự mình thuần hóa được luôn chính mình
Mới là người thật tài tình!*

Đức Phật khuyên chúng sinh hãy từ bỏ cả tham lẫn sân. Ngài ví một chiếc thuyền như thể xác, như tấm thân con người do năm uẩn tạm hợp. Thân này sẽ tan rã vì vô thường, nên xét kỹ thời thấy nó quả thật trống không. Nước trong thuyền là những tư tưởng xấu cần diệt trừ. Tắt cho khô nước tức là dập tắt ngay lửa tham sân. Khi thuyền khô cạn nước thời thuyền trở nên nhẹ nhàng để mau chóng qua bờ. Thân tâm dẹp sạch tham dục và sân hận thời trở nên thanh tịnh, đó là điều kiện tốt để sớm chứng được cảnh Niết Bàn:

(Pháp Cú 369)

*Tỳ Kheo tát nước thuyền này
Thuyền không nhẹ nhõm xuôi ngay theo dòng,
Tham và sân trừ diệt xong
Thân này cũng nhẹ thoát vòng nhiễm ô
Niết Bàn mau chóng qua bờ.*

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người nào không nổi sân, thì tâm không khổ não, tâm không tranh giành, tâm nhu hòa ngay thẳng, tâm từ bi như Phật, thường làm lợi ích yên ổn cho các chúng sinh, thân tướng trang nghiêm được chúng sinh tôn kính và vì có đức nhẫn nhục nên sẽ được mau sinh lên cõi Phạm Thiên.

SI

"Si" là si mê, vô minh, ngu tối. Người vô minh không sáng suốt, không suy xét hiểu biết đúng lẽ phải, đúng sự thật để phán đoán việc hay dở, tốt xấu, lợi hại v.v... nên mới làm những điều nhiễm ô tội lỗi, có hại cho mình và người. Si, vô minh theo thể tục gọi là "dại" hay "ngu". Vô minh che lấp tâm trí, làm cho con người không còn nhìn thấy được những chất bợn nhơ đang gặm nhấm từ bên trong con người khiến

các thói hư tật xấu ấy sẽ tăng dần và cuối cùng đưa con người vào con đường tội lỗi triền miên. Đức Phật dạy rằng vô minh là điều ô trược tệ hại nhất. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch.

Hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên bạch với Đức Phật rằng họ không thể thuyết phục được ông thầy của họ trước kia đến gặp Đức Phật và nghe giáo pháp vì vị này còn quá luyện ái tín đồ riêng. Nhân dịp này Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người suy luận chân chính với người suy luận sai lầm và hậu quả dĩ nhiên của mỗi lối suy luận:

(Pháp Cú 11)

*Những gì không thật, hão huyền
Lại cho là thật và tin vô bờ,
Những gì chân thật lại ngỡ
Lại cho không thật, chỉ là giả thôi,
Nghĩ suy lầm lạc mất rồi
Thấy sao chân thật rạng nơi pháp mầu.*

(Pháp Cú 12)

*Biết đây là thật để tin
Biết kia không thật, hão huyền mà thôi
Nghĩ suy theo đúng đường rồi
Thấy ngay chân thật rạng nơi pháp mầu.*

Với hai câu Pháp Cú kể trên, chúng ta đã thấy vai trò chủ yếu của vô minh và tà kiến trong các nguồn gốc phát sinh các hành vi bất thiện. Như vậy chúng ta cũng không lạ gì khi Đức Phật khuyên chúng ta không nên tu theo lối khổ hạnh khắc khe, ép xác, chỉ nhằm vào bề ngoài và không nên chuyên lo tế tự, vì những hành động này không dẫn chúng ta đến giác ngộ giải thoát, không giúp chúng ta trở nên trong sạch. Thấy một vị Tỳ kheo có nhiều đồ đạc, của cải riêng tư, lại thêm có nhiều y, Đức Phật quở rầy. Thầy giận, cởi bỏ hết áo cà sa mặc bên ngoài quẳng đi, chỉ mặc chiếc áo cánh ở trong thôi. Đức Phật thuật lại câu chuyện tương tự đã xảy ra trong tiền kiếp của thầy. Ngài khuyên đi tu phải sống đạm bạc, trong tâm phải biết hổ thẹn khi làm điều quấy và biết lo sợ khi phạm tội lỗi. Muốn thanh lọc thân tâm thì cần dứt bỏ lòng hoài nghi:

(Pháp Cú 141)

*Dù tu khổ hạnh triền miên
Trần truồng, bện tóc, tro đen xoa mình
Nhịn ăn, nằm đất, lăn sình
Sống dơ, ngồi xổm để hành xác thân
Nào đâu thanh tịnh được tâm
Nếu không trừ dứt đi phần hoài nghi.*

Một thời ở Ấn Độ vẫn còn tồn tại nhiều hình thức khổ hạnh. Lớp dơ dáy bên ngoài được vài người xem là dấu hiệu của bậc thánh nhân. Đức Phật không chấp nhận hình thức khổ hạnh khắc khe chỉ nhằm vào bề ngoài như thế. Các tu sĩ theo con đường tu hành của Ngài phải đi theo một con đường ở khoảng giữa, đó là "trung đạo". Phải tránh hai cực đoan, một là khổ hạnh và đường khác là lợi dưỡng. Giản dị, khiêm tốn, thanh đạm cùng với lối sống sạch sẽ là những đặc tính chính yếu của chư vị Tỳ kheo. Hơn nữa

muốn cho tâm ta được thanh tịnh thời cần dứt bỏ đi phần hoài nghi vì nếu chưa nhiếp phục được hoài nghi tức là không có niềm tin nơi Phật, Pháp và Tăng.

Đức Phật dạy rằng dù cho có tế thần lửa trong một thế kỷ không bằng trong giây lát tôn kính bậc chân tu hoàn toàn trong sạch, có đạo hạnh. Cháu của ngài Xá Lợi Phất, theo lời thầy của anh ta truyền dạy nên anh có thói quen mỗi tháng giết thú vật và đốt lửa rừng tế thần để cầu mong được tái sinh vào cảnh trời. Ngài Xá Lợi Phất đem cháu đến hầu Phật và Đức Phật chỉ dạy, hướng dẫn người cháu về con đường chân chính nên theo:

(Pháp Cú 107)

*Trăm năm ở tại rừng sâu
Đốc lòng thờ lửa cũng đâu sánh bằng
Chỉ trong giây lát cúng dường
Những người đạo hạnh một đường chân tu
Thật là công đức vô bờ
Hơn là thờ lửa mê mờ trăm năm.*

Đức Phật cũng dạy rằng kính lễ một vị đắc quả thánh, một bậc chánh hạnh, dù chỉ là trong giây lát cũng đem lại công đức và thập phần quý hơn là cúng dường lễ vật hoặc vật thực đến người phàm tục. Một người bạn của ngài Xá Lợi Phất hằng năm tiêu phí rất nhiều tiền để giết thú tế thần và mở hội bố thí rộng rãi. Đức Phật thuyết phục ông ta trở về lối cúng dường chân chính:

(Pháp Cú 108)

*Suốt năm bố thí, cúng dường
Để cầu phước báu chẳng bằng so ra
Phần tư công đức của ta
Khi ta kính lễ những nhà chân tu
Thanh cao, chính trực vô bờ.*

Thường thời không sợ "tham" và "sân" nổi lên, mà chỉ sợ mình tự giác ngộ chậm, chỉ sợ mình si mê, vô minh mà thôi. Nếu "tham" và "sân" nổi lên, mà ta sáng suốt phán đoán kịp thời, không có si mê, thì tham sân kia cũng chẳng làm gì được. Người học Phật phải dẹp trừ lòng si mê của mình, lúc nào cũng phải sáng suốt đối với tất cả mọi việc, phải tu tâm để đạt được "vô si". Vô si là không mờ ám, không si mê. Đối với tất cả mọi việc, lúc nào cũng có trí tuệ sáng suốt, suy xét, phán đoán việc tà chính, hay dở, phải trái v.v... Do đó, việc làm mới chính đáng, tránh khỏi những điều tai hại, vừa lợi ích cho mình và vừa lợi ích cho người, ở hiện tại cũng như ở tương lai. Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 358)

*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Si mê gây hại nhiều hơn cho người,
Si mê ai đã lìa rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.*

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không si mê, thì thành tựu được các pháp công đức sau đây: được ý vui chân thiện và bạn chân

thiện; tin nhân quả, thà bỏ thân mạng chứ không làm ác; chỉ quy y Phật; tâm ngay thẳng, có chính kiến; sinh lên cõi trời, khỏi bị đọa vào ba đường ác; hưởng phúc huệ; không lòng chấp ngã, bỏ hết ác nghiệp và khỏi bị nạn dữ v.v...



TAM ĐỘC

Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật dạy rằng tam độc "tham, sân, si" là những nguyên nhân gây ra bất hạnh và phiền não, ưu tư cho con người. Tham, sân, si có thể được tìm thấy một cách dễ dàng nơi hành động, ngôn ngữ, và ý nghĩ của chính mình cũng như của kẻ khác. Kinh nghiệm cho ta biết bất cứ ở đâu hay lúc nào, nếu tham sân si có mặt và ngự trị thì cuộc sống riêng hay chung đều trở nên xấu xa đau khổ. Tham sân si là sản phẩm của con người và xã hội và chính chúng là nguyên nhân làm hư hại cuộc sống an lành của loài người giống như bông tre nở từ cây tre và là biểu tượng suy tàn của cây tre, nghĩa là khi tre trở bông là lúc tre tàn lụi.

Một số đại phú gia đã lớn tuổi rồi mới đi tu. Một bà vợ của một người trong nhóm đó nấu nướng rất khéo léo nên hằng ngày họ thường mang bình bát trở lại đây để khất thực. Bà thí chủ cúng dường thức ăn đồ uống rất ngon lành. Khi bà này chết họ thương nhớ, than khóc, kể lể. Đức Phật khuyên các thầy "Thực hành tâm không luyến ái vì khi nào còn rừng rậm tham, sân, si thời các thầy còn chịu đau khổ. Hãy đồn ngã rừng cây ấy các thầy mới được giải thoát":

(Pháp Cú 283)

*Đốn rừng nhưng chỗ chặt cây,
Đốn rừng tham ái với đây sân si
Chính do rừng dục vọng kia
Mà bao sợ hãi để bề sinh ra
Rừng to, rừng nhỏ quanh ta
Cả hai rừng đổ mau mà đốn đi,
Các Tỳ Kheo hãy thoát ly*

Thoát rừng dục vọng muôn bề tội tằm.

Hãy đốn rừng, nhưng không chặt cây thật. Khi Đức Phật vừa nói "hãy đốn rừng", có vài vị



Tỳ kheo hiểu sai, theo nghĩa trắng. Đọc ngay được tư tưởng sai lầm ấy Đức Phật nhấn mạnh thêm, dạy rõ rằng rừng đây không phải là cây thật sự mà chỉ là đám rừng của những dục vọng như tham ái, sân hận và si mê. Do rừng dục vọng mà phát sinh sợ sệt. Hãy đốn ngã cả hai thứ rừng, rừng cây to và rừng cây nhỏ của dục vọng. Ở đây, cây to là những dục vọng lớn, có nhiều mặt năng lực và cây nhỏ là những dục vọng nhỏ, ít năng lực hơn.

Trong khi dạy cho con người biết “Tham, Sân, Si” là nguyên nhân của cuộc sống đau khổ, cần phải tiêu diệt, Đức Phật cũng nói cho chúng ta biết còn có ba pháp nữa là “Vô tham, Vô sân, Vô si” là những yếu tố tâm lý cần nên phát triển để xây dựng cuộc sống an lành. Muốn phát triển ba pháp thiện này chúng ta phải tu dưỡng theo chánh đạo gồm “Giới, Định và Tuệ”.

Lời khuyên thời thật dễ dàng, nhưng loài người đầu có dễ dàng thực thiện. Vì con người, đã lâu đời lâu kiếp bị những phiền não căn bản nhiếp phục chi phối. Một lần nọ Đức Phật thuyết Pháp cho năm người nghe, chỉ có một người chăm chú nghe, còn những người kia thì lơ đãng, không để ý đến lời khuyên dạy của Ngài. Một người ngủ gục, một người lấy ngón tay vể xuống đất, một người ngồi gần gốc cây lắc nhẹ cành lá, một người ngẩng nhìn trời xanh. Đức Phật giảng rằng sở dĩ như vậy là do những khuynh hướng, các thói quen của họ đã có từ nhiều kiếp trong quá khứ. Khi Đại đức A Nan bạch hỏi rõ lý do, Đức Phật giải thích thêm rằng đó là do bốn nguồn cội “tham, sân, si, và ái dục”:

(Pháp Cú 251)

*Lửa nào có thể sánh ngang
Lửa tham dục nọ dữ dẫn vô biên,
Không còn cổ chấp nào bền
Bằng tâm sân hận nổi lên cấp kỳ,
Lưới nào trói buộc dẫm dể
So ra với lưới ngu si buộc ràng,
Sông nào chìm đắm cho bằng
Dòng sông ái dục cuốn phăng bao người.*

Có hai vị Tỳ kheo. Một, thông suốt giáo pháp nhưng còn là phàm tăng, không thực hành những điều đã học. Vị kia, tuy không học nhiều nhưng thực hành trọn vẹn giáo pháp, từ bỏ tham, sân, si, nên đã đắc quả A La Hán, chứng ngộ Niết Bàn, thọ hưởng quả vị của đời sống

thiêng liêng đạo hạnh. Một hôm vị phàm tăng muốn gây rối cho vị thánh tăng trước mặt Đức Phật nên đặt ra nhiều câu hỏi gút mắc. Biết rõ ý định thấp hèn ấy, Đức Phật nêu ra vài câu hỏi có liên quan đến sự chứng ngộ giáo pháp. Theo kinh nghiệm bản thân, vị A La Hán trả lời được tất cả nhưng vị phàm tăng thì không, vì không thành tựu được thánh đạo nào. Nhân dịp này, Đức Phật ca ngợi vị A La Hán đã thực hành giáo huấn của Ngài, mặc dầu không thông suốt giáo pháp bằng vị phàm tăng:

(Pháp Cú 20)

*Dù cho chỉ tụng ít kinh
Nhưng theo giáo pháp thực hành sớm khuya
Hết tham, hết cả sân, si
Lòng luôn tỉnh giác, tâm thì hiền lương
Trước sau giải thoát mọi đường
Tu hành lợi ích ngát hương muôn đời.*

Theo Phật Giáo, pháp học sẽ không bổ ích nếu không thật sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật Giáo không phải là một triết học suông mà là con đường giác ngộ duy nhất.

Một thiếu phụ trẻ đẹp được người cha dẫn đến giới thiệu để làm vợ Đức Phật vì người cha trông thấy tướng mạo trang nghiêm của Ngài. Nhưng Đức Phật từ chối. Ngài cho biết trước đây khi Ngài sắp thành Đạo dưới cội bồ đề Ma Vương từng cho ba người con gái tuyệt đẹp cố gắng lấy nhan sắc đến nơi để quyến rũ Ngài, nhưng tất cả đều thất bại. Ba người con gái đó là các nàng Tham ái, Ác cảm và Dục vọng. Giờ đây không ai có thể dùng bất cứ hình thức nào để dụ dỗ Ngài sa đọa được. Vì Ngài đã tận diệt mọi dục vọng, không còn dấu vết gì của tham, sân, si nữa. Cuộc chiến thắng tinh thần của Ngài không thể bị lay chuyển:

(Pháp Cú 179)

*Chẳng ai hơn nổi con người
Đã từng thắng phục được nơi dục tình
Người như vậy chính thân mình
Ở đời không sợ dục tình đổi theo
Mệnh môn Phật giới cao siêu
Tham, sân, si dấu tích đều còn đâu
Các người cảm dỗ dể nào.*

(Pháp Cú 180)

*Lưới mê được giải tỏa rồi
Dục tình kia khó tìm người đổi theo
Mệnh môn Phật giới cao siêu
Tham, sân, si dấu tích đều còn đâu
Các người cảm dỗ dể nào!*

Việc thực hiện con đường đi ra khỏi “tham, sân, si” luôn luôn được Đức Phật quan tâm và khuyến khích các đệ tử của Ngài hành trì để từ đó các pháp an lạc được tăng trưởng và các pháp khổ đau được diệt trừ. Nếu không khéo hành trì thì không những các khổ đau tăng trưởng mà các thiện pháp cũng bị tiêu trừ. Nếu ai ráng tu tập và trau dồi tâm trí để thoát khỏi vòng phiền não “tham, sân, si” tất nhiên người ấy sẽ được hoàn toàn giải thoát.

HÌNH ẢNH TIẾP TRỢ VẬT LIỆU Y TẾ CHO BÁC SĨ, Y TÁ CÁC BỆNH VIỆN CHỐNG DỊCH COVID-19

(được cung cấp bởi Đ.Đ. Thích Quảng Hiếu và Ns. Thích Diệu Tánh) tiếp theo trang 65



Cư sĩ Đình Trần Tuấn với Bác sĩ Gerry Gacioc tại Bệnh viện đa khoa Rochester, New York

Quý Phật Tử Chùa Thanh Tịnh ở New York đã làm giúp khiên che mặt (**face shields**), gửi ủng hộ chương trình tiếp trợ vật liệu Y tế cho bác sĩ và y tá các bệnh viện.

Ngày 14.05.2020, Ni sư Diệu Tánh và đạo hữu Nguyễn Kim Oanh đã thay mặt chư Tăng Ni và Phật tử trao tặng 1,000 N95 masks và 100 surgical masks cho phòng cấp cứu (ICU) của **Los Angeles County + USC Medical Center** (LAC + USC—tại 2051 Marengo St., Los Angeles, CA 90033). Riêng đạo hữu Nguyễn Kim Oanh có tặng thêm 250 cotton masks. Bệnh viện rất cảm kích về sự hào phóng và tình yêu thương mà cộng đồng Phật giáo VN tại Hoa Kỳ chia sẻ với những người ở tuyến đầu chống dịch. Nhân viên Y tế cũng ngạc nhiên là quý Tăng Ni và Phật tử đã tìm mua được N95 masks rất khan hiếm trên thị trường để tặng cho các bệnh viện.



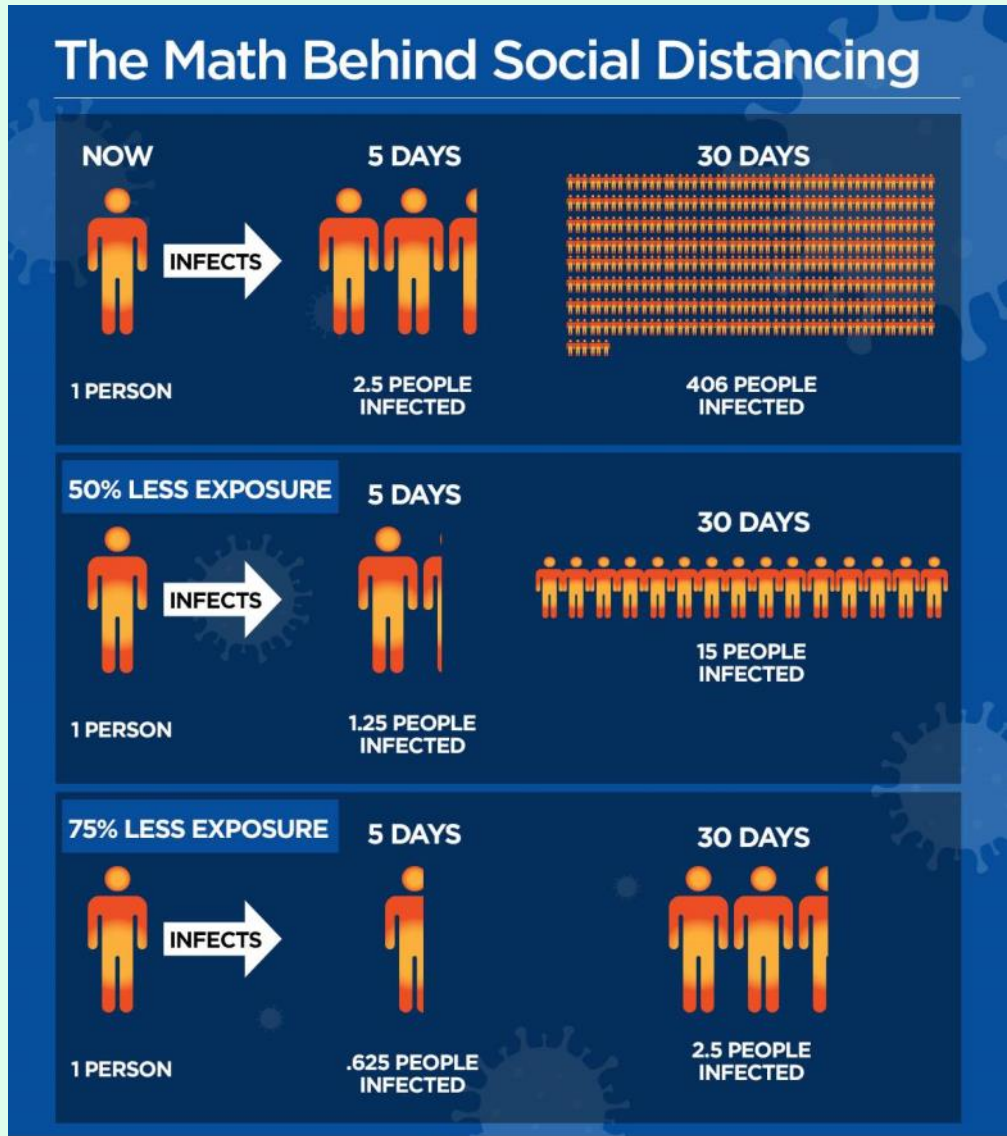
Cùng ngày 14.05.2020, Ni sư Diệu Tánh và đạo hữu Nguyễn Kim Oanh cũng đến tặng 1,100 N95 masks và 100 surgical masks cho **California Hospital Medical Center** (Dignity Health Member) tại 1401 S. Grand Ave., Leavey Hall, Los Angeles, CA 90015.



Ngày 21.05.2020, Ni sư Diệu Tánh và đạo hữu Nguyễn Kim Oanh đã thay mặt chư Tăng Ni và Phật tử tặng 1,200 N95 masks, 250 surgical masks và 1,200 cotton masks (của đạo hữu Nguyễn Kim Oanh) cho 3 bệnh viện thuộc **Emanate Health: Queen of the Valley** (ở West Covina), **Inter-Community** (ở Covina) và **Foothill Presbyterian** (ở Glendora).



Surgical masks và N95 masks mua và tặng các bệnh viện.



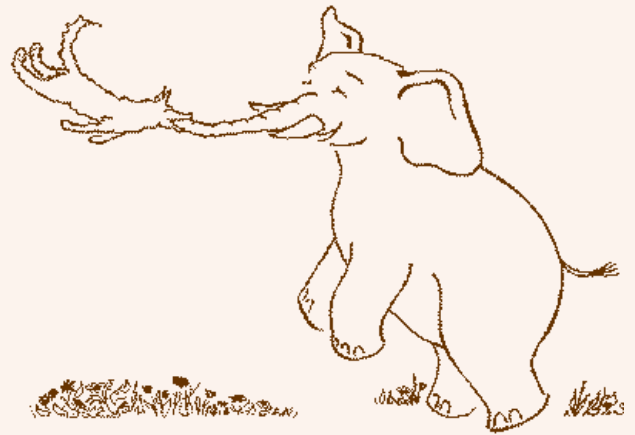
Credit:
 Robert A.J. Signer Ph.D.,
 Assistant professor of Medicine at the University of California, San Diego
 Gary Warshaw, Art Director

BẠN RẤT THÂN

Trước khi câu chuyện xảy ra
Ở bên châu Á người ta nói rằng
Voi và chó chẳng kết thân
Chẳng bao giờ có thể gần gũi nhau,
Voi không ưa chó từ lâu
Chó thời hãi sợ voi, đâu muốn gần
Voi to xác, voi lớn thân
Chó thường hoảng hốt sủa âm ỉ lên
Mỗi khi voi đến kề bên
Khiến voi bực bội nổi điên nổi khùng
Voi liền rượt chó tung bừa
Không còn kiên nhẫn mà dừng bước chân.
Chó nằm yên, chó lặng thầm
Thời voi kia vẫn nổi sân như thường
Tán công chó chẳng chịu nhường
Cả hai do đó mãi vương hận thù.

*

Bây giờ kể chuyện cung vua
Có chàng voi quý đã từ lâu nay
Được nuôi ăn đầy đủ thay
Được người kỹ lưỡng hàng ngày chăm nom.
Chó hoang kia lại gây còm
Trơ xương, ốm đói, héo hon thân người
Quần quanh ở cạnh chuồng voi
Lang thang kiếp sống, nổi trôi cuộc đời
Một ngày chó chợt đánh hơi
Thấy mùi thực phẩm tuyệt vời thoảng ra
Lần theo chó thấy voi ta
Trong chuồng ăn uống thật là ngon sao
Chó bèn lén lút lén vào
Ăn đồ rơi vãi. Voi nào có hay
Miệng voi ăn rớt quanh đây
Chó theo đuôi hưởng hàng ngày no nê
Ở lì luôn chẳng muốn đi
Chuồng voi quanh quần còn gì sướng hơn.
Chủ voi mạnh mẽ, to con
Bữa ăn thưởng thức thơm ngon thoả tình
Đâu thèm để mắt cạnh mình
Chó hoang loắt choắt chạy quanh kiếm mồi.
Ăn thừa như thế mãi rồi



Chó hoang đói khát một thời trơ xương
Giờ đây mập mạp dễ thương
Tắm thân mạnh mẽ, bộ lông mượt mà
Chàng voi tốt tính nhà ta
Bắt đầu để mắt nhìn qua chó rồi.

*

Kiểm ăn luẩn quẩn bên voi
Lâu ngày quen thuộc chó thời dạn ra
Chạy quanh voi, chẳng lánh xa
Và không còn sủa như là thói quen.
Thấy rằng chó chẳng làm phiền
Lại luôn thân thiện kề bên hàng ngày
Dần dần voi cũng đổi thay
Kết thân với chó từ nay thắm tình
Khi ăn đâu chịu một mình
Nếu không có bạn ở quanh vui đùa.
Khi nô rồn chó rất ưa
Năm vôi voi nặng đong đưa mọi chiều
Quay tròn, uốn éo đủ điều
Dần dần từ đó thương yêu ngập tràn
Thành bạn quý, thành bạn vàng
Nào đâu còn muốn đôi đường cách chia.

*

Một hôm có khách vùng kia
Từ phương xa bỗng ghé về đây chơi
Nghe đồn voi quý, tới coi
Thấy con chó lạ trong nơi chuồng này
Chó giờ tốt mã, đẹp thay

Lãng xãng chạy nháy, loay hoay nghịch đùa
 Khách nhìn thấy, khách thích ưa
 Biểu tiền lính gác rồi đưa chó về
 Một làng xa lắc vùng quê
 Không còn ai biết mà đi kiếm tìm.
 Voi từ ngày đó muộn phiền
 Bởi vì vắng bạn thân bên cạnh mình
 Không ăn uống, cứ lặng thinh
 Chẳng buồn tắm táp, thân hình héo hon
 Thế là lính gác báo luôn
 Trình vua được rõ đâu còn chờ chi,
 Phần liên quan đến chó kia
 Lính không trình báo chút gì cùng vua.
 Vua lo lắng, vua u ru tư
 Mời quan thân cận từ xưa lắm tài
 Giỏi về súc vật lâu đời
 Sai quan tìm hiểu tận nơi tổ tường.
 Quan tuân lệnh đi đến chuồng
 Thấy voi đờ đẫn u buồn nằm đây
 Quan suy ra: “Chú voi này
 Đã từng hoạt động, lại hay vui đùa
 Giờ sao sầu muộn lừ đừ,
 Voi thời tâm tính gần như giống người
 Chắc là mất bạn thân thôi!”
 Quan bèn quay hỏi những người lính canh
 Họ bèn khai rõ ngọn ngành:
 “Thưa voi và chó có tình tương thân
 Giờ đây đáng tiếc vô ngần
 Chó kia đi mất chẳng gầy gù voi
 Người ta mang chó đi rồi
 Nào đâu có biết tìm hơi mà tìm!”
 Lắng nghe, suy nghĩ, lặng im
 Quan về trình lại vua hiên đầu đuôi
 Thêm rằng: “Giữa chó và voi
 Tình thân quyến luyến khác đời lâu nay
 Nên khi chó chẳng còn đây
 Voi thời buồn bã hao gầy khôn nguôi!”
 Vua lên tiếng: “Ồ trên đời
 Tình thân bạn hữu tuyệt vời quý sao,
 Làm voi vui, liệu cách nào
 Ta tìm chú chó kia mau mang về!”
 Quan thưa rằng chẳng khó chi
 Xin ra thông báo gửi đi khắp vùng
 Rằng chuồng voi của hoàng cung
 Trước đây có chó ở cùng bên voi

Giờ đây chó đó mất rồi
 Ai nuôi chó phải tức thời thả ra
 Nếu không phạt nặng chẳng tha
 Lệnh vua ban bố, mọi nhà phải theo.

*

Quả nhiên một sớm một chiều
 Chó kia được thả! Đứng điều chờ mong!
 Chó ta hoan hỉ vô cùng
 Phóng về tìm bạn nơi chuồng voi xưa
 Có voi quý của nhà vua.
 Phần voi cũng vậy, rất u vui mừng
 Đón chào bạn chó tung bưng
 Dùng vòi đưa bạn lên lưng, lên đầu
 Chó ngồi đây rờn hồi lâu
 Vẫy đuôi biểu lộ biết bao hài lòng.
 Cả hai chung sống thong dong
 Thật là sung sướng mãi không xa lìa.
 Vua khen ngợi vị quan kia:
 “Hình như đọc được nghĩ suy muôn loài
 Hiểu voi thời quả thật tài!”
 Vua liền ban thưởng cho người có công.

*

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN

Ông quan giỏi về súc vật là tiền thân Đức Phật.

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi
 BEST FRIENDS

của Ven. Kurunegoda Piyatissa & Tod Anderson)



Trộm hương

TIÊU LỤC THẦN PHONG



ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Ánh trăng bàng bạc nhuộm cả không gian này, xuyên qua những tán lá tàng cây. Ánh trăng rơi xuống khu vườn tạo nên những hình thù kỳ lạ cứ lấp loáng, mỗi khi có cơn gió thổi qua thì biến thành muôn hình vạn trạng sinh động lạ lùng. Dưới ánh vàng ngà ngà, khu vườn trở nên đẹp một cách huyền hoặc nhưng thanh bình đến vô cùng. Hoa trong vườn lặng lẽ tỏa hương, những đoá hồng kiêu sa thì đã ngậm vành, hàng ngàn nụ lài thanh khiết hương bay ngan ngát, đám dã yên, hoa bướm... thì rực rỡ sắc màu, góc vườn hoa xoan thơm bất ngát. Riêng những đoá quỳnh thì lặng lẽ như muôn đời nay, từng lớp cánh mỏng xếp lớp như những lần lụa là xiêm y. Hoa quỳnh là những lớp xiêm y hay xiêm y xếp lại tạo thành thì cũng chẳng ai dám đoán chắc cả! Mùi hương cũng thanh tao, thoát tục lắm.

Khu vườn đang tịch mịch bỗng nhiên có tiếng nói, tiếng cười vắng vắng:

- Ô, các bạn xem kia! những đoá quỳnh đang nở dưới trăng, nõn nà trinh bạch và thơm quá.

Một bọn nữ liêu trai từ đâu kéo đến khu vườn, đứa thì nâng niu hoa hồng, đứa thì vờn quanh hoa bướm... Một lát thì cả bọn cùng xúm quanh mấy chậu quỳnh, ngắm nghía say sưa rồi bắt đầu múa hát véo von. Khu vườn dường như sáng lấp lánh dưới trăng, xiêm y của các nữ liêu trai rập rờn như

những làn sóng quanh những đoá quỳnh... Người chị cả bảo:

- Nay các em, đêm nay trăng đẹp và hoa quỳnh nở, đây là giây phút tuyệt nhất của bọn chúng mình. Vậy ai sẽ sáng tác và ngâm một đoàn khúc mừng hoa đây?

Cả bọn nhao nhao:

- Chỉ có Thanh Nguyệt Hoàng là thích hợp nhất, cô ấy thi tứ phong phú lại có giọng ca trong trẻo như pha lê.

Thanh Nguyệt Hoàng bẽn lẽn cười nhưng cũng bước ra và bắt đầu ngâm:

Xiêm y vũ khúc nghệ thường

Tháng ngày chịu nổi gió sương mà thành

*Đêm nay trời đất an lành
Bốn phương hội tụ một
cành thiên hương*

Tiếng hoan hô, tiếng vỗ tay rộn vang cả khu vườn! Bất chợt có tiếng hét:

- Bọn nữ liêu trai to gan, dám vào vườn trộm hương!

Cả bọn giật mình kinh sợ, lấm lét nhìn quanh thì thấy một người cao to, ăn vận như võ quan. Cả bọn định thần lại thì ra là thần giữ vườn. Người chị cả lấy can đảm bước ra:

- Thưa ngài, chúng em thấy vườn đẹp dưới trăng nên tụ lại hát ca mừng hoa nở chứ nào có ý trộm hương!

Thần giữ vườn vẫn thị uy:

- Hoa nở hương tỏa là để cúng dường Thế Tôn, nào phải để cho các cô thưởng thức!

- Dạ, chúng em cũng biết vậy nhưng chúng em chỉ múa ca, ngâm vịnh nào có ảnh

hưởng gì đến hương. Cô chị nhỏ nhẹ thưa.

Y vẫn hồ đồ đe nẹt:

- Không cãi lời thôi, các cô phải bị trừng phạt!

Lúc ấy có một người từ sau những lùm cây bước ra, trông có vẻ nho nhã nhưng phục sức thì giống tăng nhân, tướng người thanh cao và tiêu sái lắm. Người ấy có giọng nói khá thanh nhưng tiềm tàng nội lực rất thâm hậu:

- Thưa ngài, các cô ấy nào có ý trộm hương, xin đừng làm khó bọn họ.

Thần giữ vườn vẫn khăng khăng:

- Các cô ấy phải bị trừng phạt, tôi chỉ làm trách nhiệm của tôi.

Người kia bèn bảo:

- Các cô ấy múa hát làm cho khu vườn thêm đẹp. Hoa quỳnh có thêm các tỷ muội, xiêm y trên cành và xiêm y của các cô ấy cũng hoà vũ khúc dưới trăng... Một cảnh tượng như bỗng lai tiên cảnh, lẽ nào ngài không thấy? Tôi có vật này xin bảo lãnh cho bọn họ.

Nói xong, người ấy giơ cao một vật gì đó có vẻ như là thẻ bài ngà hay là cái pháp phái mà các vị trưởng lão thường đeo để hộ thân. Thần giữ vườn có vẻ xiù hẳn:

- Nể lòng ngài tôi không bắt tội các cô ấy nhưng mỗi người phải để lại một giải lụa trên cành hoa quỳnh.

Các nữ liêu trai mừng rỡ cười và cảm ơn vị khách lạ kia:

- Xin cảm ơn ngài đã nói giúp cho, xin cho bọn em được

biết quý danh.

Người khách lạ bảo:

- Ta vốn là du sĩ Thanh Hoàng Tú, trước kia từng thọ giới với hoà thượng Thanh Đồng Nguyên trong hai mươi năm, công phu cũng khá, kiến văn cũng đủ nhưng vì bản tánh trắng hoa không buông đặng nên phút cuối lúc lâm chung đọa, may nhờ dư phước nên làm khách sĩ ở Phù Dung trấn này, vậy còn các cô thì sao?

Người chị cả thưa:

- Bọn em vốn là ca nữ của thành Hạc Hoa, lúc sống lấy đêm làm ngày, dâng tiếng ca cho người mua vui, những trận cười thâu đêm, cuộc vui đầy tháng nơi ca lâu, trà đình, tửu điểm... Khi còn thanh sắc thì bọn công tử, đại gia đua nhau đưa đón, khi tàn thì họ vứt như chiếc dép rách. Sau khi chết vẫn còn chút phước nên được ngụ ở đây, thức ăn dồi dào, áo quần không thiếu... Mỗi mùa trăng đều đến đây thưởng hoa, không hiểu sao đêm nay lại bị thần giữ vườn làm khó?

Vị khách sĩ nói:

- Các cô không biết đó thôi, ông ấy vốn là quan đốc trấn Phù Dung trong ba mươi năm, tuy thanh liêm nhưng vì quá yêu trấn này nên khi chết thần thức không chịu đi vẫn ở lại đây. Giờ ông ấy là thần giữ vườn vậy!

Bọn nữ liêu trai cùng ồ lên:

- Thảo nào bọn em thấy dáng và nghe giọng quen quen nhưng không biết là đã gặp ở đâu.

Vị khách sĩ hỏi:

- Các cô có thấy điều gì rất lạ thường trong đêm trăng ở khu vườn này không?

Cả bọn nữ liêu trai ngỡ ngác nhìn nhau, túm tụm bàn tán nhưng chẳng phát hiện ra điều gì khác thường cả. Bấy giờ vị khách sĩ cười nói:

- Hoa quỳnh vốn nở vào mùa thu, hôm nay là tháng Tư cơ sao hoa quỳnh lại nở?

Cả bọn ồ lên ngạc nhiên vỡ lẽ ra nhưng vẫn không sao hiểu vì sao hoa quỳnh nở vào đêm trăng trong tháng Tư này. Vị khách sĩ thông thả kể: Ta

với nữ thần chủ mệnh vụ mùa vốn là chỗ thâm tình. Tên nàng là Hợp Hoan Tự Hỷ, có lần ta yêu cầu nàng xuống lệnh cho hoa quỳnh nở vào tháng Tư. Nàng bảo với ta: "Em hoàn toàn có thể làm được nhưng em không làm vậy, vì làm vậy là cưỡng bức, là bắt ép nhau, là trái lý tự nhiên, nghịch lẽ đất trời. Hoa quỳnh vốn mong manh, thanh tân và tinh khiết đến dường nào. Hoa quỳnh nở giữa đêm không bị bướm ong trêu ghẹo, không bị mắt tục tò mò... Em không thể ép buộc hoa quỳnh. Nhưng em sẽ thỏa thuận với hoa quỳnh để một lần chịu theo ý chàng. Chàng hãy nhớ chỉ một lần này thôi nhé!"

- Đây là lý do tại sao đêm trăng tháng Tư hôm nay hoa quỳnh tung bừng sắc hương như vậy! Kể xong câu chuyện vị khách sĩ lại hỏi:

- Các cô có nhớ hôm nay là ngày gì không?

Bọn nữ liêu trai lại ngỡ người ra giây lát rồi mắt sáng lên:

- Ô, Trăng tròn tháng Tư, ngày đàn sinh của đức Thế Tôn.

Vị khách sĩ dẫn cả bọn đi đến bên cây mộc lan, dưới gốc cây có pho tượng Bồ Sư ngồi an nhiên trầm mặc. Pho tượng nhỏ xinh xinh nhưng dường như làn sóng an lạc tỏa ra khắp đất trời. Thịnh thoảng gió xao động làm cho ánh trăng xuyên qua tàng lá ngồi trên thân tượng, cảnh vật bình yên đẹp đến nao lòng. Cả bọn thấy lòng thư thái và hoan hỷ quá nên đồng loạt sụp lạy đê đầu sát đất. Sau khi đánh lễ ba lần, bọn nữ liêu trai cùng vị khách sĩ ngồi tĩnh tọa quanh pho tượng; chừng một canh giờ sau thì vị khách sĩ bảo:

- Để mừng ngày đàn sanh của Thế Tôn, trong các cô ai là người ứng tác giỏi thì hãy soạn khúc ngâm dâng lên cúng dường?

Cả bọn còn ngẫm nghĩ lựa lời thì Thanh Tú Hoa tỏ vẻ:

- Em xin dâng cúng dường khúc ca mừng ngày đàn sanh đức từ phụ.

Nói xong cô đứng dậy chỉnh xiêm y, đánh lễ Thế Tôn xong thì bắt đầu múa và cất tiếng ca:

Như vầng dương sáng soi đường

Như trăng vắng vặc tình thương không cùng

Từ trong đêm tối mịt mù

Bao nhiêu hung hiểm muôn trùng bủa vây

Ngài về thị hiện nơi đây

Vạch đường giải thoát chỉ bày chúng sanh

Này đây là cả tâm thành

Đốc lòng thâm tạ ơn lành Thế Tôn

...
Tiếng ca thánh thót với chất giọng trong vắt đến lạ lùng, bình thường Thanh Tú Hoa vẫn có tiếng là người có chất giọng được ví trong như nước suối giữa rừng, nước ở đầu non nhưng đêm nay cô ca xuất thần và giọng ca trong trẻo vô ngần. Tiếng ca của Thanh Tú Hoa làm xôn xao hoa lá trong vườn, hương tỏa ngào ngạt, sóng âm bay lên không gian dường như làm lay động cả trăng rằm. Vầng trăng tỏa hào quang, muôn triệu vì sao cứ nhấp nháy cháy rực lên màu sáng xanh biếc. Từng đàn bạch hạc bay qua dưới ánh trăng. Các thiên thần từ đâu bay về quanh cây mộc lan cung kính chấp tay đánh lễ Thế Tôn. Một cảnh tượng vô cùng vi diệu mà vị khách sĩ và bọn nữ liêu trai chưa từng thấy bao giờ.

Sáng sớm hôm sau chủ vườn ra thăm thì y trở mắt ngạc nhiên:

- Ô lạ quá! Hoa quỳnh vốn tàn héo sau một đêm, cơ sao đợt hoa này vẫn còn tươi và thoảng hương dù trời đã sáng?

Y lại xem xét kỹ càng hơn từng bông một và lầm bầm:

- Dường như hoa có thêm mấy lần lựa mỏng trắng muốt quanh nhụy hoa!

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ất Lăng thành, 04.2020

Từ cú lục bát TRĂNG

NHẠC CHÀO

*Nghe từ thuở ngủ nôl đưa
Nhạc ngân hò đây tới trưa yên bình
Trăng tà soi nẻo mưu sinh
Ôm đàn ta khảy tang tình chào nhau.*

PHƯỚC ĐIỀN

*Gọi kêu tâm thức ngủ vui
Bất nhị giải thoát đất trời sáng choang
Lối này ruộng phước bỏ hoang
Lông rùa, sừng hổ, trăng vàng hội duyên.*

THIÊN THI

*Cành mai sân trước nở đêm
Tịch yên phá chấp tâm truyền khai tâm
Đói ăn, khát uống, mệt nằm
Nhà tranh hương tắt, vầng trăng soi cười.*

THÔN NỮ

*Trăng vàng trăng ngọc đồng trinh
Miền xưa thôn vắng mối tình say mê
Rượu trà nhấp nhịp cà kê
Hoài xuân thiếu nữ nằm nghe tiếng buồn.*

NGHE

*Nghe từ duyên trước vọng về
Âm ba vi diệu bốn bề rộn reo
Ôm đàn ngơ ngẩn chạy theo
Ồ... vầng trăng nhỏ ai treo đình đôi!*

LỬA

*Những vầng trăng sáng rùng khuya
Đường vu quy có em về ngâm thơ
Đừng cho lửa tắt bao giờ
Để tôi sưởi ấm năm chờ tháng trông!*

BÁN

*Trăng trời Tây trắng bệch buồn
Phượng Đông trắng tỏ mấy vàng thơ hoa
Mua trăng, tôi bán trăng cho
Sáu xu tiền lẻ tròn vo trăng rằm!*

HÒA BÌNH

*Chiến trường phủ bóng hoàng hôn
Đạn im lửa tắt, linh hồn tung tăng
Gọi nhau thăm hỏi ân cần
Hai đầu chiến tuyến chung vầng trăng khuya.*

THÔN THỨC

*Thèm khuya thổn thức vui buồn
Thì thăm với lá động sương mím cười
Nổi lòng tươm rướm theo hơi
Thơ bay lên ánh trăng trời hòa âm.*



thơ

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

RỪNG

*Ngàn cây thủ thi đêm trường
Chồi đâm lá rưng giỡn nguồn suối reo
Nai vàng ngắm ánh trăng treo
Bình yên nghe tiếng gió thêu thào thơ.*

CHIA

*Xôn xao dưới tán lá rừng
Chia nhau tự sự vui mừng, buồn đau
Vàng trắng quang lừa quán nhau
Đạn bom ký ức bạc đầu ngâm nga.*

HUYỀN ẢO

*Chim huyền vút cánh qua đêm
Vô thanh, không hót, nỗi niềm rải rơi
Ánh trắng ảo mộng treo trời
Mỗi tình cảm lặng bóng soi trở mình.*

NGAY ĐÂY BÂY GIỜ

*Bụi xưa đã nhập niết bàn
Chúng sinh thấp đước lên đàng tự đi
Trăng vàng theo hướng chỉ tay
Thoát vòng sống chết ngay đây, bây giờ!*

ĐẠ HƯƠNG

*Sương đêm thấm ướt môi mềm
Hương bay quán quít nỗi niềm nhớ thương
Tàn rồi câu khẩn nén hương
Sân trăng soi bóng, hoa vườn nở tươi.*

TRĂNG & THƠ

*Tuyệt trần hoa nở chào đêm
Vườn sau ứ rác nhũn mềm nhóp nhơ
Trăng soi ma mị mấp mờ
Triều dương tôi đón vãn thơ nắng hiền.*

BẮT CHỢT

*Trăng soi dấu khuyết vết tròn
Những đêm hò hẹn vẫn còn khắc in
Tình buồn chạy trốn bật im
Một hôm bắt chợt hồi sinh bản thân!*

VỢT

*Ngược dòng quá khứ lãng xãng
Tay nôm tay vợt bóng trăng mái chèo
Vấn chương hề rẻ hơn bèo
Vợt liền tay sướng nhà nghèo ngâm nga!*

EM CƯỜI

*Em cười sáng cả đêm đen
Không cười, đêm phải thấp đèn năm canh
Em cười che ánh sáng trăng
Không cười, thấp thòm chị Hằng buồn hiu.*

NGỜ ĐÀU

*Vàng khuya vàng vạc trăng già
Soi đầu xanh đã chuyển ngà tóc tiêu
Câu thề cứ ngỡ tiêu diêu
Ngờ đầu trăng sáng gọi kêu giấc nồng.*



Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG SÁU

Trong chùa này, ngoài Huân ra, tôi còn quen với Thiện, cũng là bạn học cùng lớp với tôi ở Hội An. Huân và Thiện thay nhau đưa tôi đi quanh phố Sài Gòn và Chợ Lớn. Các anh cố ý chở tôi đi ngang những nơi vui nhộn và được công nhận là thắng cảnh của Sài Gòn.

Thấy tôi cũng có vẻ biết thưởng thức và trầm trồ khen ngợi đôi chỗ tráng lệ nhất của Sài Gòn, Huân và Thiện hả hê và coi mòi đặc ý lắm (làm như thể Sài Gòn là cái sở hữu của các anh ấy vậy).

Thực ra, tôi chỉ thấy ngỡ ngàng trước cảnh tượng náo nhiệt của phố thị. Và sự ngỡ ngàng của tôi chỉ là sự ngỡ ngàng trước những cái mới lạ, những cái chưa quen hơn là thích thú hay thỏa mãn trong niềm vui ngắm cảnh. Chẳng biết lúc đó người ta có thấy tôi quê mùa lắm không. Có lẽ có. Xét cho cùng, tôi được sinh ra trong một gia đình mà lý đáng tôi không nên quê mùa mới phải: cha tôi là một nhà văn, mẹ tôi là một

nhà thơ; chị lớn của tôi cũng là một nhà thơ đi du học và đang là một giáo sư Đại học tại Mỹ; các anh chị khác của tôi là giáo sư, là ca sĩ, là nhạc sĩ thành công ở phố thị. Nhưng rời nhà từ lúc bé lại sống trên núi cao, tôi đã không hấp thụ được chút văn minh tiến bộ gì từ gia đình cả. Tôi có vẻ lạc hậu và bị bỏ rơi bởi những cái văn minh, những nét hiện đại của thế giới chung quanh. Và cho đến lúc này tôi mới thấy rằng thực ra tôi không nên là một người quê mùa. Y phục của tôi tồi tệ quá. Tu sĩ Sài Gòn không ăn mặc sơ sài như tu sĩ miền Trung. Chiếc áo vá một miếng trên vai quả là điều kỳ quái và dễ bị nhận lầm là sản phẩm của một kẻ lập dị. Muốn sống cho yên thân thì đừng làm gì trái với số đông, đừng đi ngược lại ước lệ và thói quen của nhiều người. Tôi tự dặn mình như thế.

Nấn ná ở chùa được ba ngày tôi mới đi trình giấy tờ cho công an địa phương (ở Nha Trang thì khách lạ đến nhà phải đi trình báo ngay lập

tức). Tại đồn công an phường, tôi được báo cho biết là giấy tờ của tôi không hợp lệ. Công an địa phương làm việc đúng nguyên tắc và nguyên tắc của chùa này đối với tôi hình như còn gắt gao hơn (vì Huân, Thiện và nhiều người khác đang cư ngụ ở chùa này cũng không có giấy tờ hợp lệ như tôi). Có lẽ nơi đâu cũng vậy, người ta chuộng những người hoạt bát, lanh lợi và tỏ ra yêu đời một cách hăng hái, hơn là thứ người lằm lì, ít nói, chậm chạp và ngờ nghệch như tôi. Hơn nữa, sự im lặng của tôi vào những lúc mà người ta đang nói cười vui vẻ đã làm cho người ta phát ghét tôi thêm thì phải. Cái đó lỗi nơi tôi. Tôi chưa biết cách hòa hợp nhịp nhàng với nếp sống của họ. Sống với họ, tôi phải biết xã giao, biết nói nhiều một chút và phải cười cho tươi chứ không được cười gượng. Không như thế là tự chôn vùi mình, tự đào một hố ngăn cách mình với họ. Nhưng tôi nghĩ, nếu phải cố gắng nói cười và chạy theo cái đời sống vui nhộn, ồn ào, náo động một cách vô duyên, nhạt

nhẽo và không cần thiết như thế thì đó cũng là một cách tự chôn vùi mình, chôn vùi một cách thâm và kinh khiếp hơn.

Tôi chuẩn bị hành trang lên đường, Huân và Thiện nói nếu tôi nài ni thầy trụ trì và hứa tận tụy phục vụ chùa thì tự đứng giấy tờ của tôi sẽ trở thành hợp lệ. Tôi lắc đầu. Hành trang của tôi vẫn vậy, chẳng gì rườm rà, chỉ có thêm một món thôi: cuốn sách thuốc của Thiện tặng. Huân hỏi tôi đi đâu. Tôi thú thật với anh là tôi chưa biết phải đi đâu cả, nhưng tôi hứa với anh trước khi trời tối, tối sẽ rời nơi này để anh khỏi phải lâm vào thế khó xử với thầy trụ trì. Huân và Thiện không dám giữ tôi lại vì đó không phải là quyền hạn của các anh.

Người ta, công an và thầy trụ trì chùa này, đều không thừa nhận tôi. Lý do của họ là giấy thông hành của tôi xin đến một địa chỉ khác không phải là địa chỉ chùa này. Họ làm thế cũng đúng. Nhưng họ chưa biết hết. Vì tôi nào có giấy thông hành gì đâu. Giấy thông hành mà tôi trình cho họ là giấy của Tửu cho mượn và địa chỉ trên giấy đó chỉ là địa chỉ do Tửu bịa đặt ra thôi. Cái tên mà tôi đang sử dụng lại cũng là một tên giả, một tên mượn, một giả danh; nơi chốn để đến cũng chỉ là một nơi chốn giả lập. Chẳng có gì thật và chẳng có gì là của tôi cả. Nếu họ biết điều này thì nguy hại cho tôi lắm. Nhưng nếu họ biết thế thì cũng chưa biết hết. Họ chưa biết rằng tất cả những gì mà họ cho là thật, là bền bỉ, là muôn năm đều cùng sử dụng một cái tên riêng của chúng cũng giả như tôi đã mượn bạn tôi vậy. Hoàn cảnh bỗng dưng đưa tôi vào tình trạng "vô trú" hay "vô trụ xứ" (không dừng nghỉ nơi đâu, không có nơi nào để dừng nghỉ) và "vô danh," "giả danh" (không có tên thật để gọi, không thể gọi tên) - đây là các thuật ngữ của Thiền học Phật giáo. Thật là điều quái bách nếu phải sống trên đời

trong một hoàn cảnh như vậy, và nhất là trong một xã hội mà sự đi lại và cư trú của con người đã không được coi như là một cái quyền tất nhiên của họ. Nhưng trong tư tưởng, tôi cảm thấy như thế cũng thú vị lắm rồi. Bởi vì, dù là tương đối thôi, dù chỉ trong ý niệm thôi, có ai hạnh phúc cho bằng một người không vướng mắc vào đâu, không dừng nghỉ nơi đâu; có ai hạnh phúc cho bằng một người không có tên gọi nào gán cho mình, hoặc nếu có thì có rất nhiều tên gọi, nhưng kẻ ấy biết rõ ràng tất cả những tên ấy đều chỉ là những tên giả và sự hiện diện của hẳn trên đời như là một cái gì uyên nguyên, không có lúc khởi đầu, không thể nghĩ đến, không thể đặt tên, không thể phân loại, không thể sắp đặt, không thể gán ghép hay đánh giá gì được. Họ là họ, vậy thôi. Không có tên để gọi. Không có cái tên nào thật để đặt cho họ. Tất cả đều là những tên giả.

Huân hỏi tôi có quen biết ai ở Sài Gòn hay không. Tôi lắc đầu. Huân lại hỏi tôi có anh chị hay bà con chú bác cô dì cậu mợ gì trong Sài Gòn không. Tôi lại lắc đầu nhưng tôi cũng vừa sức nhớ ra rằng tôi có vài anh chị ruột sinh sống trong này từ trước năm 1975. Tôi nói cho Huân nghe điều đó một cách không mấy thiết tha. Nhưng Huân không bỏ qua chi tiết đó. Huân hỏi anh chị tôi ở đâu, địa chỉ như

thế nào. Tôi hỏi Huân tìm hiểu làm gì vấn đề đó. Huân trả lời tôi một câu rất khôn ngoan và đầy kinh nghiệm và về sau, tôi nhớ mãi như là một bài học vỡ lòng để bước vào đời. Đối với tôi, đó là một câu nói già dặn như là của một cụ lão dạy cho đứa trẻ non dại vậy: "Bạn hãy nhớ lấy một điều là dù bạn có bôn ba giao tiếp với bao nhiêu người đi nữa thì khi bạn gặp hoạn nạn, cũng không ai chỉ tình che chở và bảo bọc bạn cho bằng những người ruột rà trong gia đình. Cha mẹ và anh chị em ruột vẫn là những người gần gũi và sẵn lòng hy sinh cho bạn nhất."

Huân nói chí lý. Tình cảm gia đình lúc nào cũng đậm nét, vô điều kiện và bền bỉ hơn những tình cảm khác. Không phải tôi không biết điều đó, nhưng có lẽ tôi đã quên điều đó vì khi đi tu, coi như người ta đã tự nguyện cắt bỏ sự liên hệ gia đình này rồi. Nhưng trong câu nói của Huân, tôi cảm nhận được một sự thực chua xót mà Huân không muốn nói. Sự thực rằng, những tu sĩ trẻ chúng tôi, trong hiện tình ngặt nghèo của đất nước và nổi lâm nguy của đạo pháp trước sự bủa vây của cộng sản, sẽ không được các bậc cha anh của Giáo hội đùm bọc che chở hết lòng, vì chính họ, những bậc cha anh của chúng tôi, cũng đã và đang bị đặt vào một tình trạng bất an, còn đâu tâm trí và thì giờ để hết lòng quan tâm đến những gì không



nằm trong khả năng và quyền hạn của họ. Muốn được yên, chúng tôi chỉ có thể quay về với gia đình thôi. Mới hôm qua, Huân đã nói với tôi rằng hàng trăm tu sĩ trẻ từ các tỉnh đã đổ dồn về Sài Gòn để xin học, để khỏi bị bắt đi bộ đội, hoặc để dễ thở hơn với cái không khí ngột ngạt mà họ phải chịu đựng ở tỉnh nhà. Những tu sĩ trẻ này, kẻ nào may mắn như Huân và Thiện thì được một chùa nào đó khứng nhận cho tá túc; bằng không, họ phải tự lo liệu lấy. Cửa chùa luôn mở rộng để đón tiếp, vỗ về hàng trăm hàng ngàn Phật tử đến viếng nhưng không thể hé cửa để bảo vệ cho những tu sĩ trẻ, thế hệ tương lai của đạo pháp và dân tộc. Chẳng qua đó cũng chỉ vì sự áp chế của cộng sản mà các thầy trụ trì, thế hệ cha anh của chúng tôi, đang được an thân trong cửa chùa với cái hộ khẩu vô giá mà họ có được, đã phải miễn cưỡng mà từ chối thân nhận sự hiện diện của thành phần tu sĩ trẻ chúng tôi. Trong khi đó, người cộng sản có tình sử dụng mọi thủ đoạn hung hiểm, man trá, để đẩy thanh niên tu sĩ—đối tượng đáng ghét—ra khỏi cửa chùa. Điều tốt nhất đối với chính quyền cộng sản là chúng tôi hoàn tục, về lại với gia đình, hoặc tốt hơn nữa là lấy vợ, sinh con đẻ cái, lo sinh kế, để quên đi rằng đang có sự bóc lột tàn bạo, dã man của họ đối với đồng bào quê hương và để quên đi rằng tôn giáo cần phải được bảo tồn và phát triển để ngăn chặn những tham vọng điên cuồng của những cá nhân hay tập đoàn và những chủ nghĩa phi nhân tính.

Đã lâu rồi, tôi ít bận bịu nghĩ đến gia đình. Và khi nghĩ đến, tôi thường chỉ nghĩ đến cha mẹ già hơn là anh chị em. Tình cảm không chết nhưng sự triu mến và thân mật không còn. Mỗi khi về thăm nhà, tôi ngồi một góc nhìn anh chị em qua lại. Không ai dám tiếp tôi, có lẽ vì sợ rằng không có gì để nói. Chỉ có ba mẹ tôi mới có chuyện mà nói

thôi. Chuyện đạo, chuyện chùa ấy mà! Còn anh chị em tôi thì chỉ thích chuyện văn nghệ, thơ văn, đàn địch ca hát. Tôi về nhà như một người khách, nhưng là người khách khó xếp loại. Thân mật thì không thể mà làm bộ xa lạ cũng không xong. Nay Huân muốn tôi đi cầu cứu với một trong những anh chị của tôi ở Sài Gòn. Tôi thấy ngại quá. Những anh chị trong này so với anh chị em ngoài Nha Trang còn xa lạ gấp bội. Mà giả như có xóa tan được cái xa lạ ngỡ ngàng kia đi nữa thì sự kiện một tu sĩ chung sống với người thế tục cũng đã là điều tối kỵ trong kỷ luật thiền môn. Tăng sĩ phải ở chùa và luôn luôn phải gìn giữ Tăng chúng (không được sống riêng rẽ một mình). "*Tăng ly chúng, tăng tàn, hổ ly sơn hổ bại*" (Tăng sĩ mà rời xa Tăng đoàn thì dễ bị tàn rụi sa ngã cũng như cọp mà lìa rừng thì cọp thua vậy). Tôi không thích về nhà người thế tục, dù là nhà của anh chị ruột. Huân nói tôi cố chấp và khuyên tôi nên tùy hoàn cảnh mà xử sự. Cuối cùng, tôi đành chấp nhận giải pháp tìm đến các anh chị của mình. Huân hỏi tôi biết địa chỉ không. Đó mới thực là vấn đề. Làm sao tôi biết được địa chỉ của các anh chị trong Sài Gòn khi tôi chưa viết cho họ một lá thư nào và họ cũng chưa hề viết cho tôi lấy một chữ kể từ khi tôi mới bỏ nhà đi tu đến giờ! Tôi ngồi im một lúc lâu rồi bất chợt, khi tôi đọc đến tên anh tôi thì một dòng địa chỉ đầy đủ cả số nhà, tên đường, phường, quận, bỗng kéo tuôn theo một cách mau nhiệm. Tôi mới nhớ lại rằng hồi năm ngoái, lúc tôi vừa được mười tám tuổi, chính quyền địa phương nơi tôi ở có gọi tôi đi đăng ký nghĩa vụ quân sự (tức là đi bộ đội, rồi sang Cam Bốt làm nghĩa vụ quốc tế như chính quyền Cộng sản Việt Nam nói) và tôi phải điền tới sáu tờ sơ yếu lý lịch (vì ở chùa không có máy photocopy, muốn sao ra nhiều bản thì chỉ có chép tay

thôi). Trong mỗi tờ sơ yếu lý lịch có phần ghi rõ họ tên, tuổi tác, nghề nghiệp và địa chỉ của từng người thân trong gia đình. Tôi phải từ chùa về nhà để hỏi mẹ tôi về địa chỉ của các anh chị ở xa. Ghi xong, không hiểu sao tôi lại nhớ tới bây giờ. Ký ức tốt thì phiền hà lắm: nó không cho ta quên được những điều muốn quên và đáng quên. Nhưng lúc này thì nó ích dụng thật. Căn cứ theo địa chỉ tôi đọc, Huân lấy xe tức tốc đưa tôi đi.

Hôm đó là chiều thứ Bảy. Nhà anh tôi ở trong một đường hẻm gần chợ Phú Lâm, Quận 6. Khi tôi và Huân đến thì chỉ có người chị dâu và đứa cháu gái gọi tôi bằng chú ở nhà. Người chị dâu này tôi mới gặp mặt lần đầu tiên vì khi anh tôi làm đám cưới, tôi đã không thể về dự với tư cách tu sĩ của mình.

Bà chị dâu mời Huân và tôi ngồi. Chị ấy nói anh tôi đi xin việc làm chưa về. Anh ấy thất nghiệp đã hai năm nay vì là quân nhân của chế độ cũ mà người cộng sản gọi là "ngụy quân," bà chị dâu cho biết như vậy. Nội nghe chừng đó tôi thấy đã mệt lắm rồi. Tôi khoèo Huân, ý chừng muốn nhắc anh ấy là chỉ nên thăm thôi chứ đừng đề cập đến chuyện nấn ná xin ở lại nơi đây. Huân tăng lời tôi, cứ nói thật thoải mái về đủ thứ chuyện với bà chị dâu tôi. Trong khi đó, tôi chỉ trả lời miễn cưỡng với bà chị về tin tức gia đình ở Nha Trang mà tôi biết không mấy tường tận. Và khi nói đến vấn đề chính yếu là tìm chỗ ở cho tôi, Huân cũng hỏi nốt (làm như đó là anh chị của Huân chứ không phải của tôi vậy!). Huân chỉ yêu cầu chỗ ở cho tôi thôi, còn về phần cơm nước, Huân và Thiện hứa sẽ phụ giúp. Đây là điều lạ và oái ăm mà ở Việt Nam sau năm 1975 mới xảy ra: đến tá túc nơi đâu người ta cũng phải mang gạo theo thì mới yên lòng, dù chủ nhà không coi đó như là điều kiện để thu nạp khách.

Tôi ngồi lắng tâm nghe hai người nói chuyện chẳng có ý

kiến gì. Tôi chẳng hiểu sao mình lại có thể thụ động đến như vậy. Rồi tôi bỗng hồi niệm một hình ảnh, một cảm giác xa xưa khi mẹ dắt tôi và văn phòng để xin nhập học cho tôi ở trường mẫu giáo Âu Việt. Và một lần mẹ đưa tôi vào chùa Hải Đức xin cho tôi được làm chú tiểu ở đó (tôi trốn nhà đi tu nhưng chùa không nhận vì không có sự đồng ý của cha mẹ; sau mẹ tôi phải hứa đưa tôi vào chùa tôi mới chịu về nhà để rồi được đi tu một cách chính thức). Thuở ấy, tôi chỉ biết ngồi ngậm cam mà nghe người lớn nói chuyện với nhau. Giờ cũng vậy thôi: tôi vẫn cứ như là một đứa trẻ giao phó cuộc sống của mình cho kẻ khác lo liệu. Tôi đã chấp chững bước vào học đường, bước vào thiền môn như thế nào thì giờ này, tôi cũng ngỡ bước vào đời sống của người thế tục như thế đấy. Khác chăng là bây giờ, tôi đang dọ dẫm bước đi bằng những bước chân miễn cưỡng. Cuối cùng, tôi nghe bà chị dâu tôi quyết định một cách thoải mái rằng được. Rồi như trút được gánh nặng (có lẽ cục nợ như tôi cũng nặng lắm!), Huân giã từ mà về. Bà chị dâu tôi vui lắm, qua nhà bà con khỏe có "ông thầy" là em chồng đến và từ nay sẽ ở lại nhà. Tôi thì mừng vì bà chị chẳng đá động gì đến chuyện khai báo tạm trú với chính quyền địa phương cả. Có lẽ khu vực này dễ dãi.

Ngồi lại một mình trong căn phòng khách nhỏ, tôi vẫn còn mang đầy sự ngỡ ngàng trước cuộc sống mới mà tôi bắt đầu tham dự. Tôi thấy tôi bây giờ im lặng không giống một pho tượng đá mà Đức thường ví nữa; chỉ giống một cục đất mà thôi.

Đến gần tới anh tôi mới về. Gặp tôi, anh mừng lắm và mừng hơn khi biết tôi định ở lại nhà anh. Anh đón tiếp tôi nồng hậu, săn sóc tôi từng li từng tí làm tôi xúc động và bớt đi phần nào ái ngại. Anh cũng báo ngay cho tôi và bà chị dâu biết một tin mừng là anh đã xin được việc làm trong một xí nghiệp sản xuất xe đạp của Nhà Nước. Hai năm thất nghiệp hôm nay bỗng dưng xin được việc làm đúng vào cái ngày tôi đến xin ở lại. Anh ấy và bà chị dâu tin rằng Trời Phật xui khiến tôi đến, mang lại niềm vui và may mắn đó. Vì anh chị tin như vậy nên tôi cũng thấy nhẹ nhàng trong lòng như thể mình đã đóng góp chút đỉnh cho gia đình nhỏ này rồi. Tôi cười thầm trong bụng, không cái chính.

(đón đọc tiếp Chương 7)



MỒ CÔI BẠN

*Bạn vừa khép lại vòng hoa giáp
Nhanh bước một mình lối từ quy
Bè bạn gần xa lần lượt đến
Thảng thốt nhìn nhau, nói được gì !?...*

*Gặp gỡ từ khi xanh mái tóc
Bốn mươi năm lẻ mối giao tình
Thư tay nét chữ dần phai mực
Điện thoại còn lưu ảnh giữ hình...*

*Tôi khoe bạn mỗi bài thơ mới
Đồng điệu chan hoà mắt bạn vui
Chia sẻ từng trang, từng cuốn sách
Tình đời lẽ đạo mạch nguồn khơi...*

*Người thân bạn khóc, bạn bè khóc
Di ảnh rạng ngời nét mến thương.
Sớm muộn trước sau cùng một lối
Chúng ta vốn hiểu lẽ vô thường.*

*Ra đi thanh thản bạn tội nhè
Sương khổ buồn vui để lại đời
Cuối phố đoàn xe vừa rẽ lối
Ngậm ngùi tôi thấy mình mồ côi.*

thơ

TÔN NỮ THANH YÊN

Cuối tháng 4/2020

NẤM LOA KÈN KHO GỪNG



Nấm đùi gà còn được gọi là nấm sò vua (nấm loa kèn) và được xem như một loại nấm quý tốt cho sức khỏe... hãy trở tài làm món *Nấm loa kèn kho gừng* để bồi bổ sức khỏe.

NGUYÊN LIỆU:

Nấm đùi gà (còn gọi là nấm loa kèn): 200g
 Đậu hủ chiên: 100g
 Gừng cắt sợi: 2 muống
 Nấm đông cô khô: 5 tai
 Ớt hiểm: 1 trái
 Hành lá: 1 cọng
 Ngò rí
 Tiêu, dầu điều, dầu ăn
 Hạt nêm Aji-ngon®
 Nước tương.

1. SƠ CHẾ:

– Nấm loa kèn cắt lát dày 1cm. Nấm đông cô khô ngâm nở, cắt đôi.
 – Ớt hiểm đập dập. Đậu hủ chiên cắt lát nhỏ vừa ăn. Hành lá cắt nhỏ.

2. THỰC HIỆN:

Phi thơm 2 muống dầu điều với 2M gừng và ớt hiểm, cho đậu hủ vào đảo sơ, thêm 2 muống nước tương, 1 muống hạt nêm Aji-ngon®. Cho 1 ít nước vào kho 2-3 phút, tiếp tục cho nấm vào, kho lửa vừa đến khi nước cạn gần hết, thêm hành lá, tắt lửa.

3. CÁCH DÙNG:

Cho nấm kho ra đĩa, rắc thêm tiêu, trang trí hành lá, ớt sợi và ngò rí, dùng nóng với cơm.

4. MÁCH NHỎ:

– Nấm nên rửa nhanh dưới vòi nước lạnh để không bị nhũn và giảm chất dinh dưỡng.
 – Nấm rất dễ thấm gia vị, vì vậy ta nên cho vào kho sau cùng để nấm không bị mất.
 – Có thể thay thế Hạt nêm Aji-ngon® với Hạt nêm Aji-ngon® từ Nấm Hương và Hạt Sen.

Hướng dẫn: *Đầu bếp Thanh Vũ*

